

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ TỐ NHƯ

**BẢO ĐẢM QUYỀN HỌC TẬP
CỦA TRẺ EM Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Pháp luật về quyền con người

Mã số: Chuyên ngành đào tạo thí điểm

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: GS. TS. PHẠM HỒNG THÁI

HÀ NỘI - 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

NGUYỄN THỊ TỔ NHƯ

MỤC LỤC

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

MỞ ĐẦU1

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA BẢO ĐẢM QUYỀN HỌC TẬP CỦA

TRẺ EM7

1.1. Quan niệm về trẻ em và quyền trẻ em.....7

1.1.1. Quan niệm về trẻ em7

1.1.2. Quan niệm về quyền trẻ em11

1.1.3. Quan niệm về quyền học tập của trẻ em16

1.2. Quyền học tập của trẻ em trong pháp luật quốc tế và Việt Nam18

1.2.1. Quyền học tập của trẻ em trong pháp luật quốc tế.....18

1.2.2. Quyền học tập của trẻ em trong pháp luật Việt Nam.....27

1.3. Các thiết chế bảo vệ quyền học tập của trẻ em ở Việt Nam.....42

1.3.1. Gia đình42

1.3.2. Nhà trường43

1.3.3. Các tổ chức xã hội.....47

1.3.4. Nhà nước49

Chương 2: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYỀN HỌC

TẬP CỦA TRẺ EM Ở VIỆT NAM.....53

2.1. Thực trạng pháp luật đảm bảo quyền học tập của trẻ em.....53

2.2. Thực trạng bảo đảm quyền học tập của trẻ em của Nhà nước.....62

2.2.1. Hệ thống giáo dục Việt Nam.....64

2.2.2. Những tác động của cách thức tổ chức hệ thống giáo dục đến quyền
được đi học của trẻ em67

2.3. Thực trạng bảo đảm quyền học tập của trẻ em của gia đình, nhà trường và xã hội.....	71
2.3.1. Từ phía gia đình	71
2.3.2. Từ phía nhà trường.....	75
2.3.3. Từ phía xã hội	78
2.4. Ưu điểm và nhược điểm của việc bảo đảm quyền học tập của trẻ em ở Việt Nam hiện nay.....	85
2.4.1. Ưu điểm của việc bảo đảm quyền học tập của trẻ em ở Việt Nam hiện nay	85
2.4.2. Nhược điểm của việc bảo đảm quyền học tập của trẻ em Việt Nam hiện nay	87
2.5. Giải pháp bảo đảm quyền học tập của trẻ em.....	91
2.5.1. Hoàn thiện pháp luật	92
2.5.2. Bảo đảm quyền học tập cho trẻ em bằng pháp luật	94
2.5.3. Bảo đảm quyền học tập cho trẻ em ở gia đình, nhà trường và xã hội.....	96
2.5.4. Các giải pháp khác	99
KẾT LUẬN.....	102
TÀI LIỆU THAM KHẢO	103

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trẻ em hôm nay thế giới ngày mai. Trẻ em do còn non nớt về thể chất và trí tuệ nên cần được chăm sóc và bảo vệ đặc biệt. Tuy nhiên không chỉ bảo vệ, chăm sóc trẻ em bằng tình yêu thương mà chúng ta cần phải trang bị cho trẻ em - thế hệ tương lai của đất nước bằng nền giáo dục tiên bộ và có hiệu quả. Nhận thức được đây là vấn đề quan trọng vì thế Đảng và Nhà nước ta trong nhiều năm đã có những đầu tư đúng hướng cho giáo dục và quy định vấn đề giáo dục trẻ em trong nhiều văn bản. Đảng ta luôn khẳng định vai trò trung tâm, đặc biệt quan trọng của giáo dục và đào tạo trong công cuộc Đổi mới đất nước được khởi xướng từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI là Đại hội của Đổi mới. Tại Đại hội này, Đảng ta đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Phương hướng cơ bản của chính sách kinh tế - xã hội trong Báo cáo chính trị được thông qua tại Đại hội đã đề ra mục tiêu của giáo dục là *“hình thành và phát triển toàn diện nhân cách xã hội chủ nghĩa của thế hệ trẻ, đào tạo đội ngũ lao động có kỹ thuật, đồng bộ về ngành nghề, phù hợp với yêu cầu phân công lao động của xã hội”*. Đại hội xác định *“sự nghiệp giáo dục, nhất là giáo dục đại học và chuyên nghiệp”* phải *“trực tiếp góp phần vào việc đổi mới công tác quản lý kinh tế và xã hội. Tổng kết kinh nghiệm thực hiện cải cách giáo dục, điều chỉnh, nâng cao chất lượng của cuộc cải cách này”*. Đại hội cũng đã đưa ra yêu cầu về phát triển giáo dục là: *“Phát triển có kế hoạch hệ thống giáo dục, từ giáo dục mầm non đến đại học và trên đại học, bảo đảm chất lượng và hiệu quả đào tạo”*; *“Kế hoạch phát triển giáo dục phải gắn bó với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở từng địa phương và trong cả nước. Đầu tư đúng mức cho sự nghiệp giáo dục nhằm trước hết bảo đảm đủ sách giáo khoa và cơ*

sở cần thiết cho dạy và học. Ngoài ngân sách của nhà nước, cần quy định rõ sự đóng góp của các ngành và các địa phương, các tổ chức kinh tế, xã hội và các gia đình cho sự nghiệp giáo dục”

Như vậy, quan điểm về đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo đã được Đảng ta đề ra từ Đại hội toàn quốc lần thứ VI. Đây chính là cơ sở, tiền đề để Đảng ta ngày càng hoàn thiện hệ thống quan điểm, đồng thời là cơ sở để Nhà nước hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về phát triển giáo dục và đào tạo. Điều này đã được thể hiện cụ thể trong các văn kiện Đại hội Đảng, các văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương và trong các văn kiện của Bộ Chính trị, Ban Bí thư các khóa VII, VIII, IX, X cũng như trong chính sách phát triển giáo dục và đào tạo của nước ta.

Bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946 đã ghi nhận sự bảo đảm quyền trẻ em trong lĩnh vực giáo dục, đó là: *“Trẻ con được săn sóc về mặt giáo dưỡng”* (Điều 14), và *“Nền sơ học cưỡng bách và không học phí. Ở các trường sơ học địa phương, quốc dân thiếu số có quyền học bằng tiếng của mình. Học trò nghèo được Chính phủ giúp. Trường tư được mở tự do và phải dạy theo chương trình nhà nước”* (Điều 15). Quan điểm nhất quán về chăm lo và bảo đảm quyền trẻ em được thể hiện xuyên suốt trong các bản Hiến pháp 1959, 1980, 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001).

Giáo dục trẻ em không chỉ được quy định trong văn kiện đại hội Đảng mà còn được quy định thành luật. Như vậy, giáo dục vừa là quyền của trẻ em, vừa là phương tiện không thể thiếu để thực hiện quyền trẻ em khác, giáo dục làm cho tương lai của trẻ em được mở rộng. Ngày 26/01/1990 Việt Nam đã ký Công ước về quyền trẻ em và phê chuẩn công ước này ngày 20/02/1990 không kèm theo bản lưu nào. Việt Nam là nước đầu tiên ở Châu Á và là quốc gia thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước này. Tháng 9/1990, Việt Nam đã tham gia Hội nghị thượng đỉnh thế giới vì trẻ em và tháng 3/1991 đã ký

Tuyên bố thế giới vì sự sống còn, bảo vệ và phát triển của trẻ em. Việc phê chuẩn Công ước về quyền trẻ em 1989 tạo cơ sở pháp lý quốc tế cho việc bảo vệ quyền trẻ em ở Việt Nam, đồng thời cũng đặt ra những nghĩa vụ ràng buộc Việt Nam đối với việc thực thi công ước.

Tuy nhiên, ở Việt Nam việc thực hiện và đảm bảo quyền của trẻ em nói chung cũng như quyền học tập của trẻ em còn nhiều hạn chế, trẻ em ở các vùng miền khác nhau chưa có sự đồng đều về vấn đề này. Như vậy, đồng nghĩa với việc thực hiện luật bảo đảm quyền học tập của trẻ em Việt Nam cũng chưa được quan tâm đúng mức. Vì vậy, việc nghiên cứu thực tế pháp luật Việt Nam đã là được gì và còn thiếu sót gì để hoàn thiện hơn pháp luật trong nước là điều cần thiết. Chính vì điều này, em xin chọn đề tài: **“Bảo đảm quyền học tập của trẻ em ở Việt Nam hiện nay”** làm đề tài luận văn tốt nghiệp.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Việc nghiên cứu quyền trẻ em hiện nay trên thế giới nói chung và Việt Nam nói chung là rất phổ biến. Có rất nhiều công trình nghiên cứu, các dự án hay những báo cáo về quyền trẻ em. Nhưng nghiên cứu về quyền trẻ em trong lĩnh vực giáo dục thì hầu như chưa có mấy công trình nghiên cứu cụ thể. Hầu hết quyền học tập của trẻ được lồng ghép với những báo cáo thường niên của Việt Nam với Liên hợp quốc về việc thực hiện Công ước về quyền trẻ em năm 1989.

Hiện nay chúng ta có Hội bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam. Hội này có nhiệm vụ lập ra những dự án cụ thể hay liên kết với các tổ chức phi chính phủ trên thế giới thành lập những dự án nghiên cứu nhằm bảo đảm quyền của trẻ em tại Việt Nam. Ví như Hội cũng vừa hoàn thành dự án “Bảo vệ quyền trẻ em dựa vào gia đình và cộng đồng”. Mục tiêu chung: Nhằm nâng cao nhận thức và có kỹ năng bảo vệ trẻ em trong toàn dân. Chuyển giao kỹ năng đó cho nhân dân để họ có thể tự làm đặc biệt đối với trẻ em có nguy cơ phải được

bảo vệ, quản lý và ngăn ngừa, giúp cơ quan quản lý nhà nước làm rõ trách nhiệm, xây dựng mạng lưới trợ giúp trẻ em tại cộng đồng bền vững, góp phần xây dựng chiến lược bảo vệ trẻ em với Chính phủ. Ngoài ra hoạt động thường xuyên của Hội này là thăm hỏi và hỗ trợ về mặt kinh tế, tinh thần cho trẻ em ở những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa nhằm giảm cách biệt giữa trẻ em các vùng trong cả nước.

Trong những năm qua, vấn đề trẻ em ngày càng được xã hội quan tâm và được nhiều tác giả nghiên cứu, nhiều công trình nghiên cứu đã được công bố thành sách, chẳng hạn: Cuốn: “Bảo vệ quyền trẻ em trong pháp luật Việt Nam” của Viện nghiên cứu khoa học pháp lý – Bộ tư pháp, Nhà xuất bản giáo dục năm 1996 là một công trình nghiên cứu ở một phạm vi rộng liên quan đến nhiều lĩnh vực pháp luật về quyền trẻ em ở nước ta. Tuy nhiên cuốn sách này được xuất bản đã khá lâu, hiện nay luật cũng đã được sửa đổi và bổ xung nhiều.

Ở cấp độ luận án Tiến sỹ, luận văn thạc sỹ hay ở cấp độ luận văn cử nhân có một số tác giả nghiên cứu về quyền trẻ em nhưng không nghiên cứu sâu về quyền giáo dục ở trẻ em mà nghiên cứu tất cả quyền của trẻ em. Hơn thế hầu hết các tác giả này đều nghiên cứu luật nội dung mà chưa đề cập đến lĩnh vực luật hình thức.

Như vậy, vấn đề bảo đảm quyền học tập của trẻ em Việt Nam cũng đã được một số tác giả đề cập đến nhưng vẫn là những nghiên cứu chung, chưa mang tính cụ thể riêng cho lĩnh vực này.

3. Mục đích, nhiệm vụ của luận văn

Mục đích của luận văn nhằm cho người đọc hiểu hơn về tầm quan trọng của quyền học tập ở trẻ em và thực trạng tình trạng bảo vệ quyền học tập ở trẻ em về mặt luật định cũng như thực trạng thực hiện quyền này ở Việt Nam. Hướng đến mục đích đó, luận văn cũng đề ra những nhiệm vụ cần phải làm:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về quyền học tập của trẻ em và khẳng định quyền của trẻ em cũng là quyền của con người. Và trẻ em là đối tượng mà chúng ta cần phải bảo vệ và chăm sóc nhiều hơn những đối tượng khác.

- Cũng trong luận văn này, tác giả đưa ra một số chuẩn mực quốc tế về quyền học tập của trẻ em trong công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 mà Việt Nam đã là thành viên.

- Từ những chuẩn mực quốc tế như vậy quay trở lại với pháp luật Việt Nam hiện hành. Chúng ta đã làm được gì để bắt kịp và học hỏi được gì từ những quy định của luật quốc tế.

- Một nhiệm vụ nữa cũng không kém phần quan trọng đó là nghiên cứu thực trạng thực hiện pháp luật về bảo đảm quyền học tập của trẻ em hiện nay.

- Trên cơ sở tìm ra các nguyên nhân, luận văn đề xuất các giải pháp về việc hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền học tập của trẻ em Việt Nam.

4. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được trình bày trên cơ sở phương pháp của Lý luận Chủ nghĩa Mac- Lenin về Nhà nước và pháp luật, trên nền tảng quan điểm của Đảng và Nhà nước về con người và sự phát triển con người.

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong luận văn là phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp phân tích đối chiếu, phương pháp tổng hợp, phương pháp hệ thống và phương pháp so sánh.

5. Những nét mới của luận văn

– Phân tích, làm rõ khái niệm trẻ em, quyền trẻ em để từ đó xác định được chính xác đối tượng nghiên cứu.

– Trong luận văn chúng ta sẽ thấy được pháp luật quốc tế quy định thế nào về quyền giáo dục ở trẻ em và từ những chuẩn mực ấy pháp luật Việt Nam đã học hỏi được những gì.

– Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, phân tích, đánh giá luận văn đưa

ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam. Đưa quy định về quyền trẻ em trong lĩnh vực giáo dục của Việt Nam tiến gần đến với chuẩn mực của Quốc tế.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Những giải pháp trình bày trong luận văn có thể tham khảo và áp dụng trong việc hoàn thiện cơ chế pháp lý bảo đảm quyền học tập của trẻ em trên thực tế.

Ngoài ra, luận văn còn có thể được coi như một công trình chuyên sâu nghiên cứu về bảo đảm quyền học tập của trẻ em. Hạn chế là điều không tránh khỏi song luận văn có thể được sử dụng để tham khảo trong quá trình nghiên cứu ở mức độ cần thiết nhất định.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn kết cấu gồm 2 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về bảo đảm quyền của trẻ em hiện nay

Chương 2: Thực trạng và giải pháp bảo đảm quyền học tập của trẻ em ở Việt Nam hiện nay

Chương 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA BẢO ĐẢM QUYỀN HỌC TẬP
CỦA TRẺ EM

1.1. Quan niệm về trẻ em và quyền trẻ em

1.1.1. Quan niệm về trẻ em

Trẻ em luôn là đối tượng nhận được nhiều sự quan tâm không chỉ của gia đình mà còn của cả xã hội. Không phải quá khó khăn để tìm được lời lý giải cho điều này. Tuy nhiên, khi nhìn nhận từ các góc độ khác nhau: Xã hội học, Tâm lý học, Luật học..., mỗi một góc độ lại đặt ra những yêu cầu khác nhau nhằm đáp ứng tốt hơn đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của trẻ em. Hơn nữa, quan niệm về trẻ em của các quốc gia trên thế giới cũng khác nhau.

Dưới góc độ xã hội học, trẻ em là một bộ phận của cơ cấu xã hội [7] dựa vào tiêu chí đặc điểm nhân khẩu, kết cấu xã hội được chia thành nam và nữ, người già người trẻ, người lớn trẻ em, trình độ dân trí cao hay thấp. Theo tiêu chí này, kết cấu xã hội được phân chia căn cứ vào giới tính, trình độ văn hóa, mức độ đóng góp cho xã hội.

Dưới góc độ tâm lý học, xác định trẻ em căn cứ vào độ tuổi và yếu tố tâm lý trong từng giai đoạn phát triển. Nhìn chung các nhà tâm lý học trẻ em trên thế giới đều thống nhất cách phân chia các giai đoạn phát triển của trẻ em như sau [11]:

- Giai đoạn từ 1 - 1,5 tuổi: Giai đoạn này trẻ em được đáp ứng nhanh chóng mọi nhu cầu, cần được chăm sóc thông qua người mẹ. Trẻ em cảm nhận được và dần dần có niềm tin vào thế giới xung quanh.
- Giai đoạn từ 1,5 - 3 tuổi: Trẻ em bắt đầu biết đi và tự định hướng cho mình, hình thành sự tự chủ, muốn tỏ ra độc lập.
- Giai đoạn từ 3 - 6 tuổi: Trẻ em ở độ tuổi này hình thành những năng

lực làm chủ những sự lựa chọn mới. Tình cảm hồn nhiên dễ yêu dễ giận, đồng thời với khả năng thực hiện phẩm chất tự chủ là một phần của ý thức đưa trẻ về sự hình thành cá tính của nó. Tương ứng với giai đoạn này là sự lựa chọn giữa chủ động sáng tạo và cảm giác có lỗi.

- Giai đoạn từ 6 - 12 tuổi: Giai đoạn này trẻ em háo hức sẵn sàng học hỏi nhiều cái mới và đây cũng là độ tuổi trẻ em đến trường. Vì vậy thái độ của người lớn, của môi trường giáo dục sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ em.

- Giai đoạn từ 13 - 18 tuổi: Đây là giai đoạn chưa thành niên, ý thức về mình bước đầu được hình thành. Tôi là ai? Mình sẽ là người như thế nào? Giai đoạn này trẻ em cố gắng khẳng định mình như một người độc lập, sẵn sàng hành động như người lớn.

Từ lâu trẻ em đã được coi là một trong các nhóm xã hội dễ bị tổn thương nhất và được các nhà nước, các cộng đồng quan tâm bảo vệ [5]. Việc phân chia các giai đoạn phát triển của trẻ em là căn cứ vào sự phát triển của trí tuệ, thể chất và tâm lý để từ đó cha mẹ, nhà trường và xã hội có thể hiểu rõ hơn về trẻ em và có các biện pháp giáo dục phù hợp. Vì vậy theo các nhà tâm lý học giai đoạn kết thúc của trẻ em là tuổi 18. Bởi vì độ tuổi này đã có sự phát triển đầy đủ về trí tuệ, thể chất, tâm hồn và đã làm chủ được suy nghĩ đưa ra được những hành vi xử sự phù hợp với xã hội, đạo đức và pháp luật.

Về phương diện pháp lý, câu hỏi "Thế nào là trẻ em?" đã được đặt ra, theo truyền thống trẻ em được định nghĩa như một sự so sánh phủ định: trẻ em là những người chưa trưởng thành. Đó là một định nghĩa hàm chứa các yếu tố tôn giáo, văn hóa, thể chất, niềm tin và định nghĩa này đặt ra hai vấn đề: lúc đầu và khi hết thúc giai đoạn trẻ em để trở thành người trưởng thành.

Về thời điểm bắt đầu của trẻ em, chúng ta thấy trong lời nói đầu của tuyên ngôn về quyền trẻ em năm 1959 có quy định: "trẻ em còn non nớt về

thể chất và trí tuệ, cần phải được bảo vệ và chăm sóc đặc biệt, kể cả sự bảo vệ thích hợp về mặt pháp lý trước cũng như sau khi ra đời". Quy định này đã xác định lúc bắt đầu trẻ em khi còn là bào thai trong bụng mẹ và được bảo vệ về mặt pháp lý, tuy nhiên Tuyên ngôn về quyền trẻ em năm 1959 chỉ là một tuyên bố mang tính chất khuyến nghị và theo pháp luật quốc tế, tuyên ngôn không có giá trị ràng buộc với các quốc gia. Vì vậy pháp luật của các quốc gia không bị ràng buộc bởi quy định của Tuyên ngôn về quyền trẻ em năm 1959.

Theo Công ước về quyền trẻ em năm 1989, trẻ em chính thức có quyền được bảo vệ từ thời điểm sinh ra với quyền được đăng ký khai sinh [3]. Quyền khai sinh là quyền đầu tiên để khẳng định mỗi trẻ em là một cá nhân riêng biệt [8]. Như vậy, thời điểm bắt đầu của trẻ em xét về phương diện pháp lý được xác định theo Công ước về quyền trẻ em năm 1989 cũng giống như quy định của hầu hết các quốc gia trên thế giới. Sau khi sinh ra, trẻ em được chăm sóc, nuôi dưỡng và được pháp luật bảo vệ và trong từng giai đoạn phát triển có những thuật ngữ tương ứng được sử dụng với trẻ em: Trẻ sơ sinh được biểu hiện là những đứa trẻ ở giai đoạn đầu tiên sau khi sinh ra và còn non nớt về mọi phương diện; Nhi đồng là trẻ em ở giai đoạn từ 4 đến 10 tuổi; Thiếu niên là trẻ em ở giai đoạn từ 10 đến 14 tuổi [2]. Thuật ngữ thiếu niên được đề cập đến trong năm quốc tế của trẻ năm 1985; Vị thành niên được hiểu là những người dưới 18 tuổi, thuật ngữ này nhắc đến trong Quy tắc tối thiểu của Liên Hợp Quốc về bảo vệ quyền tự do không bị tước đoạt của trẻ em vị thành niên. Liên Hợp Quốc đặt trẻ em trong đối tượng bảo vệ của pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia với mục đích bảo vệ quyền của trẻ em và người chưa thành niên trong cuộc sống bình thường ở gia đình và cộng đồng cũng như quyền của trẻ em khi vi phạm pháp luật. Bởi vì trẻ em là những người chưa trưởng thành do vậy họ không thể tự mình quyết định và hành động một cách tốt nhất.

Về thời điểm kết thúc giai đoạn trẻ em, vấn đề này pháp luật của các quốc gia quy định cũng rất khác nhau. Mặc dù trẻ em chưa phát triển đầy đủ về thể chất, trí tuệ và năng lực nhưng theo quy định của pháp luật trẻ em bước đầu tham gia một số quan hệ pháp luật. Đa phần pháp luật các quốc gia quy định tuổi 14 là tuổi kết thúc của giáo dục bắt buộc và là giới hạn pháp lý tối thiểu cho việc kết hôn; tuổi 15 là tuổi được phép tham gia quan hệ lao động theo quy định của Tổ chức Lao động Quốc tế. Ở Việt Nam theo quy định của Luật Giáo dục năm 1988 thì tuổi kết thúc của giáo dục bắt buộc là 14 tuổi; hoặc theo quy định của Bộ Luật Lao động năm 1994 thì tuổi tham gia quan hệ lao động của trẻ em là 15 tuổi. Như vậy, theo quy định của pháp luật quốc tế và quốc gia trẻ em được phép tham gia một số quan hệ pháp luật nhưng để tham gia vào tất cả các quan hệ pháp luật với tư cách là người trưởng thành thì pháp luật các quốc gia xác định rất khác nhau. Đa số các quốc gia trên thế giới quy định đủ 18 tuổi là kết thúc giai đoạn trẻ em, có một số quốc gia lại định nghĩa trẻ em là những người dưới 20 tuổi như Thụy Sĩ. Ở Việt Nam, theo quy định của Điều 1 Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2004 thì trẻ em được định nghĩa là những người dưới 16 tuổi. Sự khác nhau đó được Ủy ban về quyền con người của Liên Hợp Quốc khái quát rằng: pháp luật quốc tế không chỉ ra tuổi mà một người đạt tới sự trưởng thành, điều này được xác định bởi mỗi quốc gia trong sự liên quan với các điều kiện kinh tế, xã hội và văn hóa. Quan điểm của Ủy ban về quyền con người được cụ thể hóa trong Điều 1 của Công ước về quyền trẻ em năm 1989: *"Trẻ em là những người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp pháp luật áp dụng quy định tuổi trưởng thành sớm hơn"*. Như vậy, định nghĩa trẻ em của Công ước về quyền trẻ em như là một sự khẳng định ngược: kết thúc giai đoạn trẻ em là bắt đầu của tuổi trưởng thành.

Câu hỏi đặt ra: "Thế nào là trẻ em?" dưới góc độ pháp lý đã được trả lời,

đó là những người chưa trưởng thành có thời điểm bắt đầu là khi sinh ra và giai đoạn kết thúc như theo Điều 1 của Công ước về quyền trẻ em. Chúng ta có thể thấy, dưới góc độ tâm lý hoặc pháp lý thì tuổi 18 vẫn là một hình thức của tiêu chuẩn trẻ em [19]. Tuy nhiên, điểm khác biệt ở chỗ: dưới góc độ pháp lý thì việc tiếp cận trẻ em với tư cách là chủ thể có địa vị pháp lý. Điều đó có nghĩa trẻ em là những người có quyền, có bổn phận và là đối tượng bảo vệ của pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia. Theo pháp luật quốc tế, trẻ em là con người và được hưởng quyền con người. Theo pháp luật quốc gia trẻ em là công dân của quốc gia. Pháp luật quốc gia giới hạn tuổi và xác lập địa vị pháp lý của trẻ em là dựa trên điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa của từng quốc gia. Cho nên giới hạn tuổi và địa vị pháp lý của trẻ em ở các quốc gia khác nhau cũng sẽ khác nhau. Đó là thực tế khách quan bởi điều đó phụ thuộc vào điều kiện và hoàn cảnh của từng quốc gia. Mặc dù khác nhau như vậy nhưng theo pháp luật quốc tế định nghĩa trẻ em vẫn là thống nhất và Điều 1 Công ước về quyền trẻ em là kết quả của một thỏa thuận quốc tế về trẻ em. Thỏa thuận này là nhân tố quyết định gắn chặt quyền của trẻ em và những bù đắp pháp lý có thể sử dụng được cho trẻ em với tư cách là một bộ phận của xã hội [16].

1.1.2. Quan niệm về quyền trẻ em

Quyền trẻ em đã được các quốc gia và cộng đồng quốc tế công nhận thông qua các văn kiện pháp lý quốc tế. Những văn kiện quốc tế có hiệu lực sau khi được một số nước phê chuẩn hay gia nhập (gồm công ước, hiệp ước, nghị định thư). Các quốc gia thành viên chịu sự ràng buộc trách nhiệm pháp lý đối với các văn kiện này ngay khi thủ tục cuối cùng biểu hiện sự nhất trí tuân thủ đã hoàn thành [10]. Tuy nhiên việc định nghĩa quyền trẻ em lại không đơn giản bởi nó được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau.

Dưới góc độ tình thương, trẻ em được coi như những chủ thể phải được hưởng tình thương của xã hội, biểu hiện ở những hành động nhân ái, kêu gọi

ý thức trách nhiệm và bảo vệ trẻ em khỏi đói nghèo, bệnh tật. Những hành động này có tác động mạnh đến lòng trắc ẩn của mọi người, nhưng nó chỉ có tác dụng tức thời. Nói cách khác những hành động ấy thường mang tính giai đoạn không liên tục. Như vậy, theo cách tiếp cận này trẻ em là chủ thể được hưởng sự ưu ái của xã hội nhưng mang tính chất thụ động và phụ thuộc hoàn toàn vào người lớn, vào xã hội và trẻ em là chủ thể tiếp nhận. Mặt khác, theo cách này thì những nguyên nhân ảnh hưởng tới cuộc sống của trẻ em và những giải pháp để giải quyết các vấn đề liên quan đến trẻ em và những giải pháp để giải quyết các vấn đề liên quan đến trẻ em không được đề cập đến. Cách tiếp cận này mang tính đạo đức hơn là tính pháp lý.

Dưới khía cạnh nhân đạo, trẻ em được coi là đối tượng cần phải bảo vệ, đặc biệt khi trẻ em rơi vào hoàn cảnh nguy hiểm. Quan niệm này khác với quan niệm tình thương là ở tính chất của vấn đề mà nó giải quyết đó là trường hợp khẩn cấp. Tuy nhiên điểm giống nhau là cách thức giải quyết vấn đề. Trong cả hai quan niệm, các hành động chỉ nhằm chấm dứt tức thời những nỗi đau khổ và nguy cơ trẻ em phải gánh chịu.

Theo tôi, cách tiếp cận này chủ yếu tập trung vào việc bảo vệ trẻ em khỏi tình trạng nguy hiểm. Vì vậy nó không phản ánh được đầy đủ đối tượng được hưởng quyền là tất cả trẻ em. Hơn nữa, điểm hạn chế của quan niệm này là ở chỗ: họ không tìm nguyên nhân gây ra nguy hiểm của trẻ em và việc ngăn chặn phòng ngừa. Do đó, quyền trẻ em dưới hai khía cạnh tình thương và nhân đạo mặc dù rất cần thiết trong cuộc sống của trẻ em nhưng mới chỉ dừng lại ở sự chia sẻ của người lớn đối với trẻ em.

Quan niệm phát triển cho rằng trẻ em phải có các điều kiện thích hợp để phát triển và trưởng thành, trở thành những công dân có ích, có năng lực như người lớn. So với các quan niệm trên, nét khác biệt và cũng là điểm tích cực của quan niệm phát triển ở chỗ: phải tạo điều kiện, môi trường cho sự

phát triển của trẻ em. Theo cách tiếp cận của sự sống còn và phát triển, quyền trẻ em bao gồm yếu tố nhân đạo và quan niệm phát triển.

Như vậy, quyền trẻ em được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau và mỗi cách tiếp cận đều có yếu tố hợp lý nhất định. Với cách tiếp cận tình thương và nhân đạo nó phản ánh giá trị nhân văn của xã hội loài người. Đó là mối quan hệ giữa con người với con người, đó là sự ưu ái của người lớn cho trẻ em bởi vì trẻ em cần phải được bảo vệ. Điều này rất cần thiết trong cuộc sống nhưng những quan niệm này không thấy được tính tích cực của chủ thể cần bảo vệ mà nhìn nhận trẻ em như những chủ thể thụ động.

Với cách tiếp cận sống còn và phát triển, tính tích cực và hợp lý của quan điểm này thể hiện: trẻ em trước tiên cần có sự sống và sự sống còn của trẻ em là cơ sở để trẻ em phát triển, trưởng thành. Như vậy, quan niệm này đã chỉ ra được cách thức cho sự phát triển của trẻ em, nhìn nhận trẻ em là chủ thể tích cực trong việc hưởng quyền. Tuy nhiên, điểm hạn chế chính là xem xét quyền trẻ em từ nhu cầu của người lớn và cho sự phát triển của trẻ em theo nhu cầu đó.

Theo tôi, trẻ em là nhóm xã hội dễ bị tổn thương do còn non nớt về thể chất, chưa đủ năng lực và cần được bảo vệ. Quan điểm này đã thể hiện thông qua các cách tiếp cận khác nhau. Bởi vì trẻ em không độc lập như người lớn, ít có khả năng và cơ hội để quyết định những vấn đề ảnh hưởng đến họ, nói như vậy không có nghĩa là phủ nhận vai trò tích cực của trẻ em mà cần phải nhìn nhận năng lực và giá trị của trẻ em trong xã hội.

Với nhận thức như vậy, dưới góc độ pháp lý quốc tế việc nhìn nhận quyền trẻ em còn cần phải xem xét tới bản chất và nội dung của quyền trẻ em.

Quyền con người là yếu tố cấu thành bản chất của con người, điều đó có nghĩa là tất cả mọi người đều có quyền giống nhau. Quyền con người không chỉ dành cho người lớn, bởi vì quan điểm quyền trẻ em cũng là quyền con

người bắt nguồn từ thực tế khách quan rằng: trẻ em cũng là những con người, là thành viên của xã hội và là công dân của quốc gia nên đều có những quyền cơ bản của con người, của công dân. Điều này cũng được thể hiện thông qua tất cả các văn kiện quốc tế về quyền con người mà ở đó bắt đầu bằng câu: "Mọi người đều có quyền....". Trong pháp luật quốc gia, khi đề cập tới quyền và nghĩa vụ của các cá nhân thường sử dụng thuật ngữ công dân bao gồm người lớn và trẻ em. Vì vậy, trẻ em cũng phải có quyền như những người trưởng thành, phẩm giá và vị thế của một con người không chỉ bắt đầu khi người đó đến tuổi trưởng thành mà bắt đầu khi người đó được sinh ra [17].

Tuy nhiên trong giai đoạn đặc biệt của con người - giai đoạn tuổi thơ trẻ em cần có sự quan tâm, chăm sóc và hỗ trợ đặc biệt. Trong lĩnh vực quyền con người, điều này được hiểu theo nghĩa là việc đảm bảo các quyền con người của trẻ em phải dựa trên các đặc điểm và nhu cầu trẻ em.

- Do trẻ em là công dân đặc biệt nên đặc điểm nổi bật của quyền trẻ em là bản thân chưa thể hiện và bảo vệ quyền của mình và chủ yếu phụ thuộc vào người lớn. Vì thế gia đình và xã hội phải tạo ra những điều kiện tốt nhất để bảo vệ trẻ em.

- Có những quyền đặc thù chỉ trẻ em mới có như quyền không áp dụng mức án cao nhất hoặc những quyền trẻ em được ưu tiên hơn như quyền được học tập, quyền được bảo vệ đặc biệt. Chính vì vậy quyền của trẻ em được quy định riêng trong các văn kiện quốc tế.

- Trẻ em được hưởng các quyền con người nhưng do trẻ em còn non nớt về thể chất, trí tuệ và năng lực hành vi chưa đầy đủ nên trẻ em chưa được hưởng một số quyền như người lớn như quyền kết hôn, bầu cử, ứng cử. Sự giới hạn này xuất phát từ đặc trưng khách quan về thể chất và tinh thần của trẻ em nhằm mục đích bảo đảm sự phát triển toàn diện của trẻ em cũng như sự vận động của toàn xã hội. Đây không phải là sự phân biệt đối xử trên cơ sở độ tuổi.

Như vậy, bản chất quyền của trẻ em chính là quyền của con người được cụ thể hóa cho phù hợp với nhu cầu, đặc trưng phát triển và tính chất cuộc sống của trẻ em.

Xét về nội dung, việc xem xét quyền trẻ em gắn liền với bối cảnh chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa của từng quốc gia. Mức độ quan tâm đến trẻ em phát triển dần lên trong lịch sử cho chúng ta thấy rằng quan niệm về trẻ em gắn chặt với cách thức xã hội nhìn nhận về trẻ em và những kết quả của sự tác động đan xen giữa các lực lượng chính trị, kinh tế, xã hội. Quan điểm trẻ em có quyền bắt nguồn từ nhận thức: trẻ em đóng góp vào sự tái tạo xã hội về mặt sinh học, tổ chức và văn hóa. Do đó trẻ em có yêu cầu chính đáng được chia sẻ với người lớn trong tất cả các lĩnh vực của đời sống văn hóa- xã hội. Trẻ em là chủ nhân của hiện tại và là những người xây dựng tương lai. Việc ghi nhận quyền trẻ em nhằm bảo đảm cho trẻ em không chỉ là người tiếp thụ động của người lớn mà trở thành những chủ thể của quyền, có khả năng tạo dựng cuộc sống phù hợp.

Trên cơ sở các cách tiếp cận khác nhau, xuất phát từ bản chất và nội dung quyền trẻ em được định nghĩa như sau: ***quyền trẻ em là tất cả những gì cần có để trẻ em được sống và phát triển một cách lành mạnh và an toàn.***

Định nghĩa này, theo tôi đã bao quát được các khía cạnh liên quan đến quyền trẻ em, cụ thể là:

Thứ nhất, trẻ em là nhóm xã hội dễ bị tổn thương và được tất cả mọi người, cộng đồng xã hội và pháp luật bảo vệ. Vì vậy những nguy cơ có thể ảnh hưởng tới trẻ em và giải pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em sẽ được xem xét, đề cập nhằm mang lại lợi ích tốt nhất cho trẻ.

Thứ hai, trẻ em được gia đình, xã hội chăm sóc, nuôi dưỡng và tạo điều kiện để phát triển. Đặc biệt dưới góc độ pháp lý thì việc tiếp cận với trẻ em phải dựa trên cơ sở quyền của trẻ em.

Thứ ba, để bảo đảm quyền trẻ em và trẻ em được sống, phát triển một cách an toàn, lành mạnh luôn cần có một số cơ chế pháp lý trên phương diện quốc tế cũng như ở mỗi quốc gia. Bởi vì quyền trẻ em là một giá trị phổ biến được cộng đồng quốc tế thừa nhận nhưng thực hiện và bảo đảm quyền trẻ em lại diễn ra ở các quốc gia. Vì vậy cơ chế pháp lý bảo vệ quyền trẻ em ở từng quốc gia cũng luôn phải phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa của mỗi quốc gia.

1.1.3. Quan niệm về quyền học tập của trẻ em

Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm và coi trọng công tác giáo dục và đào tạo, ngay từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, giáo dục đào tạo được xác định là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển. Quan điểm, chủ chương, đường lối của Đảng về giáo dục và đào tạo luôn được thể hiện nhất quán từ trước đến nay tiếp tục phát triển lên một bước cao hơn. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X tiếp tục khẳng định giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, phát triển giáo dục và đào tạo là một động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là điều kiện thúc đẩy nguồn lực con người. Điều này ở đại hội Đảng lần thứ XI càng được quan tâm và khẳng định rõ mục tiêu từ nay đến năm 2020: phát triển kinh tế tri thức trên cơ sở phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ [4].

Để mỗi trẻ em – chủ nhân tương lai của đất nước có điều kiện phát triển, hơn bao giờ hết, Nhà nước cần phải có chủ trương, chính sách và pháp luật đúng đắn, tích cực tác động đến trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em được phát triển về thể chất và tinh thần. Điều đó có nghĩa là, trong hoạt động của mình, Nhà nước phải luôn quan tâm đến trẻ em, tạo mọi điều kiện cho trẻ em phát triển toàn diện.

Quan tâm đến trẻ em là quan tâm đến những điều kiện vật chất và tinh thần của trẻ em ở các vùng miền khác nhau, thuộc các đối tượng khác nhau trong cả nước, để trẻ em có điều kiện phát triển toàn diện.

Giáo dục là một lĩnh vực rộng lớn, bao quát từ những nội dung về mục tiêu, tính chất, nguyên lý giáo dục, hệ thống giáo dục quốc dân, nội dung và phương pháp giáo dục, chương trình giáo dục đến quyền và nghĩa vụ học tập của công dân, nhiệm vụ và quyền của người học, quản lý nhà nước về giáo dục, trách nhiệm của nhà trường, giáo dục và xã hội...

Quyền học tập là quyền tối quan trọng, là loại quyền trong lĩnh vực văn hóa liên quan đến tất cả các quyền kinh tế, xã hội. Xét theo khía cạnh nào đó, đây cũng là quyền dân sự, chính trị bởi quyền học tập được xem là trung tâm để thực thi một cách có hiệu quả tất cả những quyền trên.

Hiến pháp 1992 khẳng định: "Trẻ em được gia đình, Nhà nước và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục". Như vậy, trẻ em- những công dân nhỏ tuổi của đất nước- cần phải được hưởng đầy đủ quyền học tập và có nghĩa vụ học tập hết chương trình mà Nhà nước quy định. Theo Khoản 1 Điều 16 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 thì: *"Trẻ em có quyền được học tập. Trẻ em học bậc tiểu học trong các cơ sở công lập không phải trả học phí"*.

Quyền trẻ em trong lĩnh vực học tập ở Việt Nam thể hiện bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, trong đó đảm bảo để mọi trẻ em Việt Nam trên mọi vùng miền khác nhau đều được đối xử bình đẳng về cơ hội học tập nhất là trẻ em nghèo, trẻ em vùng sâu vùng xa, trẻ em có nhược điểm về thể chất và tinh thần. Liên quan đến chủ trương này Điều 10 Luật Giáo dục năm 2005 đã quy định rõ: *"Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Mọi công dân không được phân biệt chủng tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính nam nữ, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội hoặc hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập"*.

Quyền học tập của trẻ em là hệ thống các nguyên tắc và quy phạm pháp luật điều chỉnh các mối quan hệ liên quan đến quyền học tập, quyền bình đẳng trong tiếp cận với giáo dục, quyền được vui chơi, giải trí và phát triển năng khiếu của trẻ em Việt Nam, thể hiện chủ trương, chính sách, sự quan tâm sâu

sắc của Nhà nước đến trẻ em, dành cho trẻ em những gì tốt đẹp nhất mà Nhà nước, gia đình và xã hội có thể làm được.

1.2. Quyền học tập của trẻ em trong pháp luật quốc tế và Việt Nam

1.2.1. Quyền học tập của trẻ em trong pháp luật quốc tế

1.2.1.1. Công ước về quyền trẻ em năm 1989

Năm 1979, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đã quyết định là Năm quốc tế thiếu nhi và chấp nhận kiến nghị của Ba Lan về việc soạn thảo một công ước quốc tế riêng về quyền trẻ em nhằm bảo vệ và thúc đẩy một cách có hiệu quả cuộc sống của trẻ em trên thế giới. Một nhóm công tác gồm đại diện của 43 nước thành viên Ủy ban quyền con người đứng đầu là luật sư người Ba Lan Adam Lopatka và đại diện của nhiều cơ quan, tổ chức chuyên môn khác của Liên Hợp Quốc được chỉ định soạn thảo công ước. Việc soạn thảo công ước cũng có sự tham gia tích cực của khoảng 50 tổ chức phi chính phủ trên toàn thế giới. Sau 10 năm làm việc tích cực với nhiều lần chỉnh sửa, lấy ý kiến đóng góp của các chính phủ, các tổ chức quốc tế, dự thảo Công ước về quyền trẻ em đã hoàn thành và được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 20/11/1989. Ngày 2/9/1990 Công ước có hiệu lực. Việt Nam là quốc gia đầu tiên ở Châu Á và là quốc gia thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước về quyền trẻ em. Đây là Công ước có số lượng quốc gia thành viên lớn nhất trong hệ thống các điều ước quốc tế về quyền con người của Liên Hợp Quốc. Gần 100% trẻ em trên thế giới thuộc những quốc gia thành viên của Công ước.

Trong hệ thống điều ước quốc tế về quyền con người, Công ước về quyền trẻ em là văn kiện pháp lý đề cập riêng đến quyền con người của trẻ em. Công ước đưa ra tập hợp các quyền trẻ em và các bảo đảm cho việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em một cách có hiệu quả. Công ước không chỉ đề cập đến quyền trẻ em nói chung mà còn đề cập đến những nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn: trẻ em tàn tật, trẻ em trong xung đột vũ trang.

Là một điều ước quốc tế, Công ước về quyền trẻ em ràng buộc nghĩa vụ của các quốc gia đã phê chuẩn hoặc gia nhập trong việc thực hiện các quyền trẻ em. Không những thế, nó còn xác lập một cơ chế pháp lý quốc tế để theo dõi, giám sát quá trình thực hiện quyền trẻ em ở các quốc gia. Chính vì vậy, có thể khẳng định rằng Công ước là văn kiện pháp lý quốc tế cơ bản và toàn diện nhất về quyền trẻ em.

Công ước về quyền trẻ em tiếp cận quyền trẻ em từ những đặc thù trong sự phát triển về thể chất và tinh thần của trẻ em. Không những vậy, Công ước còn đề cập cụ thể đến các yếu tố, hoàn cảnh tác động đến việc bảo đảm quyền trẻ em. Công ước đề cao vai trò của gia đình với ý nghĩa là môi trường quan trọng nhất cho sự sống còn, phát triển và hạnh phúc của trẻ em. Công ước đề cập đến tác động của truyền thống văn hóa đối với cuộc sống, sự phát triển của trẻ em, đồng thời nhấn mạnh vai trò của hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này.

Quyền trẻ em được làm rõ trong Công ước và lấp đi những lĩnh vực còn trống trong các văn kiện quốc tế trước đó về quyền trẻ em. Đó chính là các yếu tố cơ bản làm cho Công ước trở thành công cụ pháp lý quốc tế quan trọng và hiệu quả nhất trong việc bảo vệ các quyền trẻ em.

Công ước về quyền trẻ em qui định hệ thống các quyền trẻ em trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Theo cách phân loại truyền thống thì quyền trẻ em cũng bao gồm các quyền: dân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Tuy nhiên, khác với các công ước quốc tế về quyền con người, xuất phát từ đặc thù của trẻ em, Công ước hướng vào các lĩnh vực: bảo đảm sự sống còn của trẻ em, bảo vệ trẻ em và sự tham gia của trẻ em. Chính vì vậy khi phân nhóm quyền của trẻ em, các nhà nghiên cứu cũng có những cách nhìn nhận khác nhau. Theo tác giả Carolyn Hamilton, quyền trẻ em được phân thành ba nhóm: quyền sống còn, quyền được bảo vệ và quyền tham gia.

Qũy nhi đồng Liên Hợp Quốc cho rằng Công ước quyền trẻ em bao trùm các lĩnh vực rộng lớn và tổ chức này chia quyền trẻ em thành bốn nhóm: quyền sống còn, quyền được bảo vệ, quyền phát triển và quyền tham gia. Ở Việt Nam quan điểm của các nhà học giả cũng giống cách phân chia của Qũy Nhi đồng Liên Hợp Quốc [9].

Theo tôi, sở dĩ quyền trẻ em không phân chia theo cách truyền thống khi phân chia quyền còn người là vì trẻ em cũng là con người và quyền con người đã được quy định. Cho nên Công ước chỉ tập trung quy định các quyền đặc thù cần thiết nhất cho trẻ em. Mặt khác, cuộc sống của trẻ em là một quá trình liên tục chứ không phải là các sự kiện tách rời. Sự phân chia chỉ mang tính chất tương đối và không chính thức nhưng nó có ý nghĩa trong việc nghiên cứu, vật dụng đặc biệt là hoạt động truyền thông về quyền trẻ em.

Trong lĩnh vực quyền con người nói chung, các quyền dân sự, chính trị phải được thực hiện ngay; các quyền kinh tế- xã hội và văn hóa thực hiện dần dần từng bước tương ứng với sự phát triển của điều kiện kinh tế- xã hội. Trên phương diện pháp luật quốc tế, quyền trẻ em hoàn toàn không phải là vô hạn mà phụ thuộc vào hai yếu tố: Bảo đảm lợi ích công cộng và cân bằng với trình độ phát triển kinh tế- xã hội, phong tục tập quán của các quốc gia. Chính vì vậy Công ước đòi hỏi các quốc gia thành viên có nghĩa vụ tôn trọng và bảo đảm thực hiện, đồng thời Công ước cũng xác định giới hạn và cách thức thực hiện. Đối với quyền sống còn phải thực hiện ngay lập tức; các quyền tôn giáo tín ngưỡng cho phép hạn chế nếu cần thiết; các quyền phát triển, chăm sóc y tế, học tập khuyến khích đảm bảo tới mức tối đa.

Công ước về quyền trẻ em đánh dấu bước ngoặt lớn trong việc ghi nhận và bảo đảm các quyền của trẻ em. Để hỗ trợ cho Công ước, từ năm 1989 đến nay Liên Hợp Quốc tiếp tục thông qua nhiều văn kiện quốc tế khác về vấn đề này, trong đó có hai Nghị định thư bổ sung Công ước đều được thông qua

năm 2000, bao gồm: Nghị định thư không bắt buộc về sử dụng trẻ em trong các cuộc xung đột vũ trang và nghị định thư không bắt buộc về buôn bán, bóc lột mại dâm trẻ em và văn hóa khiêu dâm trẻ em.

Tóm lại, Công ước về quyền trẻ em trở thành hiện thực không phải là vấn đề đơn giản và dễ dàng mà là quá trình phấn đấu lâu dài, gian khổ. Trên thực tế tình trạng vi phạm quyền trẻ em còn phổ biến ở nhiều nơi và không phải tất cả mọi trẻ em đều đã được hưởng đầy đủ quyền của mình nhưng nội dung Công ước vẫn là những chuẩn mực quốc tế cho hành động của các quốc gia và là công cụ pháp lý quốc tế quan trọng nhất cho việc thúc đẩy và bảo vệ quyền trẻ em [18].

1.2.1.2. Công ước quốc tế về quyền trẻ em 1989 - Văn kiện quốc tế cơ bản và toàn diện về quyền trẻ em hiện nay

Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em năm 1989 đánh dấu một bước ngoặt lớn trong việc bảo đảm các quyền của trẻ em, được coi là văn kiện pháp lý quốc tế cơ bản và toàn diện nhất về quyền trẻ em.

So với các văn kiện trước đó đề cập đến vấn đề quyền trẻ em, Công ước có những điểm nổi bật là:

Thứ nhất, Công ước quyền trẻ em năm 1989 đã bao quát được tất cả các khía cạnh của quyền trẻ em. Ngoài lời nói đầu, nội dung của Công ước gồm 3 phần với 54 điều khoản. Đặc biệt trong phần I, bên cạnh định nghĩa, các nguyên tắc chung của việc bảo vệ quyền trẻ em, Công ước còn đề cập các biện pháp bảo vệ đối với trẻ em tị nạn, trẻ em trong khu vực có xung đột quan sự, trẻ em bị bóc lột và trẻ em thuộc dân tộc thiểu số.

Thứ hai, Công ước đã đưa ra một định nghĩa chung về trẻ em mà có thể áp dụng cho mọi xã hội trên thế giới mà không có sự phân biệt về bất kỳ yếu tố chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa, phong tục tập quán.

Thứ ba, nếu như các văn kiện pháp lý quốc tế trước đó mới chủ yếu đề

cập đến quyền trẻ em ở góc độ quyền con người thì Công ước khẳng định trẻ em là những cá nhân có những nhu cầu, lợi ích riêng biệt và đưa ra một tập hợp các quyền của trẻ em trên cơ sở kết hợp cả hai nguyên tắc: tôn trọng nhân phẩm, các quyền tự do của con người và nhằm đáp ứng nhu cầu đặc thù của trẻ.

Thứ tư, Công ước còn đề cập đến những nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn như trẻ em tàn tật, trẻ em bị mất môi trường gia đình, trẻ em mại dâm, trẻ em làm trái pháp luật, đồng thời đề cập đến những thách thức hay những vấn đề cấp bách mà trẻ em đang gặp phải như bị lạm dụng tình dục, bóc lột lao động, buôn bán trẻ em và những biện pháp nhằm xóa bỏ những thách thức, vấn đề cấp bách này.

Thứ năm, không chỉ quy định về các quyền trẻ em, Công ước còn đề cập cụ thể đến những yếu tố, hoàn cảnh tác động đến việc bảo đảm các quyền trẻ em. Công ước đề cao vai trò của gia đình với ý nghĩa là môi trường tự nhiên quan trọng nhất cho sự sống còn, phát triển, hạnh phúc của trẻ em và quy định rõ trách nhiệm của các quốc gia thông qua các cam kết, thực hiện đầy đủ việc đảm bảo cho trẻ em được hưởng các quyền được sống, được chăm sóc, được bảo vệ, được học tập.

Thứ sáu, với sự ra đời của Công ước, quyền trẻ em đã chuyển sang thời kỳ phát triển mới, thay đổi cơ bản về chất: chuyển quyền trẻ em từ phạm trù đạo đức sang phạm trù pháp lý- chính trị. Các quốc gia thành viên phải quy định trong pháp luật mình một cách cụ thể, đầy đủ, toàn diện và nhất quán những quyền mà trẻ em được hưởng phù hợp với Công ước. Không những thế, Công ước còn xác lập một cơ chế pháp lý để theo dõi, giám sát sự tiến bộ của các quốc gia trong việc đảm bảo các quyền trẻ em. Ủy ban về quyền trẻ em được thành lập nhằm xem xét sự tiến bộ mà các quốc gia thành viên đạt được trong việc thực hiện các nghĩa vụ mà họ đã cam kết thông qua các báo cáo định kỳ. Bên cạnh Ủy ban về quyền trẻ em thì các cơ quan chuyên môn, UNICEF và

các tổ chức khác thuộc Liên hợp quốc cũng có thẩm quyền giám sát, giúp đỡ các quốc gia thành viên trong quá trình thực hiện Công ước. Các tổ chức phi chính phủ với mạng lưới rộng lớn gồm những văn phòng đại diện ở các quốc gia sẽ tiếp tục những công việc của Ủy ban về quyền trẻ em: cung cấp thông tin bằng văn bản đến Ủy ban về những vấn đề liên quan tới báo cáo quốc gia; hỗ trợ chuyên môn cho các cuộc thảo luận của Ủy ban về quyền trẻ em [15].

Tính đến thời điểm này, Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em 1989 vẫn là văn kiện pháp lý quốc tế cơ bản và toàn diện nhất về quyền trẻ em. Mặc dù vậy, đây không phải là văn kiện quốc tế duy nhất về vấn đề này. Để thấy được toàn bộ khuôn khổ pháp lý quốc tế về quyền và bảo vệ quyền trẻ em, cần nghiên cứu nhiều văn kiện khác, trong đó tiêu biểu là hai Nghị định thư không bắt buộc bổ sung Công ước về sử dụng trẻ em trong các cuộc xung đột vũ trang về buôn bán trẻ em, bóc lột và văn hóa phẩm kiêu dâm trẻ em; các công ước và khuyến nghị có liên quan của ILO (mà tiêu biểu là Công ước số 138 về tuổi lao động tối thiểu và Công ước số 182 về xóa bỏ những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất); các tuyên bố hướng dẫn, quy tắc chuẩn tối thiểu của Liên hợp quốc về tư pháp người chưa thành niên và một số văn kiện khác.

1.2.1.3. Quyền học tập của trẻ em theo Công ước của Liên hợp quốc năm 1989

Quyền được học tập lần đầu tiên được đề cập trong Khoản 1 Điều 26 Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người năm 1948, trong đó nêu rõ: *"Mọi người đều có quyền được học tập. Giáo dục phải được miễn phí, ít nhất là ở các bậc tiểu học và trung học cơ sở. Giáo dục tiểu học phải là bắt buộc. Giáo dục kỹ thuật và dạy nghề phải mang tính phổ thông và giáo dục đại học hay cao hơn phải theo nguyên tắc công bằng cho bất cứ ai có khả năng"*. Khoản 2 Điều này đề cập mục tiêu giáo dục và Khoản 3, cha mẹ có quyền ưu tiên lựa chọn các hình thức giáo dục cho con.

Điều 26 Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người sau đó được cụ thể hóa trong các Điều 13 và 14 Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội 1966. Điều 13 đề cập đến quyền được học tập nói chung, thừa nhận quyền được học tập của mọi người. Điều 14 cụ thể hóa vấn đề quyền phổ cập giáo dục tiểu học. Theo đó, mỗi quốc gia thành viên Công ước vào lúc trở thành thành viên chưa thể bảo đảm thực hiện được việc giáo dục tiểu học phổ cập và miễn phí trong phạm vi lãnh thổ nước mình hoặc các vùng lãnh thổ khác thuộc quyền tài phán của nước mình, cam kết trong vòng hai năm sẽ lập ra và thông qua kế hoạch hành động chi tiết, nhằm thực hiện từng bước nguyên tắc giáo dục tiểu học phổ cập và miễn phí cho mọi người trong một khoảng thời gian hợp lý đã được ấn định trong kế hoạch đó.

Trong Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em 1989, quyền được học tập của trẻ em được ghi nhận tại các Điều 28, 29. Theo đó các điều này, các quốc gia thành viên phải đảm bảo giáo dục tiểu học là miễn phí, sẵn có và bắt buộc; khuyến khích tổ chức những hình thức giáo dục khác nhau của giáo dục trung học, làm cho những hình thức giáo dục này thuận tiện và đến với mọi trẻ em; thi hành các biện pháp thích hợp như thực hiện giáo dục không mất tiền và tài trợ trong trường hợp cần thiết.

Các quốc gia thành viên phải có biện pháp thích hợp để phổ biến rộng rãi đến tất cả trẻ em những thông tin và định hướng về giáo dục chuyên nghiệp. Các điều này cũng quy định kỷ luật nhà trường phải tôn trọng danh dự, nhân phẩm của trẻ em.

Đồng thời Công ước ghi nhận cam kết của các quốc gia thành viên rằng việc học tập của trẻ em phải hướng tới mục tiêu là [13]:

- "Phát triển tối đa nhân cách, tài năng, các khả năng về trí tuệ và thể chất của trẻ em.
- Phát triển sự tôn trọng quyền con người và các quyền tự do cơ bản, tôn trọng những nguyên tắc được ghi trong Hiến chương Liên hợp quốc.

- Phát triển sự tôn trọng đối với cha mẹ trẻ em, tôn trọng bản sắc văn hóa, ngôn ngữ và các giá trị của bản thân trẻ em, tôn trọng những giá trị quốc gia của đất nước mà trẻ em đang sống và của đất nước là nguyên quán của trẻ em, tôn trọng những nền văn minh khác với nền văn minh của bản thân trẻ đó.

- Chuẩn bị cho trẻ em sống một cuộc sống có trách nhiệm trong xã hội tự do, theo tinh thần hiểu biết, hòa bình, khoan dung, bình đẳng nam nữ và hữu nghị giữa các dân tộc, các nhóm chủng tộc, dân tộc, tôn giáo và những người bản địa.

- Phát triển sự tôn trọng đối với môi trường tự nhiên.

Liên quan đến mục tiêu học tập của trẻ em, trong Bình luận chung số 1 thông qua tại phiên họp lần thứ 26 năm 2001, Ủy ban quyền trẻ em cho rằng, do các mục tiêu như vậy, việc học tập đã vượt ra ngoài môi trường nhà trường và phải lấy trẻ em làm trung tâm, nhằm trao quyền cho trẻ em thông qua việc phát triển năng lực kiến thức, nhân phẩm, lòng tự trọng và sự tự tin của trẻ.

Ngoài ra, Công ước còn hướng tới việc xóa bỏ nạn dốt và mù chữ khắp thế giới và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận các kiến thức khoa học, kỹ thuật và các phương pháp giảng dạy hiện đại, yêu cầu các quốc gia thành viên phải thúc đẩy và khuyến khích hợp tác quốc tế trong những vấn đề liên quan đến việc học tập của trẻ em.

Công ước đưa ra các quy định nhằm đảm bảo việc học hành của trẻ em như *"Các quốc gia thành viên công nhận quyền trẻ em được bảo vệ không bị bóc lột về kinh tế và không phải làm bất kỳ công việc gì nguy hiểm ảnh hưởng đến việc học hành của trẻ em"* (Điều 32).

Khi đề cập đến quyền học tập của trẻ em, Công ước cũng dành nội dung quan trọng quy định về quyền học tập của trẻ em khuyết tật. Quy định của Công ước xuất phát từ nhận thức của cộng đồng quốc tế về người khuyết tật. Người khuyết tật được coi là nhóm thiểu số lớn nhất thế giới và cũng là

một trong những nhóm dễ bị tổn thương nhất, vì tình trạng khuyết tật khiến họ đã và đang phải chịu những thiệt thòi trên tất cả phương diện của đời sống xã hội, trong đó phải kể đến lĩnh vực học tập. Theo báo cáo của UNESCO và ILO, 90% số trẻ em khuyết tật ở các nước đang phát triển không được đến trường, 30% thanh thiếu niên phải kiếm sống trên đường phố là người khuyết tật. Trong số các điều ước quốc tế về quyền con người trước năm 2007, Công ước quốc tế về quyền trẻ em 1989 là công ước duy nhất và đầu tiên đề cập đến việc bảo vệ quyền của trẻ em khuyết tật. Tại Điều 23 Công ước quy định các quốc gia thành viên công nhận trẻ em tàn tật về tinh thần hay thể chất được hưởng một cuộc sống trọn vẹn và đầy đủ trong những điều kiện đảm bảo phẩm giá, thúc đẩy khả năng tự lực và tạo điều kiện cho trẻ em tham gia tích cực vào cộng đồng. Giống như người bình thường, trẻ em khuyết tật cũng có quyền được học tập. Xuất phát từ đặc thù của họ, Công ước yêu cầu các quốc gia *"Trên cơ sở thừa nhận các nhu cầu đặc biệt của trẻ em tàn tật, sự giúp đỡ dành cho trẻ em tàn tật phải được cung cấp miễn phí, bất kỳ khi nào có thể, tính đến khả năng tài chính của cha mẹ hay những người khác chăm sóc trẻ em tàn tật và sẽ được trừ tính sao cho đảm bảo rằng trẻ em tàn tật được tiếp cận hiệu quả và được giáo dục, đào tạo"* (Khoản 3 Điều 23 Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em). Như vậy, theo Công ước, giáo dục với trẻ em khuyết tật cần trên cơ sở hòa nhập, có những điều chỉnh hợp lý phù hợp với nhu cầu của trẻ em.

Quan điểm về chăm sóc và việc học tập của trẻ em ngày nay được hiểu nhất quán trong xã hội là phải chăm sóc, học tập một cách toàn diện, không chỉ chú ý đến bồi dưỡng, truyền thụ kiến thức cho học sinh mà còn phải thường xuyên giáo dục về đạo đức, thể chất, thẩm mỹ và tổ chức vui chơi, giải trí để trẻ phát triển toàn diện. Công ước có quy định các quốc gia thành viên công nhận quyền của trẻ em được nghỉ ngơi và tiêu khiển, được tham gia

vui chơi và những hoạt động giải trí phù hợp với lứa tuổi, được tự do tham gia các sinh hoạt văn hóa và văn nghệ; phải tôn trọng và thúc đẩy quyền của trẻ em được tham gia đầy đủ vào sinh hoạt văn hóa và nghệ thuật, phải khuyến khích việc dành những cơ hội bình đẳng, thích hợp cho hoạt động văn hóa, nghệ thuật, giải trí và tiêu khiển (Điều 31 Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em 1989).

Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em 1989 được coi là bản tuyên ngôn đầy tính nhân văn về quyền con người. Công ước đã làm rõ khái niệm quyền trẻ em, đồng thời soi rọi và khóa lấp những lĩnh vực còn trống trong các văn kiện quốc tế trước đó về quyền con người. Có thể thấy, quyền trẻ em nói chung và quyền học tập của trẻ em nói riêng đã được Công ước quy định một cách rõ ràng, đầy đủ và chi tiết, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc bảo vệ các quyền và hạnh phúc của trẻ em trên thế giới hiện nay.

1.2.2. Quyền học tập của trẻ em trong pháp luật Việt Nam

1.2.2.1. Từ quy định của Công ước Liên hợp quốc năm 1989 đến pháp luật Việt Nam về quyền trẻ em

Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em năm 1989 là một văn kiện trong hệ thống điều ước quốc tế về quyền con người, đề cập riêng đến quyền con người của trẻ em. Công ước tạo ra một bước ngoặt trong việc bảo đảm các quyền trẻ em. Công ước đưa ra tập hợp các nguyên tắc, các quyền trẻ em và các bảo đảm cho trẻ em được bảo vệ, chăm sóc một cách có hiệu quả, được phát triển toàn diện. Công ước đã bao quát được tất cả các khía cạnh của quyền trẻ em, bao gồm: quyền sống còn (Điều 6); quyền được có họ tên và quốc tịch (Điều 7); quyền giữ gìn bản sắc (Điều 8); quyền không bị cách ly khỏi cha mẹ (Điều 9); quyền được đoàn tụ gia đình (Điều 10, 11); quyền tự do phát biểu, tự do bày tỏ ý kiến (Điều 12, 13); quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng, tôn giáo (Điều 14); quyền tự do kết giao và tự do hội họp hòa bình

(Điều 15); quyền được bảo vệ đời tư (Điều 16); quyền được tiếp cận thông tin (Điều 17); quyền được học tập(Điều 28). Tuy nhiên Công ước nhấn mạnh, do đặc biệt của trẻ em về lứa tuổi, về nhu cầu nên cần phải được chăm sóc, bảo vệ, giúp đỡ đặc biệt. Tính nhân văn sâu sắc của Công ước còn được thể hiện ở chỗ Công ước không chỉ đề cập đến quyền trẻ em nói chung mà còn đề cập đến nhóm trẻ em có hoàn cảnh khó khăn như trẻ em tàn tật, trẻ em bị mất môi trường gia đình, trẻ em mại dâm, trẻ em làm trái pháp luật, trẻ em bị bóc lột.

Công ước tiếp cận quyền trẻ em từ những đặc thù trong sự nghiệp phát triển về thể chất và tinh thần của trẻ. Trong Công ước, tất cả các quyền đều quan trọng, đan xen và bổ sung cho nhau. Cuộc sống của trẻ em là một tiến trình liên tục chứ không phải là sự kiện tách rời. Chính vì vậy, các nhóm quyền này có quan hệ gắn bó với nhau, việc phân chia các quyền trẻ em thành những nhóm quyền chỉ mang tính chất dễ hiểu, dễ nhớ mà thôi. Theo Công ước, quyền trẻ em được phân chia theo bốn nhóm cơ bản sau:

- Nhóm quyền được sống còn (các Điều 5, 6, 24, 26, 27). Do trẻ em là những cá thể non nớt cả về thể chất lẫn tinh thần, không thể tự sản xuất ra của cải, vật chất để nuôi sống bản thân, nên trong Công ước, khái niệm "bảo đảm sự sống còn" của trẻ em được mở rộng không chỉ bao gồm việc bảo đảm không bị tước đoạt về tính mạng mà còn bao gồm việc bảo đảm cho trẻ em được cung cấp chất dinh dưỡng và sự chăm sóc sức khỏe và y tế ở mức độ cao nhất. Tất cả các quyền trẻ em nào liên quan đến vấn đề này đều thuộc phạm vi nhóm quyền được sống còn của trẻ em. Nghĩa vụ của các quốc gia là phải đảm bảo cho sự sống còn và phát triển của trẻ em ở mức độ cao nhất.

- Nhóm quyền được bảo vệ (các Điều 2, 7, 8, 9, 10, 11, 16, 19, 20, 21, 22, 23, 25, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40). Khái niệm bảo vệ trẻ em không dừng lại ở việc ngăn ngừa những sự xâm hại về thể chất, tinh thần với trẻ mà còn bao gồm cả việc ngăn ngừa và khắc phục những điều kiện bất lợi đối với

cuộc sống của trẻ em. Theo Công ước quốc tế về quyền trẻ em 1989, nhóm quyền này bao gồm các quyền của trẻ em được bảo vệ khỏi hình thức bóc lột, lạm dụng, sao nhãng, bỏ mặc khỏi sự phân biệt đối xử và bảo vệ trong các trường hợp đặc biệt như bị mất môi trường gia đình, trong các hoàn cảnh chiến tranh, thiên tai...

- Nhóm quyền được phát triển (các Điều 17, 18, 28, 29, 31, 32). Công ước đưa ra một cách nhìn nhận toàn diện về sự phát triển của trẻ em, không chỉ về thể chất mà còn về trí tuệ, tình cảm, đạo đức và xã hội. Tất cả những quyền của trẻ em tác động đến quá trình này được coi là thuộc nhóm quyền phát triển. Nhìn chung, nhóm quyền này thể hiện ở ba khía cạnh chính: cung cấp chất dinh dưỡng (phát triển về thể chất), giáo dục (phát triển về trí tuệ) và cung cấp các điều kiện vui chơi giải trí, sinh hoạt văn hóa nghệ thuật... (phát triển về tinh thần).

- Nhóm quyền được tham gia (các Điều 12, 13, 14, 15, 17, 30). Công ước của Liên hợp quốc 1989 quy định, nhóm quyền này bao gồm tất cả các quyền giúp trẻ em có thể biểu đạt (dưới mọi hình thức), những ý kiến của bản thân các vấn đề liên quan đến cuộc sống của trẻ. Có ba yêu cầu trong việc thực hiện nhóm quyền này là: giúp trẻ có điều kiện tiếp nhận thông tin; giúp trẻ được biểu đạt ý kiến, quan điểm; tôn trọng lắng nghe và xem xét ý kiến, quan điểm của trẻ.

Tìm hiểu nội dung các quy định của Công ước về quyền trẻ em bên cạnh việc tiếp cận theo bốn nhóm quyền như trên của trẻ em, còn có cách tiếp cận khi quan niệm quyền trẻ em cũng là quyền con người theo các nhóm quyền con người. Quyền trẻ em chính là quyền con người, nên các quyền con người của trẻ em của trẻ em mang tính phổ quát và có thể chia thành 4 nhóm như sau:

- *Thứ nhất*: các quyền dân sự, chính trị bao gồm các quyền có họ tên,

quốc tịch; quyền tự do biểu đạt và lập hội, bảo vệ khỏi sự hành hạ và ngược đãi hay những quy định đặc biệt về sự bảo vệ, can thiệp của Nhà nước trong những tình huống và điều kiện mà theo đó trẻ em có thể bị tước đoạt tự do, bị tách khỏi bố mẹ....

- *Thứ hai:* các quyền kinh tế bao gồm quyền được hưởng an sinh xã hội, quyền có một mức sống thỏa đáng cho sự phát triển về thể chất, tinh thần và được bảo vệ khỏi sự bóc lột lao động....

- *Thứ ba:* các quyền xã hội bao gồm quyền được hưởng tiêu chuẩn tốt nhất về chăm sóc sức khỏe, quyền được chăm sóc đặc biệt trong trường hợp bị khuyết tật, quyền được bảo vệ khỏi mọi sự bóc lột và lạm dụng tình dục, quyền được nhận làm con nuôi....

- *Thứ tư:* các quyền văn hóa bao gồm quyền được học tập, thu nhận thông tin từ các nguồn khác nhau, quyền được nghỉ ngơi và giải trí, quyền tham gia các hoạt động văn hóa nghệ thuật....

Công ước còn có các quy định ràng buộc nghĩa vụ của các quốc gia đã phê chuẩn hoặc gia nhập trong việc thực hiện các quyền trẻ em, nhấn mạnh rằng: Nhà nước phải sử dụng một cách tối đa các nguồn lực sẵn có để bảo đảm các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa của trẻ em. Khi cần thiết, các quốc gia có thể yêu cầu sự trợ giúp quốc tế để bảo đảm các quyền của trẻ em.

Để quyền trẻ em được thực hiện có hiệu quả, một cơ chế pháp lý quốc tế để theo dõi, giám sát quá trình thực hiện quyền trẻ em của các quốc gia đã được thành lập theo Điều 43 Công ước, đó là Ủy ban về quyền trẻ em. Ủy ban này có chức năng theo dõi sự tiến bộ của các quốc gia thành viên trong việc thực hiện Công ước. Ủy ban có ba nhiệm vụ chính: Xem xét các báo cáo định kỳ do các quốc gia thành viên đệ trình lên về việc thực hiện Công ước; Đưa ra những khuyến nghị với các quốc gia thành viên trong việc thực hiện Công ước; Chuyển tới Quỹ Nhi đồng của Liên hợp quốc.

Là dân tộc luôn đấu tranh tích cực cho việc thực hiện quyền con người ở từng quốc gia và ở phạm vi toàn thế giới, Việt Nam nhận thức sâu sắc giá trị nhân văn to lớn của Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em. Chính vì vậy mà Việt Nam đã tích cực hưởng ứng trong việc soạn thảo, ký kết và phê chuẩn Công ước. Trong quá trình soạn thảo Công ước, các quy định pháp luật tiến bộ của Việt Nam về quyền trẻ em được quy định trong Hiến pháp cũng như trong Pháp lệnh Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ năm 1979 được chính phủ, các cơ quan nhà nước và đặc biệt là ủy ban quốc tế thiếu nhi Việt Nam chuyển tải đóng góp cho Liên hợp quốc. Việt Nam là nước thứ hai trên thế giới và là nước đầu tiên ở Châu Á phê chuẩn công ước, vào ngày 20/2/1990.

Với tư cách là một nước thành viên thực hiện cam kết của mình, Việt Nam đã nhanh chóng triển khai hàng loạt hành động cụ thể, phong phú để Công ước đi vào đời sống xã hội của đất nước như: Tuyên truyền phổ biến Công ước trong nhân dân một cách rộng rãi thông qua các tài liệu, sách báo, phương tiện thông tin đại chúng; xây dựng chương trình hành động để thực hiện Công ước như chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 1991- 2000, Chiến lược phát triển giáo dục 2001- 2010, Kế hoạch hành động quốc gia giáo dục cho mọi người giai đoạn 2003- 2015; lồng ghép những nội dung cần thực hiện của Công ước vào các chương trình, chính sách xã hội của Nhà nước. Điều quan trọng nhất là Nhà nước Việt Nam đã xây dựng và ban hành một hệ thống pháp luật đồng bộ để thực hiện Công ước, làm cho nội dung cụ thể của nó có vị trí xứng đáng đối với pháp luật quốc gia, để quyền của trẻ em nhất là quyền học tập của trẻ em ngày được quan tâm và thực hiện tốt hơn. Ngay sau khi Việt Nam phê chuẩn Công ước ngày 20/2/1990 Nhà nước đã ban hành, sửa đổi nhiều đạo luật để đảm bảo thực hiện các quyền trẻ em ở Việt Nam. Cụ thể là:

- Hiến pháp năm 1992
- Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004;
- Luật Phổ cập giáo dục tiểu học năm 1991;
- Luật Giáo dục năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);
- Bộ Luật lao động năm 2012 trong đó quy định về tuổi lao động tối thiểu và nghiêm cấm lao động trẻ em;
- Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2003 trong đó quy định về thủ tục tố tụng đặc biệt đối với người bị hại, người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo là người chưa thành niên;
- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 với những quy định nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của phụ nữ và trẻ em;
- Các văn bản luật và dưới luật khác.

Quyền trẻ em theo pháp luật Việt Nam bao gồm các quyền dân sự, chính trị, giáo dục, văn hóa, xã hội, được xây dựng trên cơ sở phù hợp với các quyền của trẻ em trong Công ước quốc tế của Liên hợp quốc, có tính đến tình hình kinh tế- xã hội, đặc điểm văn hóa, truyền thống và phong tục tập quán của dân tộc Việt Nam, theo đó trẻ em Việt Nam cũng được hưởng đầy đủ các nhóm quyền là quyền sống còn, quyền được bảo vệ, quyền được phát triển và quyền được tham gia. Việt Nam đã cụ thể hóa các nhóm quyền của trẻ em được quy định trong Công ước bằng 10 quyền cơ bản của trẻ trong Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 gồm: quyền được khai sinh và có quốc tịch; quyền được chăm sóc và nuôi dưỡng; quyền được chung sống với cha mẹ; quyền chăm sóc sức khỏe; quyền được học tập; quyền được vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, văn nghệ; quyền có tài sản; quyền được tiếp cận thông tin, bày tỏ ý kiến và tham gia hoạt động xã hội.

Khi nói đến quyền trẻ em trong pháp luật Việt Nam không thể không nói đến bốn phân của trẻ em. Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm

2004 quy định về quyền gắn với bổn phận trẻ em là sự phát triển độc đáo giá trị văn hóa Việt Nam trong việc thực hiện Công ước. Các quyền và bổn phận này được hình thành trên cơ sở của mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân, trong đó Nhà nước có trách nhiệm xây dựng và bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và ngược lại trẻ em có quyền thụ hưởng các quyền do Nhà nước trao cho, đồng thời phải thực hiện các bổn phận của mình theo quy định của pháp luật.

Để thực hiện các quyền trẻ em một cách có hiệu quả, theo tinh thần của Công ước, pháp luật Việt Nam quy định rõ ràng trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Gia đình có nghĩa vụ trước tiên trong việc thực hiện các quyền này của trẻ em được sinh ra và được nuôi dạy trong môi trường gia đình. Do vậy, các thành viên trong gia đình đều phải có trách nhiệm chăm sóc cho các em những điều tốt đẹp, đạo nghĩa, giáo dục các em biết quan tâm, tôn trọng cuộc sống của những người khác trong gia đình và cộng đồng.

Song song đó, Nhà nước và xã hội có nghĩa vụ làm tất cả những gì có thể để bảo đảm sự tồn tại của trẻ em. Việt Nam đã xây dựng một bộ máy các cơ quan nhà nước để đảm bảo việc thực hiện quyền trẻ em. Quốc hội với tư cách là cơ quan lập pháp ban hành luật nhằm xây dựng một khung pháp lý, khởi động cho cơ chế thực hiện quyền trẻ em, đồng thời giám sát toàn bộ quá trình thực hiện chủ trương, chính sách và pháp luật có liên quan đến trẻ em. Chính phủ và các bộ ban ngành có trách nhiệm thực thi các quy định của pháp luật về quyền trẻ em cũng như các chính sách liên quan đến quyền trẻ em. Ủy ban có nhiệm vụ trình Chính phủ các dự án Luật, pháp lệnh và văn bản quy phạm pháp luật khác, các chiến lược và các chương trình về dân số, gia đình và trẻ em; tổ chức, chỉ đạo thực hiện pháp luật và các chương trình thuộc lĩnh vực chuyên môn của ủy ban; thanh tra, kiểm tra, giải quyết các khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về dân số, gia đình và trẻ em. Bên cạnh đó còn

có Quỹ bảo trợ trẻ em Việt Nam, đây là một cơ quan trực thuộc Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em được thành lập với mục đích đẩy mạnh xã hội hóa vấn đề bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Quỹ đã góp phần tích cực vào việc thực hiện quyền trẻ em ở Việt Nam, đặc biệt hướng đến các trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em ở vùng sâu, vùng xa. Các cơ quan tư pháp có trách nhiệm bảo vệ trẻ em khi trẻ em vi phạm pháp luật và xử lý các hành vi xâm hại đến quyền trẻ em.

Hiện nay, do sự tinh giảm cán bộ Nhà nước, Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em Việt Nam không còn tồn tại. Tuy vậy, công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em vẫn được sự quan tâm đặc biệt của Nhà nước và Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội là cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về công tác này.

Ngoài các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị- xã hội như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh cũng có trách nhiệm trong việc thực hiện quyền trẻ em. Mặt trận tổ quốc Việt Nam đã thực hiện rất tốt việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật về quyền trẻ em; tham gia và giám sát việc thực hiện pháp luật liên quan đến trẻ em; đưa ra các kiến nghị đối với các cơ quan nhà nước và góp phần ngăn ngừa các hành vi xâm hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em. Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam là một đoàn thể quần chúng với chức năng chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em. Vì vậy, tham gia thực hiện quyền trẻ em là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Hội. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn hoạt động của thiếu niên, nhi đồng, phụ trách Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh. Ngoài ra, nhiều tổ chức xã hội khác cũng đóng vai trò rất to lớn trong việc thực hiện quyền trẻ em như Hội chữ thập đỏ, Hội khuyến học, Hội bảo trợ trẻ em, Hội người tàn tật,...

Chính quyền địa phương có trách nhiệm triển khai thực hiện quyền trẻ

em và các chương trình dành cho trẻ em. Đặc biệt, chính quyền địa phương phải có trách nhiệm trong việc đăng ký khai sinh cho trẻ, trách nhiệm với trẻ em không có nơi nương tựa, đảm bảo các điều kiện cho trẻ em được vui chơi, giải trí, tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao.

Như vậy, về mặt pháp lý cũng như trên thực tế, toàn xã hội Việt Nam cùng tham gia vào việc bảo vệ và thực hiện quyền trẻ em. Không những thế, thực hiện quyền trẻ em ở Việt Nam còn được hỗ trợ rất lớn từ cộng đồng quốc tế, các quốc gia, các tổ chức quốc tế liên chính phủ cũng như phi chính phủ. Sự giúp đỡ không chỉ đơn thuần là sự hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật mà quan trọng hơn là nhằm nâng cao nhận thức của xã hội, của người dân và chính trẻ em về quyền trẻ em cũng như giá trị của họ.

Kể từ khi phê chuẩn Công ước, trong hơn 20 năm qua, hàng chục triệu trẻ em Việt Nam đã được lớn lên, hàng trăm tổ chức xã hội đã được phát triển cùng với Công ước. Sau Công ước này, hệ thống pháp luật, chính sách của Đảng, Nhà nước ta về bảo vệ và chăm sóc trẻ em ngày càng được hoàn thiện, tạo ra những thay đổi về nhận thức, hành động để giải quyết các vấn đề trẻ em. Từ đó, chất lượng cuộc sống của trẻ em được cải thiện đáng kể, quan hệ của trẻ em với gia đình, với Nhà nước và xã hội có chiều hướng tích cực hơn, bắt đầu có cơ chế để lắng nghe tiếng nói của trẻ em.

Tóm lại, Việt Nam đã xây dựng được một khung pháp lý bảo vệ quyền trẻ em. Về cơ bản, các quy định về bảo vệ quyền trẻ em trong các văn bản pháp luật Việt Nam đều phù hợp với các quy định của Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em năm 1989.

1.2.2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam về quyền học tập của trẻ em

Đối với nước ta, sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em được xác định là trách nhiệm của Đảng và Nhà nước, các đoàn thể nhân dân, của mọi công dân và gia đình. Từ các quy định của Hiến pháp, pháp luật nước ta đã

thể chế hóa quyền trẻ em trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, tạo thành một hệ thống các văn bản pháp luật về quyền trẻ em trong đó có quyền học tập của trẻ em.

Tổ chức đầu tiên của trẻ em được thành lập vào ngày 15/5/1941 (nay là Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh). Tháng 5/1961, Ủy ban thiếu niên nhi đồng Việt Nam được thành lập. Tháng 9/1972, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã phát động phong trào bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo khẩu hiệu: *"Tất cả vì tương lai con em chúng ta"*. Năm 1979, để phối hợp với Ủy ban năm quốc tế trẻ em của Liên hợp quốc, Ủy ban năm Quốc tế thiếu nhi Việt Nam được thành lập và Ủy ban thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Hiến pháp đầu tiên của nước ta năm 1946 đã quy định: *"Trẻ em được quyền ăn học, giáo dục"* (Điều 14), thực hiện *"... nên sơ học cưỡng bách và không học phí... Học sinh nghèo được Chính phủ giúp..."* (Điều 15). Những nguyên tắc hiến định mang đậm tinh thần vì trẻ em đó tiếp tục được khẳng định và phát triển trong các Hiến pháp sau này (năm 1959, 1980, 1992). Từ quy định của Hiến pháp, pháp luật Việt Nam đã thể chế hóa quyền của trẻ em trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, tạo thành một hệ thống các văn bản pháp luật về quyền trẻ em [1].

Ngày 26/1/1990 Việt Nam đã ký Công ước về quyền trẻ em và phê chuẩn vào ngày 20/2/1990 (không có bảo lưu nào). Việt Nam là quốc gia đầu tiên ở Châu Á và là quốc gia thứ hai trên thế giới phê chuẩn công ước.

Ngay sau khi phê chuẩn công ước, Nhà nước Việt Nam đã ban hành hai đạo luật quan trọng là Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em và Luật Phổ cập giáo dục tiểu học (cùng vào năm 1991), Luật Giáo dục năm 2005, đồng thời sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản khác nhau nhằm nội luật hóa nội dung của công ước và hệ thống pháp luật quốc gia. Ngoài ra, các cơ quan nhà nước

còn ban hành một số văn bản pháp luật quan trọng như: Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/08/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 88/2001/NĐ-CP ngày 22/11/2001 của Chính phủ về thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở; Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 về chính sách với nhà giáo, các bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn. Thêm vào đó, nhà nước còn xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hành động quốc gia vì trẻ em trong mỗi giai đoạn 10 năm, hiện đã hoàn hành chương trình Hành động Quốc gia vì trẻ em giai đoạn 1991- 2000; Chiến lược giáo dục 2001- 2010 và Kế hoạch hành động quốc gia giáo dục cho mọi người giai đoạn 2003- 2015; Dự án giáo dục tiểu học cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, dự án nhằm mục tiêu là đến năm 2010, tất cả trẻ em trong độ tuổi tiểu học đều được đến trường; cải thiện cơ hội tiếp cận với trường tiểu học và nâng cao chất lượng giáo dục cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn cũng như lồng ghép vấn đề giáo dục trẻ em vào nhiều chương trình kinh tế, văn hóa, xã hội khác của đất nước nhằm bảo đảm cho trẻ em được học tập một cách toàn diện. Hiện tại, hệ thống pháp luật Việt Nam có liên quan đến quyền trẻ em bao gồm hàng trăm văn bản pháp luật, trong đó nòng cốt là Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2004.

1.2.2.3. Quyền học tập của trẻ em Việt Nam

Điều 59 Hiến pháp 1992 quy định: "*Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Bậc tiểu học là bắt buộc, không phải trả học phí. Công dân có quyền học văn hóa và học nghề bằng nhiều hình thức. Học sinh có năng khiếu được Nhà nước và xã hội tạo điều kiện học tập để phát triển tài năng. Nhà nước có chính sách học phí, học bổng. Nhà nước và xã hội tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn khác được học văn hóa và học nghề phù hợp*".

Quy định trên của Hiến pháp được cụ thể hóa trong Luật Phổ cập giáo dục tiểu học năm 1991, Luật Giáo dục năm 2005 và Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2004.

Luật Phổ cập giáo dục tiểu học năm 1991 xác định giáo dục tiểu học ở Việt Nam là phổ biến, bắt buộc và miễn phí. Phổ cập giáo dục tiểu học vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của trẻ em. Điều 1 Luật Phổ cập giáo dục tiểu học xác định rõ: *"Nhà nước thực hiện chính sách phổ cập giáo dục tiểu học bắt buộc từ lớp 1 đến lớp 5 đối với tất cả các trẻ em Việt nam trong độ tuổi từ 6 đến 14 tuổi"*. Như vậy, mọi trẻ em trong độ tuổi quy định đều có quyền và có nghĩa vụ học tập để đạt trình độ giáo dục phổ cập. Ngoài ra, Khoản 3 Điều 6 Luật này còn quy định: *"Trẻ em có khả năng phát triển đặc biệt thì được lớp 1 trước 6 tuổi hoặc học vượt lớp"* nhằm tạo điều kiện bồi dưỡng cho những học sinh có năng khiếu được phát triển tài năng.

Bên cạnh những quy định cho các trường hợp chung, Luật Phổ cập giáo dục tiểu học còn quy định các trường hợp điều kiện bảo đảm quyền được phổ cập giáo dục tiểu học cho các trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Trẻ em vì lý do sức khỏe, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn đặc biệt hoặc ở vùng dân tộc thiểu số, vùng cao, vùng xa xôi hẻo lánh, vùng hải đảo và vùng có khó khăn có thể được phổ cập giáo dục tiểu học ở độ tuổi lớn hơn (Điều 6 và Điều 8). Nhà nước và xã hội có trách nhiệm quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện cần thiết để trẻ em là con liệt sĩ, thương binh nặng, trẻ em tàn tật, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt đạt được trình độ giáo dục tiểu học.

Với quyết tâm lớn, ngay từ ban đầu Nhà nước ta đã có các bước đi, biện pháp cần thiết để phổ cập giáo dục tiểu học đi vào đời sống của toàn xã hội, trong đó *"Nhà nước dành ngân sách chính đáng để thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học. Nhà nước có chính sách động viên các nguồn tài chính*

khác trong xã hội, lập quỹ giáo dục quốc gia, nhằm hỗ trợ kinh phí cho sự nghiệp phổ cập giáo dục tiểu học" (Điều 5, Luật phổ cập giáo dục tiểu học). Pháp luật Việt Nam cũng có nhiều quy định cụ thể nhằm bảo đảm quyền được giáo dục tiểu học miễn phí cho trẻ em Việt Nam. Khoản 2 Điều 16 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 xác định rõ: "Trẻ em học bậc tiểu học trong các cơ sở giáo dục công lập không phải đóng học phí".

Ngoài giáo dục tiểu học còn có các bậc khác mà trẻ em cũng có quyền tiếp cận như giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông. Điều 28 Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em 2004 nêu rõ: *"Cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông phải có điều kiện cần thiết về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để bảo đảm chất lượng giáo dục". "Nhà nước có chính sách phát triển giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; chính sách miễn, giảm học phí, cấp học bổng, trợ cấp xã hội để thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục". Trẻ em tại cơ sở giáo dục mầm non có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo mục tiêu, kế hoạch giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo; được chăm sóc sức khỏe ban đầu, được khám bệnh, chữa bệnh không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập; được giảm phí đối với các dịch vụ vui chơi, giải trí công cộng (Điều 84 Luật Giáo dục năm 2005).*

Điều 11 Luật Giáo dục năm 2005 quy định, cùng với giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở là cấp học phổ cập, nhà nước quyết định kế hoạch phổ cập giáo dục, bảo đảm các điều kiện để thực hiện phổ cập giáo dục trong cả nước. Thực hiện chủ trương của Đảng và Nghị quyết của Quốc hội số 41/QH10 ngày 9/12/2000 về thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 88/CP ngày 22/11/2001 về thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở, theo đó, đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở là thanh niên, thiếu niên Việt Nam trong độ tuổi từ 11 đến 18 tuổi, đã tốt nghiệp tiểu học, chưa tốt nghiệp trung học cơ sở. Mục tiêu phổ cập giáo

dục trung học cơ sở là bảo đảm cho hầu hết thanh niên, thiếu niên sau khi tốt nghiệp tiểu học tiếp tục học tập để đạt trình độ trung học cơ sở trước khi hết 18 tuổi, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Học tập để đạt trình độ phổ cập trung học cơ sở là quyền và nghĩa vụ của công dân nói chung và của trẻ em nói riêng.

Pháp luật nước ta nghiêm cấm hành vi cản trở việc học tập của trẻ em. Điều 10 Nghị định số 36/2005/NĐ- CP ngày 17/03/2005 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 quy định các hành vi bị coi là cản trở việc học tập của trẻ em bao gồm: (1) Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc sử dụng vật chất, uy quyền để ép buộc trẻ em phải bỏ học, nghỉ học; (2) Dụ dỗ, lôi kéo trẻ em bỏ học, nghỉ học; (3) Bắt trẻ em bỏ học, nghỉ học để gây áp lực, khiêu khích, biểu tình trái pháp luật; (4) Phá hoại cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập, giảng dạy trong các cơ sở giáo dục; (5) Cố tình không thực hiện nghĩa vụ đóng góp theo quy định, không bảo đảm thời gian, điều kiện học tập của trẻ em.

Bên cạnh việc quy định trực tiếp quyền được học tập của trẻ em, các văn bản pháp luật của Việt Nam cũng chú ý đến việc quy định các chính sách để bảo vệ quyền đó, nhất là trách nhiệm, nghĩa vụ của gia đình, nhà trường, các cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội. Hiến pháp năm 1992 đã đề cao trách nhiệm của gia đình, cha mẹ trong việc giáo dục con cái: "*Cha mẹ có trách nhiệm nuôi dạy con cái thành những công dân tốt*" (Điều 64). Điều 34 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 cũng nêu rõ: cha mẹ có nghĩa vụ chăm lo việc học tập và giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức. Trong bậc tiểu học, Điều 18 Luật phổ cập giáo dục tiểu học quy định trách nhiệm của cha mẹ, người đỡ đầu của trẻ em là ghi tên cho con hoặc cho trẻ em được đỡ đầu đi học tại trường, lớp tiểu học trên đại bàn cư trú nơi thuận tiện nhất, tạo điều kiện để con hoặc trẻ em được đỡ đầu hoàn thành giáo dục

tiểu học, kết hợp với nhà trường, tổ chức xã hội trong việc giáo dục con hoặc trẻ em được đỡ đầu, thực hiện giáo dục gia đình theo những truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Tương tự, ở các bậc học khác, cha mẹ, người giám hộ cũng có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, tạo điều kiện cho con em hoặc người được giám hộ được học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động của nhà trường (Điều 94 Luật Giáo dục năm 2005)

Như vậy, trách nhiệm giáo dục trẻ em trước tiên thuộc về gia đình, cha mẹ nhưng đồng thời cũng là trách nhiệm của Nhà nước, nhà trường, các cơ sở giáo dục và cá nhân. Điều 28 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 quy định: *"Gia đình, Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm cho trẻ em thực hiện quyền học tập; học hết chương trình giáo dục phổ cập; tạo điều kiện cho trẻ em thực hiện quyền học tập; hoặc hết chương trình giáo trình giáo dục phổ cập; tạo điều kiện cho trẻ em theo học ở trình độ cao hơn. Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác có trách nhiệm thực hiện giáo dục toàn diện về đạo đức, tri thức, thẩm mỹ, thể chất, giáo dục lao động hướng nghiệp cho trẻ em; chủ động phối hợp chặt chẽ với gia đình và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em"*. Đối với nhà trường, trách nhiệm chung của chủ thể này được quy định tại Điều 93 Luật Giáo dục năm 2005 là *"chủ động phối hợp với gia đình và xã hội để thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục"*.

Ngoài ra, pháp luật cũng quy định rõ cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức chính trị- xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân có trách nhiệm giúp nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục và nghiên cứu khoa học; góp phần xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, ngăn chặn những hoạt động có ảnh hưởng xấu đến thanh niên, thiếu niên và nhi đồng; tạo điều kiện để người học được vui chơi, hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao lành mạnh; hỗ trợ về tài lực, vật lực

cho sự nghiệp phát triển giáo dục theo khả năng của mình (Điều 97 Luật Giáo dục năm 2005).

1.3. Các thiết chế bảo vệ quyền học tập của trẻ em ở Việt Nam

1.3.1. Gia đình

Mặc dù thành phần và cấu trúc gia đình ngày nay đã có nhiều thay đổi, song gia đình vẫn là môi trường tự nhiên cho sự phát triển và hạnh phúc của trẻ em, là phòng tuyến đầu tiên và quan trọng nhất để bảo vệ trẻ em. Gia đình có trách nhiệm trước tiên trong việc nuôi nấng và bảo vệ trẻ em từ khi sinh ra đến lúc trưởng thành. Trẻ em tiếp thu các chuẩn mực và giá trị văn hóa từ chính gia đình của mình. Sự phát triển đầy đủ, hài hòa của trẻ em và lợi ích tốt nhất của trẻ em nằm ngay trong môi trường gia đình.

Với ý nghĩa như vậy, Hiến pháp năm 1992 quy định rằng: Trẻ em được gia đình, nhà trường và xã hội bảo vệ, chăm sóc và học tập. Quy định này được khẳng định lại trong Điều 5 Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2004. Đây là tư tưởng xuyên suốt trong pháp luật Việt Nam liên quan đến quyền trẻ em nói chung cũng như quyền học tập của trẻ em nói riêng. Quy định đó một mặt phù hợp với tinh thần Công ước về quyền trẻ em, mặt khác phản ánh giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam luôn coi trọng trách nhiệm của cha mẹ, gia đình với con cái nói riêng và trẻ em nói chung.

Như chúng ta đã biết, quyền của trẻ em là quyền của con người. Nhưng trẻ em là đối tượng đặc thù còn non nớt về thể chất và tinh thần cho nên việc thực hiện quyền trẻ em luôn phụ thuộc vào cha mẹ và gia đình. Bảo vệ, chăm sóc trẻ em là đạo lý mà bất cứ xã hội nào cũng phải thực hiện. Quyền của trẻ em là trách nhiệm của gia đình được quy định trong pháp luật.

Cha mẹ và gia đình có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dạy và dành những điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ em, bao gồm cả những trách nhiệm về mặt pháp luật và trách nhiệm về mặt đạo lý. Trách nhiệm này được đề cập

trong hầu hết Chương III của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Cha mẹ và gia đình đóng vai trò hàng đầu trong việc thực hiện quyền trẻ em nói chung cũng như quyền học tập của trẻ em nói riêng. Do vậy, quy định của pháp luật Việt Nam nhằm khẳng định trách nhiệm của cha mẹ trong việc hướng dẫn con cái theo hướng đúng đắn, kể cả việc hướng dẫn con cái trong việc thực hiện quyền của họ. Gia đình được coi là phòng tuyến thứ nhất và cũng là phòng tuyến lý tưởng nhất để bảo vệ và yêu thương trẻ em, do đó gia đình cần phải được bảo vệ, hỗ trợ.

Điều 32 Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em không chỉ đề cao vai trò của cha mẹ, gia đình trong việc định hướng cho trẻ, thực hiện quyền trẻ em mà còn các quy định trách nhiệm tôn trọng ý kiến của trẻ em. Quy định này không làm giảm vai trò của cha mẹ trong việc quyết định những điều tốt đẹp nhất cho trẻ em mà nhằm mục đích tạo ra định hướng trong giáo dục của cha mẹ và gia đình. Mặt khác, nó là cơ sở cho trẻ phát triển khả năng của mình đảm bảo quyền được tham gia của trẻ em. Bởi vì Công ước về quyền trẻ em và Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em coi trẻ em không chỉ là đối tượng bảo vệ mà còn là một chủ thể, một con người đang trong quá trình phát triển và có quyền từng bước quyết định lấy tương lai của mình. Đây là quan điểm tiến bộ vì trẻ em được coi là những thành viên của quá trình phát triển và đóng một vai trò tích cực trong cộng đồng xã hội.

1.3.2. Nhà trường

Quyền được học tập là một trong những quyền cơ bản của trẻ em được ghi nhận trong Điều 28 Công ước về quyền trẻ em, Điều 59 Hiến pháp 1992, Điều 16 Luật bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em và Điều 9 Luật Giáo dục.

Theo quy định của Khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em và Khoản 1 Điều 47 Luật Giáo dục thì Ủy ban nhân dân các cấp và Bộ Giáo dục Đào tạo có trách nhiệm phát triển hệ thống trường học đảm bảo

thực hiện quyền được học tập của trẻ em. Những quy định này của pháp luật Việt Nam là cơ sở pháp lý cho việc hình thành hệ thống trường học đáp ứng nhu cầu học tập của trẻ em; đồng thời thực hiện chính sách "giáo dục là quốc sách hàng đầu".

Có thể nói, nhà trường có vai trò rất lớn đối với sự phát triển của trẻ em cũng như việc thực hiện quyền trẻ em. Bởi vì sự phát triển của trẻ em là kết hợp của hai yếu tố: cá nhân và môi trường, trong đó có môi trường giáo dục tại nhà trường. Theo Điều 2 Luật Giáo dục thì mục tiêu của giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện. Để đạt được mục tiêu ấy cần phải có nhà trường nhằm đáp ứng yêu cầu giáo dục đối với sự phát triển của trẻ em trong mỗi giai đoạn nhất định cụ thể là:

Thứ nhất, theo quy định của Điều 18 Luật giáo dục, hệ thống giáo dục mầm non thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 3 tháng tuổi đến 6 tuổi. Như vậy, trường mầm non là nơi giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách.

Thứ hai, theo quy định của Điều 59 Hiến pháp năm 1992 và Luật phổ cập giáo dục tiểu học thì giáo dục tiểu học là bắt buộc và không phải trả học phí. Mục tiêu của giáo dục tiểu học nhằm giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ và thẩm mỹ. Đây được coi là bậc học nền tảng giúp cho học sinh có hiểu biết đơn giản, cần thiết về tự nhiên, xã hội và con người; có kỹ năng cơ bản về nghe, đọc, viết, nói; có thói quen rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh; có hiểu biết ban đầu về hát, múa, âm nhạc, mỹ thuật. Tại Việt Nam, trong chương trình giáo dục phổ thông, một số nguyên tắc và tiêu chuẩn cụ thể của luật quốc tế về quyền con người đã được lồng ghép vào các môn học Đạo đức (ở cấp I) và Giáo dục Công dân (ở cấp II và III) [6].

Thứ ba, trường trung học cơ sở có trách nhiệm củng cố phát triển những nội dung đã học ở tiểu học, bảo đảm cho học sinh có những hiểu biết phổ thông cơ bản về tiếng Việt, Toán, Lịch sử dân tộc, kiến thức về Khoa học xã hội- Khoa học tự nhiên, pháp luật, tin học, ngoại ngữ, có những hiểu biết tối thiểu về kỹ thuật hướng nghiệp.

Thứ tư, trường trung học phổ thông có trách nhiệm củng cố, phát triển những nội dung đã học ở trung học cơ sở, hoàn thành nội dung giáo dục phổ thông. Ngoài nội dung chủ yếu nhằm bảo đảm kiến thức phổ thông cơ bản toàn diện và hướng nghiệp cho mọi học sinh còn có nội dung nâng cao cho một số môn học để phát triển năng lực, đáp ứng nguyện vọng của học sinh.

Ngoài hệ thống nhà trường được thành lập theo địa giới hành chính, ở Việt Nam còn có hệ thống các nhà trường chuyên biệt theo Điều 46, 57, 58 và 59 Luật Giáo dục:

- Trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú cho con em dân tộc thiểu số tại các vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn.

- Trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao được thành lập nhằm phát triển tài năng của học sinh trong các lĩnh vực này.

- Trường, lớp dành cho người tàn tật nhằm giúp các đối tượng này phục hồi chức năng, học văn hóa, học nghề, hòa nhập với cộng đồng.

- Trường giáo dưỡng nhằm giáo dục người chưa thành niên vi phạm pháp luật để họ phát triển lành mạnh trở thành người lương thiện, có khả năng tái hội nhập vào đời sống xã hội.

Như vậy, ở Việt Nam hệ thống nhà trường đóng một vai trò rất lớn trong việc thực hiện quyền trẻ em nói chung và quyền học tập của trẻ em nói riêng.

Đối với trẻ em, nhà trường là nơi để tất cả trẻ em đều có cơ hội được chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập. Ở đó, trẻ em giáo dục theo những chuẩn

mục chung của xã hội, được học từ những điều đơn giản nhất theo sự định hướng của giáo viên để trẻ em dần dần phát triển thể chất, trí tuệ và đạo đức. Đồng thời trường học là nơi cho trẻ em có cơ hội tham gia, bày tỏ những suy nghĩ, ý kiến của riêng mình. Đó là nơi mà trẻ em bên cạnh sự thể hiện của một cá nhân độc lập còn là nơi thể hiện tính cộng đồng giữa trẻ em trai và trẻ em gái, giữa trẻ em bình thường và trẻ em khuyết tật. Điều này có ý nghĩa hết sức quan trọng bởi lẽ đây là giai đoạn hình thành và phát triển nhân cách. Do vậy nhà trường là nền tảng để trẻ em bước vào xã hội. Nó tạo ra cái nhìn bình đẳng của chính trẻ em mà không có sự phân biệt đối xử, đặc biệt là đối với trẻ em khuyết tật và trẻ em vi phạm pháp luật, bởi vì nhà trường là nơi để các em xóa đi mặc cảm của chính mình, là nơi để các em hoàn thiện mình hơn và cũng là nơi tạo cơ hội cho sự bình đẳng của chính các em. Không những thế, thông qua nhà trường trẻ em được tiếp cận với nền văn hóa dân tộc cũng như tinh hoa văn hóa nhân loại, là nơi cho trẻ em tiếp thu những thành tựu của cha anh và phát huy những tố chất của trẻ em.

Đối với gia đình, mặc dù gia đình là môi trường lý tưởng cho sự phát triển của trẻ em, nhưng giáo dục gia đình còn phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, trình độ văn hóa của các thành viên trong gia đình. Mỗi gia đình sẽ có những chuẩn mực riêng trong nuôi dưỡng, giáo dục con cái. Vì vậy bên cạnh gia đình để trẻ em được phát triển toàn diện thì không thể thiếu nhà trường. Nếu như môi trường gia đình tập trung vào chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đạo đức, lối sống thì nhà trường đóng vai trò trong việc phát triển trí tuệ, nhân cách của trẻ em. Đây là yếu tố không thể thiếu để trẻ em phát triển toàn diện, hài hòa.

Đối với xã hội, nhà trường là nơi để trẻ em tham gia các hoạt động xã hội và cũng là nơi để ngăn ngừa các hành vi sai trái, lệch lạc của trẻ em đặc biệt là các tệ nạn xã hội, góp phần hạn chế trẻ em vi phạm pháp luật. Đồng

thời, nhà trường cũng là nơi thực hiện rõ nhất chính sách và pháp luật về giáo dục của mỗi quốc gia.

Có thể nói, trẻ em trưởng thành và trở thành những công dân có ích cho xã hội luôn cần có nhà trường. Nhà trường như là sự liên kết giữa gia đình, xã hội và nhà nước trong việc thực hiện quyền trẻ em đặc biệt là quyền học tập của trẻ em.

1.3.3. Các tổ chức xã hội

Các tổ chức xã hội có vai trò rất quan trọng trong việc bảo vệ quyền con người nói chung, quyền trẻ em nói riêng. Chúng ta biết rằng, nhà nước dù được tổ chức tiến bộ đến đâu cũng không thể "nhìn thấu" được mọi sinh hoạt xã hội, không đủ sức đáp ứng mọi nhu cầu (các nhu cầu này ngày càng cao) của mỗi cá nhân cũng như nhóm xã hội [14]. Theo quy định của Điều 34 Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em thì Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh có trách nhiệm trong việc thực hiện quyền trẻ em.

Theo Điều 9 Hiến pháp 1992, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh của các tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức xã hội và cá nhân, các dân tộc, các tôn giáo của người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Vì vậy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có vai trò rất lớn trong việc thực hiện quyền trẻ em ở Việt Nam.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp cùng với các cơ quan thông tin đại chúng tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho trẻ em. Mục đích nhằm nâng cao nhận thức của người dân đối với trẻ em, quyền trẻ em. Đây là tiền đề để gia đình và xã hội bảo đảm thực hiện quyền học tập của trẻ em. Không những thế Mặt trận Tổ quốc Việt Nam còn tham gia vào quá trình giám sát việc thực hiện pháp luật liên quan đến trẻ em, đưa ra kiến nghị đối với các cơ quan nhà nước và góp phần ngăn ngừa các hành vi xâm hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em.

Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam là một đoàn thể quần chúng với chức năng chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em. Vì vậy thực hiện quyền trẻ em là nhiệm vụ quan trọng của hội. Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam xây dựng các chương trình hành động nhằm tuyên truyền cho các bà mẹ biết về tầm quan trọng của việc bảo vệ quyền trẻ em. Chính những người mẹ trong gia đình là những người thực hiện một cách tốt nhất quyền học tập của trẻ từ gia đình, tạo điều kiện cho trẻ em phát triển toàn diện.

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đóng vai trò tích cực trong việc thực hiện các chương trình hành động, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Theo quy định của Khoản 3 Điều 34 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn hoạt động của thiếu niên, nhi đồng, phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã xây dựng chương trình hoạt động của Đoàn, Đội tham gia chương trình hành động quốc gia vì trẻ em. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Đoàn là tuyên truyền các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước liên quan đến việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Hệ thống thông tin, báo chí, nhà xuất bản của Đoàn rất coi trọng nội dung và hình thức của hoạt động này. Các chương trình phát thanh và truyền hình thanh niên, thiếu nhi với nhiều hình thức truyền thông dành cho thiếu nhi giới thiệu nhiều nội dung, chuyên đề liên quan đến việc thực hiện quyền học tập của trẻ em. Với phương châm tạo ra môi trường thuận lợi cho trẻ em thực hiện quyền được học tập, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã tổ chức các hoạt động thi đua học tập như phong trào: Vượt khó, học tốt; Em yêu khoa học; Hội nghị tuyên dương thiếu nhi xuất sắc trong học tập... thu hút đông đảo thiếu nhi tham gia, từ đó giúp các em có thái độ, động cơ, ý thức tự giác khắc phục khó khăn vươn lên trong học tập. Đoàn thanh niên đã tập trung tổ chức phát triển các loại hình

vui chơi lành mạnh, bồi dưỡng phát triển năng khiếu, từng bước góp phần thỏa mãn các nhu cầu thiết yếu của đông đảo thiếu nhi.

Như vậy, về mặt pháp lý cũng như trên thực tế toàn xã hội Việt Nam tham gia vào việc bảo vệ trẻ em và thực hiện quyền học tập của trẻ em. Đây là nét đặc trưng của hoạt động bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở Việt Nam. Nó không chỉ thể hiện trách nhiệm của người lớn mà còn là trách nhiệm của cộng đồng, của xã hội. Không những thế, ở Việt Nam thực hiện quyền học tập của trẻ em còn được bảo đảm bằng nhà nước.

1.3.4. Nhà nước

1.3.4.1. Quốc hội

Theo Điều 83 Hiến pháp năm 1992, Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Với ý nghĩa như vậy, ở Việt Nam quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp. Thông qua hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Quốc hội Việt Nam đã ban hành rất nhiều các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quyền trẻ em trong đó có quyền học tập của trẻ em mà điển hình là Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em (sửa đổi năm 2004). Hoạt động đó một mặt điều chỉnh kịp thời những vấn đề liên quan đến việc học tập của trẻ em.

Đồng thời với việc ban hành luật, Quốc hội Việt Nam còn thực hiện việc giám sát tối cao đối với toàn hoạt động của nhà nước trong đó có các hoạt động liên quan đến quyền học tập của trẻ em. Vai trò giám sát của Quốc hội thể hiện thông qua hoạt động của Ủy ban Văn hóa, Giáo dục thanh thiếu niên và nhi đồng theo quy định của Điều 30 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2001.

1.3.4.2. Chính phủ

Theo quy định tại Điều 109 Hiến pháp 1992, "Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ

nghĩa Việt Nam". Chính phủ có chức năng "thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của nhà nước"; "Chỉ đạo việc thực hiện các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập". Như vậy, chính phủ có trách nhiệm chỉ đạo, điều hành và bảo đảm thực hiện quyền trẻ em ở Việt Nam. Để thực hiện nhiệm vụ này, Chính phủ giao cho các Bộ, cơ quan chuyên trách và chính quyền địa phương trực tiếp triển khai thực hiện.

1) Bộ Giáo dục và Đào tạo

- quyền học tập của trẻ em được nhà nước giao cho Bộ Giáo dục chịu trách nhiệm chính cùng với các sở và phòng giáo dục của các tỉnh và thành phố. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ban ngành đoàn thể để thể chế hóa các nội dung của Chính phủ.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và đầu tư xây dựng các chương trình đầu tư cho các mục tiêu phát triển học tập cho trẻ em.

- Tổ chức giám sát và báo cáo định kỳ lên Chính phủ và Thủ tướng về tình hình thực hiện.

- Phối hợp với các Bộ ngành khác trong các hoạt động tuyên truyền liên quan đến quyền học tập của trẻ em.

- Theo dõi tỷ lệ trẻ em nhập học

- Kiểm soát chất lượng học tập

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chăm sóc trẻ em cho cha mẹ.

2) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì và phối hợp với Bộ Giáo dục và đào tạo thẩm định và trình các kế hoạch về phát triển giáo dục cho trẻ em.

- Phối hợp với Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng chương trình ở các cấp.

3) Bộ Lao động, Thương binh và xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ khác xây dựng và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định để bảo đảm quyền học tập của trẻ em.

- Chủ trì và giám sát tình hình thực hiện quyền tiếp cận giáo dục của trẻ em.

4) Ủy ban nhân dân tỉnh và các thành phố trực thuộc trung ương

- Xây dựng chương trình hoạt động, đề ra các mục tiêu cụ thể, trách nhiệm thực hiện ở cấp địa phương.

- Chỉ đạo việc lập kế hoạch và xây dựng chương trình học tập cho trẻ em ở các cấp học.

- Chỉ đạo việc áp dụng và thực hiện các chính sách cho giáo viên cũng như học sinh theo quy định của Chính phủ.

Tóm lại: Thực hiện quyền trẻ em là trách nhiệm của quốc gia. Trách nhiệm này xuất phát từ thực tiễn quốc gia cũng như những ràng buộc pháp lý quốc tế. Vì vậy nhà nước, xã hội và mỗi gia đình đều có trách nhiệm trong việc thực hiện quyền học tập của trẻ em.

Quốc hội với tư cách là cơ quan lập pháp ban hành luật nhằm xây dựng một khung pháp lý, khởi động cho cơ chế thực hiện quyền trẻ em, đồng thời giám sát toàn bộ quá trình thực hiện chủ trương, chính sách và pháp luật liên quan đến quyền học tập của trẻ em. Chính phủ, các Bộ ngành có trách nhiệm thực thi các quy định của pháp luật về quyền trẻ em cũng như những chính sách liên quan đến trẻ em.

Các tổ chức xã hội có vai trò rất lớn trong việc phối hợp với các cơ quan nhà nước thực hiện tốt pháp luật liên quan đến quyền trẻ em, nâng cao nhận thức của cộng đồng đối với quyền trẻ em.

Mặc dù mỗi cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ riêng nhưng có mối quan hệ chặt chẽ trong việc thực hiện quyền học tập của trẻ em. Trung

tâm của mối quan hệ đó là Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em. Về mặt pháp lý đây là cơ quan ngang Bộ và Bộ trưởng là thành viên Chính phủ. Về chức năng đây là cơ quan đầu mối trong sự phối kết hợp với tất cả các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội trong và ngoài nước để thực hiện quyền trẻ em nói chung, Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em nói riêng.

Chương 2

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYỀN HỌC TẬP CỦA TRẺ EM Ở VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật đảm bảo quyền học tập của trẻ em

Pháp luật và giáo dục dường như là hai lĩnh vực không có nhiều mối liên hệ. Nhưng liên quan đến hoạt động của Nhà nước về quản lý, liên quan đến vấn đề bảo vệ quyền lợi cho nhóm đối tượng rất đặc biệt trong xã hội đó là trẻ em, pháp luật trở thành cơ sở và yêu cầu đặt ra cho xã hội đảm bảo quyền học tập cho trẻ em. Để thực hiện hóa một quyền tưởng như đơn giản, cả hệ thống pháp luật đã phải vào cuộc, với hiệu lực pháp lý cao thấp khác nhau đã hình thành nên một hệ thống các văn bản điều chỉnh về lĩnh vực này.

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, mặc dù không phải là một bộ phận, nhưng trước tiên cần phải nói tới chủ trương, đường lối của Đảng trong việc quan tâm đến vấn đề giáo dục. Đó sẽ là định hướng rõ ràng cho sự hình thành nên các quy định pháp luật về sau. Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI một lần nữa khẳng định một cách chắc chắn: "Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu. Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế, trong đó đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý là khâu then chốt". Mặc dù không trực tiếp, nhưng định hướng là khá rõ ràng khi học tập là cả một quá trình và điểm khởi đầu chính là trẻ em, cho dù ở lứa tuổi nào, đảm bảo cho việc học tập phải được coi là quốc sách hàng đầu. Với những chủ trương, chính sách đó, thật dễ hiểu vì sao chỉ riêng vấn đề giáo dục có cả một hệ thống các văn bản pháp luật được xây dựng để điều chỉnh. Và để có thể lược qua toàn bộ các văn bản pháp luật, tác giả lựa chọn cách thức tìm hiểu theo trình tự thời gian các văn bản được ban hành và có hiệu lực pháp luật.

Trước tiên, phải kể đến thời điểm năm 1990 khi Việt Nam là nước thứ hai trên thế giới và nước đầu tiên ở Châu Á phê chuẩn Công ước về quyền trẻ em của Liên Hợp Quốc, và chưa đầy một năm sau nước ta đã ban hành Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em (năm 1991) và trong gần 20 năm qua nước ta đã đề ra và thực hiện hai Chương trình hành động Quốc gia vì trẻ em giai đoạn 1991-2000 và giai đoạn 2001-2010 cùng nhiều chính sách, văn bản hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy chuẩn, chương trình mục tiêu, các dự án, xây dựng tổ chức bộ máy, bố trí và đào tạo cán bộ quản lý, xây dựng và phát triển các tổ chức, cung cấp dịch vụ liên quan nhằm mục tiêu bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Nhờ đó công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em đã có những chuyển biến tích cực.

Chính sách đó được thể chế hóa bằng các nội dung được ghi nhận trong nhiều văn bản pháp luật với mục tiêu: Giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc – Điều 2 Luật Giáo dục 2005. Với quy định mang tính nền tảng đó, trẻ em được quyền tiếp cận một nền giáo dục có chất lượng, một nền giáo dục đem lại sự phát triển lành mạnh cả về thể chất và trí lực không tách rời nghĩa vụ cao cả của mỗi công dân.

Mang tính cụ thể hơn, được ghi nhận ở văn bản pháp lý có giá trị cao hơn là Hiến pháp, quyền học tập và quyền học tập của trẻ em còn được hiểu là nghĩa vụ, Nhà nước cùng các thiết chế của mình và toàn xã hội có nghĩa vụ và tạo điều kiện cho quyền học tập của trẻ em được thực hiện. Điều 59 Hiến pháp 1992 có quy định: Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Bậc tiểu học là bắt buộc, không phải trả học phí. Học sinh có năng khiếu được Nhà nước và xã hội tạo điều kiện học tập để phát triển tài năng. Nhà nước có chính

sách học phí, học bổng, Nhà nước và xã hội tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn khác được học tập văn hóa và học nghề phù hợp. Như vậy Nhà nước thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học, đảm bảo tạo mọi điều kiện cho mọi đối tượng trẻ em được tiếp cận với việc học tập, kể cả Nhà nước chu cấp toàn bộ cho mỗi học sinh, học phí là hoàn toàn được miễn. Đây là cách thức phù hợp với điều kiện của Việt Nam hiện nay.

Vấn đề này được quy định trong Hiến pháp nhắc lại nội dung của Luật phổ cập giáo dục tiểu học năm 1991, và nâng nó lên một bậc về hiệu lực pháp lý, nói lên tầm quan trọng của một mục tiêu vì quyền học tập của trẻ em. Bên cạnh quy định tại Điều 59, Hiến pháp còn đề cập tới vấn đề này một cách toàn diện tại các Điều 5, Điều 35, Điều 36, Điều 65.

***Điều 5:** Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc và phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình.*

***Điều 35:** Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu. Nhà nước phát triển giáo dục nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Mục tiêu của giáo dục là hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân; đào tạo những người lao động có nghề, năng động và sáng tạo, có niềm tự hào dân tộc, có đạo đức, có ý chí vươn lên góp phần làm cho dân giàu nước mạnh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

***Điều 36:** Nhà nước ưu tiên đầu tư cho giáo dục, khuyến khích các nguồn đầu tư khác. Nhà nước thực hiện chính sách ưu tiên bảo đảm phát triển giáo dục ở miền núi, các vùng dân tộc thiểu số và các vùng đặc biệt khó khăn.*

***Điều 65:** Trẻ em được gia đình, Nhà nước và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục.*

Trở lại với Luật phổ cập giáo dục tiểu học, Điều 1 có quy định: “*Nhà nước thực hiện chính sách giáo dục tiểu học bắt buộc từ lớp 1 đến lớp 5 đối với tất cả các trẻ em Việt Nam trong độ tuổi từ 6 đến 14*”. Bên cạnh đó, luật cũng có quy định tạo điều kiện cho trẻ em có khả năng phát triển đặc biệt được học trước độ tuổi hoặc học vượt lớp. Tiếp bước Luật phổ cập giáo dục tiểu học, năm 2000 Quốc hội ban hành Nghị quyết số 41/2000/QH10 về phổ cập giáo dục trung học cơ sở, với một chỉ tiêu vĩ mô đến năm 2010, phổ cập bậc học cấp trung học cơ sở cho trẻ em trước khi hết tuổi 18. Phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2001-2010 kêu gọi sự thay đổi căn bản trong giáo dục nhằm đáp ứng các yêu cầu về nguồn nhân lực trong giai đoạn công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Việc ban hành Chiến lược Quốc gia về Giáo dục cho mọi người vào đầu thập niên 90, đề ra một số mục tiêu quốc gia và chỉ tiêu cụ thể cho đến năm 2000. Đây là kết quả thực hiện cam kết quốc tế mà Chính phủ Việt Nam đã tham gia tại Hội nghị Giáo dục Thế giới Dakar năm 2000 nhằm xây dựng một kế hoạch dài hạn. Kế hoạch Hành động Giáo dục cho Mọi người giai đoạn 2003-2015 (kế hoạch EFA) nêu cụ thể rằng “Quyền được Giáo dục của trẻ em và người lớn là nhân tố then chốt trong Luật Giáo dục Việt Nam và Việt Nam dành nhiều nỗ lực và nguồn lực để thực hiện quyền này.” Bản Kế hoạch EFA bao gồm 4 hợp phần chính: chăm sóc trẻ thơ và giáo dục mầm non, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học cơ sở và giáo dục phi chính quy. Kế hoạch EFA khẳng định ngân sách Nhà nước giữ vai trò là nguồn ngân sách chủ yếu thực hiện kế hoạch, và các khoản chi của Chính phủ cho Giáo dục dự kiến sẽ tăng từ 3,7% năm 2002 lên 4,2% GDP vào năm 2015. Kế hoạch dự kiến, ngân sách Nhà nước sẽ hỗ trợ tài chính 20% tỉ trọng cho Giáo dục. Đồng thời, việc hiện đại hóa quản lý Giáo dục có hiệu quả và việc thực hiện nghiêm túc Kế hoạch EFA sẽ giúp đạt được các mục tiêu trọng yếu vào năm 2015. Trong Kế hoạch Chiến lược Phát triển

Giáo dục 2001-2010, Chính phủ đã cố gắng nhiều hơn để xây dựng các chính sách và những can thiệp nhằm duy trì phổ cập Giáo dục Tiểu học, đáp ứng mục tiêu phổ cập Giáo dục Trung học cơ sở vào năm 2010 và đạt tỉ lệ nhập học Mầm non là 95%.

Để đáp ứng cho yêu cầu giáo dục phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước, Kế hoạch Chiến lược Phát triển Giáo dục giai đoạn 2001-2010 đề ra 3 mục tiêu chính: hiện đại hóa giáo dục; đào tạo nhân lực có trình độ chuyên môn cao trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ, và quản lý kinh doanh cũng như đào tạo công nhân lành nghề; đổi mới ở tất cả các cấp giáo dục với đội ngũ giảng dạy đông đảo hơn và có chất lượng hơn, cải thiện quản lý giáo dục, và xây dựng một khuôn khổ pháp lý mạnh mẽ hơn cho giáo dục. Bảy lĩnh vực sau đây đã được xác định để đạt các mục tiêu:

- (1) đổi mới mục tiêu, nội dung và chương trình;
- (2) xây dựng đội ngũ giáo viên và hiện đại hóa các phương pháp giảng dạy;
- (3) đổi mới quản lý giáo dục;
- (4) đổi mới hệ thống giáo dục quốc dân và phát triển hệ thống trường học;
- (5) tăng nguồn lực tài chính và hạ tầng cơ sở giáo dục;
- (6) tăng cường sự tham gia của xã hội;
- (7) tăng cường hợp tác quốc tế.

Năm 2003, Chính phủ đã thông qua Kế hoạch hành động Giáo dục cho Mọi người giai đoạn 2003-2015, nhằm đảm bảo rằng đến năm 2015 tất cả trẻ em (đặc biệt là trẻ em gái cần sự bảo vệ đặc biệt, trẻ thiệt thòi nhất và trẻ thuộc các nhóm dân tộc thiểu số) được tiếp cận với giáo dục có chất lượng. Sự cam kết của Việt Nam trong việc xóa bỏ bất bình đẳng giới trong giáo dục cũng được thể hiện trong Kế hoạch hành động Quốc gia về Giáo dục cho mọi người (EFA) và Mục tiêu 3 của Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDG) nhằm xóa bỏ khoảng cách giới trong giáo dục tiểu học và trung học vào năm

2005 và đạt bình đẳng giới trong giáo dục vào năm 2015. Mục tiêu thiên niên kỷ còn gọi là Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ là 8 mục tiêu được 189 quốc gia thành viên Liên hợp quốc nhất trí phần đầu đạt được vào năm 2015, trong đó Đảm bảo đến năm 2015, tất cả mọi trẻ em ở mọi nơi, cả trẻ em trai và trẻ em gái đều có thể hoàn thành toàn bộ chương trình tiểu học.

Cùng với sự phát triển của kỹ thuật lập pháp, năm 2004, một đạo luật quan tâm toàn diện tới sự phát triển của trẻ em ra đời – Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Một cách dễ hiểu và căn bản, Điều 16 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định: “*Gia đình, Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm cho trẻ em thực hiện quyền học tập, học hết chương trình giáo dục phổ cập, tạo điều kiện cho trẻ em theo học ở trình độ cao hơn*”. Cũng tại điều luật này, một lần nữa bậc học tiểu học được ghi nhận là bậc học mà trẻ em được quyền học mà không mất học phí đối với các cơ sở đào tạo công lập. Đặc biệt, quyền học tập của trẻ em là quyền dành cho chủ thể đặc biệt khi không thể hoàn toàn tự mình thực hiện đã được Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em quan tâm. Bằng quy định gắn quyền được học tập của trẻ em với trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội:

Điều 28. Trách nhiệm bảo đảm quyền được học tập

1. Gia đình, Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm cho trẻ em thực hiện quyền học tập; học hết chương trình giáo dục phổ cập; tạo điều kiện cho trẻ em theo học ở trình độ cao hơn.

2. Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác có trách nhiệm thực hiện giáo dục toàn diện về đạo đức, tri thức, thẩm mỹ, thể chất, giáo dục lao động hướng nghiệp cho trẻ em; chủ động phối hợp chặt chẽ với gia đình và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

3. Cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông phải có điều kiện cần thiết về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để bảo đảm chất lượng giáo dục.

4. Người phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh trong nhà trường phải được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề, yêu trẻ, được tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ.

5. Nhà nước có chính sách phát triển giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; chính sách miễn, giảm học phí, cấp học bổng, trợ cấp xã hội để thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục.

Theo các quy định này, quyền học tập là cụ thể hơn, quan tâm tới những gì trẻ em nhận được từ quá trình học tập. Học tập giúp trang bị kiến thức, nâng cao năng lực nhận thức, kỹ năng của trẻ em, và mục đích đó có đạt được hay không phụ thuộc một phần từ việc dạy học. Vì vậy, quyền học tập của trẻ em được đảm bảo đồng nghĩa với việc cơ sở đào tạo phải đủ năng lực vật chất và con người. Bên cạnh đó gia đình, nhà trường và xã hội là môi trường của quá trình học tập phải thống nhất, phối hợp để đảm bảo cho kết quả của việc học tập. Và không chỉ hướng tới phổ cập giáo dục ở các bậc học, khuyến khích việc học tập là điều cần thiết và Nhà nước chủ động thực hiện mục tiêu đó bằng các chính sách miễn, giảm học phí, cấp học bổng, trợ cấp xã hội, hướng tới các đối tượng là trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trong việc thực hiện quyền được học tập.

Gần đây nhất, Quốc hội thông qua Luật Giáo dục năm 2005, một lần nữa ghi nhận các quyền bình đẳng trong việc tiếp cận các cơ hội học tập, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, cũng như trách nhiệm tạo điều kiện cho việc học tập của công dân, trong đó đặc biệt quan tâm đến đối tượng con em dân tộc thiểu số, con em gia đình ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi, người tàn tật, khuyết tật và đối tượng được hưởng chính sách xã hội khác thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập của mình. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng thể hiện sự quan tâm đúng

mức hơn tới phát triển trẻ thơ và giáo dục mầm non – bậc học mà trẻ em cần tới sự quan tâm chăm sóc đặc biệt để phát triển những kỹ năng cơ bản nhất của cuộc đời. Điều 21 Luật giáo dục quy định mục tiêu của giáo dục mầm non phải thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ từ 3 tháng đến 6 tuổi, với mục tiêu là giúp trẻ phát triển về mặt thể chất, tình cảm, trí tuệ và thẩm mỹ để hình thành các yếu tố căn bản về nhân cách cũng như chuẩn bị cho trẻ đi học tiểu học. Các thể chế giáo dục mầm non gồm: nhà trẻ (tiếp nhận trẻ từ 3 tháng đến 3 tuổi); mẫu giáo (tiếp nhận trẻ từ 3-6 tuổi) và trường “mầm non” có cả lớp nhà trẻ và mẫu giáo cho trẻ từ 3 tháng đến 6 tuổi.

Năm 1999, ngân sách giáo dục mầm non chỉ chiếm 5,4% tổng ngân sách giáo dục của nhà nước. Tuy nhiên, tỉ trọng ngân sách nhà nước dành cho giáo dục mầm non liên tục tăng, và đạt 8,5% trong năm 2008. Bộ GD&ĐT còn khẳng định thêm rằng trong tương lai, mục tiêu, nhiệm vụ và phương pháp giáo dục mầm non phải đảm bảo những tiêu chí sau:

- Là bậc học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, góp phần giúp người Việt Nam được giáo dục toàn diện về mọi mặt.
- Phải phù hợp với độ tuổi và khu vực. Nội dung và phương pháp phải nhất quán và phù hợp với giáo dục tiểu học và trung học.
- Phải có tính thực tế và theo kịp những ứng dụng mới trên thế giới.
- Phải bình đẳng và không phân biệt đối xử với trẻ em ở vùng sâu, vùng xa và vùng đặc biệt khó khăn. Giáo dục mẫu giáo phải được ưu tiên thích đáng, đặc biệt cho trẻ 5 tuổi.
- Cải thiện trang thiết bị và nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên với trách nhiệm của nhà nước.
- Nhà nước cần chú trọng hơn tới giáo dục mầm non đặc biệt là ở khu vực nông thôn nghèo.

Điều lệ Trường mầm non mới (Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT,

ngày 7 tháng 4 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) đặc biệt kêu gọi các tổ chức cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ thơ cần tạo dựng môi trường học tập và giáo dục tốt nhất cho trẻ khuyết tật để giúp các em cùng tham gia vào hoạt động học tập với các em khác ở cả mẫu giáo và nhà trẻ. Bên cạnh đó Xã hội hóa giáo dục cũng là một vấn đề được Luật Giáo dục năm 2005 quan tâm, theo đó:

- Nhà nước và toàn thể nhân dân có trách nhiệm chăm lo sự nghiệp giáo dục và xây dựng một xã hội học tập;
- Nhà nước thực hiện đa dạng hoá các loại hình trường và các hình thức giáo dục; khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục;
- Mọi tổ chức, gia đình và công dân có trách nhiệm chăm lo sự nghiệp giáo dục.

Như vậy, có thể thấy hệ thống pháp luật Việt Nam đã ghi nhận một cách vững chắc về quyền học tập của trẻ em. Quyền năng đó được dành cho trẻ em như một điều kiện cơ sở ban đầu cho trẻ em trở thành những công dân có đủ năng lực xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Biểu hiện rõ nét của tinh thần ấy là vấn đề phổ cập giáo dục cấp tiểu học và trung học cơ sở, như một chiến lược có định hướng của Nhà nước theo mức độ và yêu cầu tăng dần theo thời gian và cùng với đó có thể hiểu rằng Nhà nước ngày càng quan tâm đến những yêu cầu của xã hội cho mỗi một trẻ em bước vào lứa tuổi trưởng thành và cần thiết phải tạo điều kiện để trẻ em đáp ứng các yêu cầu đó với quy định về phổ cập giáo dục. Không chỉ một lần mà trong hầu hết các văn bản pháp luật quyền học tập của trẻ em luôn gắn với trách nhiệm của nhà trường, gia đình và xã hội. Bởi lẽ trẻ em là một đối tượng đặc biệt, không có đủ điều kiện để có thể tự mình đáp ứng được nhu cầu học tập của mình mà cần có sự tham gia từ tất cả những “người” khác không phải là trẻ em. Và đặc biệt khi quyền trẻ em là một vấn đề được cả thế giới quan tâm, bỏ qua mọi sự khác biệt về

chính trị, trẻ em làm cho các quốc gia xích lại gần nhau hơn trong tư tưởng của một sự đảm bảo cho trẻ em có được những quyền quan trọng nhất. Để hiện thực hóa những tư tưởng đồng thuận đó, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em đã ghi nhận pháp luật quốc tế: *“Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó”*. Như vậy, pháp luật Việt Nam không hề tách rời pháp luật thế giới trong vấn đề bảo vệ quyền trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em Việt Nam được có quyền mà bất cứ trẻ em nào trên thế giới được công nhận và bảo vệ.

Ghi nhận tại Điều 8 Công ước quốc tế về quyền trẻ em, quyền học tập được diễn giải: *“Trẻ em cần nhận được sự giáo dục cần thiết, được giúp đỡ để phát triển tốt về thể chất, trí tuệ và xã hội, trở thành người công dân có trách nhiệm và biết tôn trọng những quyền của người khác”*. Và để thật đầy đủ trước khi kết thúc phần quy định pháp luật về quyền học tập của trẻ em, không thể không nói đến Điều 29 của Công ước, điều luật mà chắc chắn pháp luật Việt Nam tôn trọng và đảm bảo thực hiện theo sự thừa nhận của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, đó là quy định: *“Quy định giáo dục phải hướng tới sự phát triển tối đa tiềm năng của trẻ và xây dựng sự tôn trọng quyền con người”*. Như vậy, quyền học tập của trẻ em cần được hiểu là được gắn với nền giáo dục mà giáo dục cho dù được tiến hành theo cách thức như thế nào thì trước hết phải hướng tới sự phát triển tiềm năng của mỗi một trẻ, không tách rời sự tôn trọng với quyền con người của người khác. Với cách hiểu chung, thống nhất theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết tham gia, sẽ là cơ sở cho việc đánh giá hiệu quả của việc đảm bảo quyền học tập của trẻ em hiện nay.

2.2. Thực trạng bảo đảm quyền học tập của trẻ em của Nhà nước

Nếu như phân đầu tiên về thực trạng bảo đảm quyền học tập của trẻ em đã chỉ ra những cơ sở pháp lý mang tính quy phạm, thể chế hóa đường lối, chính sách trong nhiều văn bản có giá trị pháp lý cao, thì phần này chỉ ra cách

thức tiến hành, mức độ quan tâm của hệ thống cơ quan Nhà nước tới việc đảm bảo cho quyền học tập của trẻ em và những kết quả đạt được của hệ thống cơ quan Nhà nước.

Thời điểm hoàn thành luận văn cũng là thời điểm kết thúc và nhìn lại kết quả của những chương trình mục tiêu quốc gia về phổ cập giáo dục cho đến bậc trung học cơ sở năm 2010 (Hiện nay chương trình vẫn đang được triển khai ở các giai đoạn tiếp theo). Và sẽ là phù hợp để đánh giá kết quả đạt được từ các chương trình này như đánh giá chung đầu tiên với những gì Nhà nước đã thực hiện để đảm bảo quyền được học tập của trẻ em. Theo mục tiêu của chương trình này:

– Nhà nước thực hiện chính sách phổ cập giáo dục tiểu học bắt buộc từ lớp 1 đến hết lớp 5 đối với tất cả trẻ em Việt Nam trong độ tuổi từ 6 đến 14 tuổi. Giáo dục tiểu học là bậc học nền tảng của hệ thống giáo dục quốc dân, có nhiệm vụ xây dựng và phát triển tình cảm, đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ và thể chất của trẻ em, nhằm hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển toàn diện nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

– Mục tiêu phổ cập giáo dục trung học cơ sở giai đoạn 2001-2010 là phải bảo đảm cho hầu hết thanh niên, thiếu niên sau khi tốt nghiệp tiểu học tiếp tục học tập để đạt trình độ trung học cơ sở trước khi hết tuổi 18, đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Và những mục tiêu đó là bộ phận của một mục tiêu lớn hơn, xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao bằng một nền giáo dục khoa học và hiện đại.

Theo báo cáo của UNESCO năm 2010 về Giám sát EFA – Kế hoạch hoạt động quốc gia về Giáo dục cho mọi người – Việt Nam là quốc gia đạt tỷ lệ 95% trẻ em nhập học đúng tuổi bậc tiểu học (6 tuổi) – tỉ lệ đạt mức trung

binh trong khu vực Đông Nam Á (Giám sát EFA đánh giá tỉ lệ nhập học đúng độ tuổi bậc tiểu học ở 8 quốc gia Đông Nam Á với tỉ lệ cao nhất đạt 100% và thấp nhất đạt 84%). Bên cạnh con số ấn tượng đó, tỷ lệ đỗ tốt nghiệp ở hai bậc học tiểu học và trung học cơ sở hàng năm luôn đạt con số tỷ lệ cao. Theo thông tin từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, đến hết tháng 6 năm 2010 tất cả 63 tỉnh thành trong cả nước đều đạt chuẩn giáo dục trung học cơ sở. Như vậy, nhìn nhận một cách tổng quát, các con số thống kê đang chỉ ra nỗ lực của hệ thống giáo dục trong việc đảm bảo quyền học tập và ghi nhận kết quả học tập của trẻ em Việt Nam. Tuy nhiên, cũng theo nhiều báo cáo đánh giá tổng kết khác, tỉ lệ bỏ học ở các cấp tiểu học và trung học cơ sở là không hề nhỏ. Thống kê chính thức của Bộ đã chỉ ra từ năm học 2004-2005 đến năm học 2009-2010, học sinh bậc trung học cơ sở giảm liên tục, trong 5 năm, số học sinh trung học cơ sở giảm 1,5 triệu em. Cùng với đó là không ít học sinh tốt nghiệp tiểu học nhưng không biết đọc, biết viết, thậm chí có trường hợp học sinh lớp 9 không làm nổi phép chia đơn giản.

Thực trạng này là kết quả của sự vận hành của cả hệ thống giáo dục Việt Nam, nó cho thấy những nỗ lực của chúng ta trong việc bảo đảm cho trẻ em được học tập, theo đúng định hướng đặt ra. Mặt khác những nỗ lực đó có thể chưa thực sự hoàn hảo khi nó chỉ dừng lại ở mức độ đánh giá dựa trên một tiêu chí đó là tỉ lệ tốt nghiệp bậc tiểu học – bậc học mà Nhà nước đã đưa vào quy định pháp luật là bậc học phổ cập bắt buộc. Để chuẩn xác hơn trong đánh giá, cần nhìn nhận cách thức hệ thống giáo dục Việt Nam vận hành và qua đó, đánh giá những cái được và chưa được của hệ thống giáo dục với mục tiêu bảo đảm quyền học tập của trẻ em.

2.2.1. Hệ thống giáo dục Việt Nam

Hệ thống giáo dục trước hết để có thể vận hành cần sự tham gia của hệ thống các cơ quan, và ở Việt Nam, trụ cột của nó là hệ thống các cơ quan Nhà

nước. Các cơ quan này vừa đóng vai trò là người quản lý, vừa đóng vai trò là người vận hành chủ yếu cho cả hệ thống. Trong hệ thống này, Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các cấp giáo dục trên toàn quốc; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các dịch vụ công; và là cơ quan quản lý ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ trong phạm vi quản lý hợp pháp của Bộ. Luật Giáo dục năm 2005 quy định rằng các cơ quan ngang Bộ và các Bộ, ngành khác có trách nhiệm hợp tác với Bộ Giáo dục và Đào tạo tùy theo năng lực của tổ chức. Cũng theo Luật Giáo dục 2005, Chính phủ trình Quốc hội những quyết định về các hướng dẫn quan trọng có ảnh hưởng đến quyền học tập và trách nhiệm của công dân. Chính phủ cũng phải trình Quốc hội xem xét và thông qua những chương trình giáo dục sửa đổi, báo cáo hàng năm lên Quốc hội về hoạt động và thực hiện ngân sách giáo dục. Luật cũng quy định rằng Ủy ban Nhân dân các cấp chịu trách nhiệm: đảm bảo các điều kiện tài chính, cơ sở hạ tầng, giáo viên và thiết bị dạy học cho các cơ sở công lập chịu sự quản lý trực tiếp của mình, đáp ứng các yêu cầu mở rộng quy mô, cải thiện chất lượng và hiệu quả giáo dục ở địa phương mình. Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh quy định học phí, phí nhập học đối với các cơ sở giáo dục công lập trong tỉnh, theo đề xuất của Ủy ban Nhân dân cùng cấp.

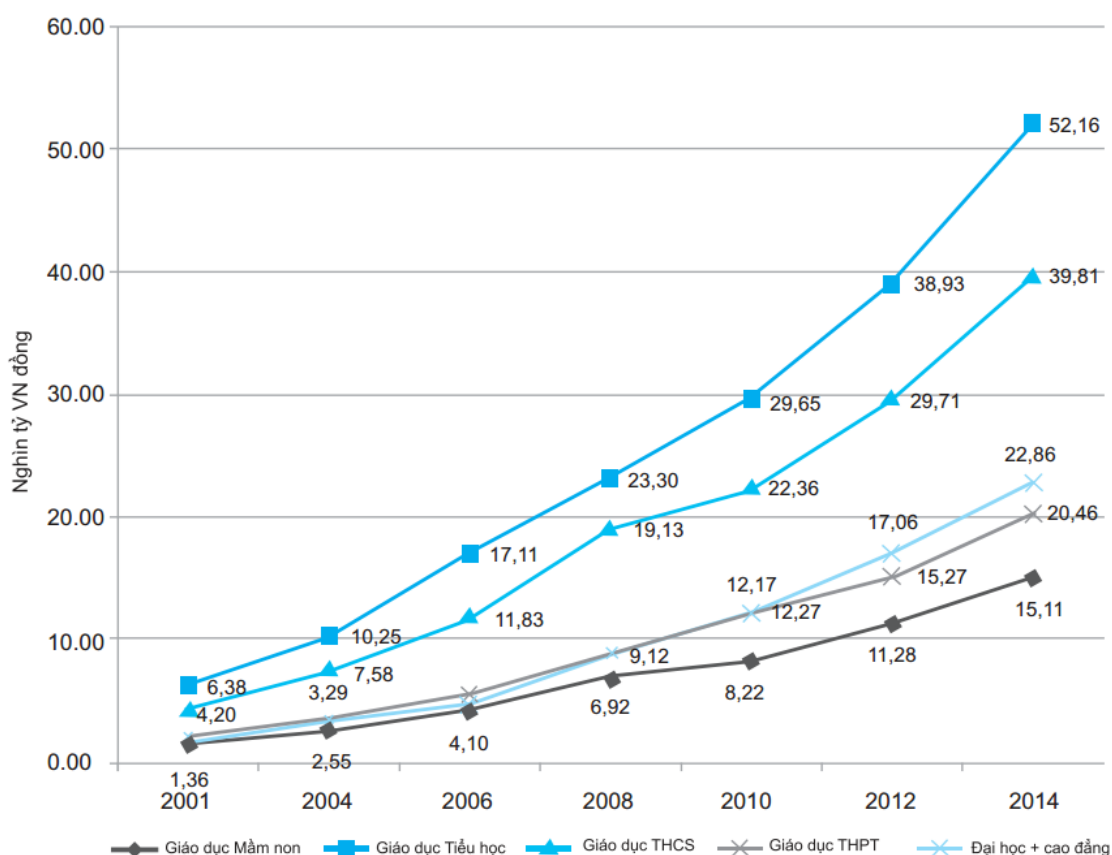
Có thể thấy, một cơ chế hoạt động mà trong đó vai trò chủ yếu thuộc về Bộ Giáo dục và Đào tạo được thiết lập ở tất cả bốn cấp học ở Việt Nam:

- Mầm non dành cho trẻ từ 3 tháng đến 6 tuổi;
- Giáo dục phổ thông bao gồm 5 năm tiểu học (từ lớp 1 đến lớp 5), 4 năm trung học cơ sở (từ lớp 6 đến lớp 9) và 3 năm trung học phổ thông (từ lớp 10 đến lớp 12);
- Giáo dục nghề nghiệp (giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề);
- Giáo dục đại học

Với hoạt động quản lý, một yếu tố không kém phần quan trọng đó là

vấn đề về nguồn lực. Trong số các mục tiêu đặt ra của hoạt động quản lý, có nhiều mục tiêu sẽ phải nhường chỗ cho những mục tiêu khác quan trọng hơn, cần ưu tiên hơn vì năng lực về tài chính đóng vai trò quyết định trong khâu thực hiện. Tính ưu tiên trong hoạt động phân bổ ngân sách cho các hoạt động giáo dục nói lên quyết tâm của ngành giáo dục nói riêng cũng như của Nhà nước Việt Nam nói chung để bảo đảm quyền được học tập của trẻ em.

Bảng 2.1. Phân bổ ngân sách nhà nước cho giáo dục theo bậc học (đơn vị: 100 tỷ đồng): 2001-2008 (thực tế) và 2010-2014 (dự kiến)



Nguồn: Bộ GD&ĐT (2009). Đề án Đổi mới Cơ chế Tài chính Giáo dục Giai đoạn 2009-2014

Có thể thấy rất rõ ràng với Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo được xây dựng từ năm 2008, mục tiêu phân bổ đã được thực hiện trước thời điểm xây dựng Đề án và dự kiến cho tới năm 2014, ngân sách dành cho giáo dục tiểu học và trung học cơ sở (các cấp học với mục tiêu phổ cập) luôn giữ tỷ trọng

cao nhất, đặc biệt ở bậc tiểu học. Bên cạnh đó, hướng tới một nguồn nhân lực với chất lượng cao, bậc học đại học sẽ ngày càng nhận được những ưu tiên lớn hơn trong phân phối chi cho giáo dục.

Cuối cùng, cần nhắc tới vấn đề quản lý giáo dục ở địa phương, khâu trực tiếp nhất trong việc thực thi chính sách, pháp luật cũng như thể hiện vai trò quản lý giáo dục. Việc quản lý ngân sách nhà nước trong giáo dục đang được phân cấp theo xu hướng ngày càng trao quyền tự chủ cho chính quyền địa phương cũng như cho các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực này. Chính quyền địa phương chịu trách nhiệm phân bổ ngân sách cho giáo dục phổ thông và cho các tổ chức đào tạo do địa phương quản lý. Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và trung học còn Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý dạy nghề. Ủy ban Nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm quản lý các trường tiểu học và trung học cơ sở còn Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý các trường trung học phổ thông. Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh trong việc quản lý ngành giáo dục. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện tham mưu cho Ủy ban Nhân dân huyện trong việc quản lý giáo dục.

2.2.2. Những tác động của cách thức tổ chức hệ thống giáo dục đến quyền được đi học của trẻ em

Liên quan đến quyền được đi học của trẻ em, bậc học tiểu học và trung học cơ sở là vấn đề cần được quan tâm đánh giá. Mô hình quản lý giáo dục hiện nay đã trao chức năng quản lý đối với các cơ sở đào tạo cho hệ thống Ủy ban nhân dân – cơ quan quản lý mọi mặt đời sống xã hội ở địa phương – có sự tham mưu về mặt chuyên môn theo ngành dọc của Sở và Phòng Giáo dục và Đào tạo. Sự phụ thuộc này tạo điều kiện thuận lợi và chủ động cho địa phương trong vấn đề quản lý và sử dụng nguồn vốn hiệu quả. Tuy nhiên cách quản lý này lại không tạo tính chủ động cho chính cơ sở đào tạo trong việc bố

trí công việc khi phụ thuộc vào sự phê chuẩn của các bước trung gian đối với những khoản chi mang tính chất đầu tư. Mô hình quản lý mang tính hành chính còn đem lại một hệ quả mà lâu nay chúng ta vẫn gọi là bệnh thành tích. Điều này làm giảm độ tin cậy của các con số thống kê đã nêu ở trên khi không ít trường hợp đã được nêu trên các phương tiện thông tin đại chúng như các điển hình về sự thất bại trong giáo dục. Cho đến tận thời điểm luận văn này được nghiên cứu, tức là khoảng gần 10 năm sau những thông tin đầu tiên về việc học sinh ngồi nhầm lớp, vẫn rất nhiều trường hợp mới được đưa ra trước công luận: Đó là những học sinh lớp 6 vẫn chưa biết đọc, biết viết; Đó là học sinh lớp 9 không thể làm nổi một phép tính chia đơn giản, và rất nhiều các trường hợp khác.

Quyền được học tập của trẻ em có lẽ đã mất đi sức nặng là trọng tâm của hoạt động tổ chức hoạt động giáo dục khi các nhà quản lý có quá nhiều điều phải quan tâm. Việc tổ chức hoạt động đào tạo sẽ chỉ đáp ứng cho quyền học tập của trẻ em khi kết quả của việc học tập bồi dưỡng cho mỗi đứa trẻ thể chất, trí tuệ và xã hội, trở thành người công dân có trách nhiệm và biết tôn trọng những quyền của người khác đúng như tinh thần của Công ước Quốc tế về quyền trẻ em. Khi đó, những con số ấn tượng, những tỉ lệ rất cao được phổ cập giáo dục sẽ không còn quá quan trọng, để thay vào đó là những đóng góp cho sự nghiệp xây dựng đất nước và xã hội. Đảm bảo quyền được đi học và đảm bảo cho việc học tập đem lại lợi ích thực sự cho các em bằng kiến thức các em được trang bị là không thể tách rời. Nếu cách làm và nhận thức của những nhà quản lý trong lĩnh vực giáo dục không thống nhất được điều này, những thực trạng đáng buồn như những gì đã và đang xảy ra sẽ khó có hồi kết. Một ý tưởng ban đầu của tác giả đóng góp thêm cho cách thức quản lý hiện nay đó là bổ sung một cơ chế đánh giá độc lập, việc đánh giá sẽ dựa trên cơ sở khoa học rõ ràng bằng các tiêu chí được xây dựng như các mục tiêu cần đạt được của

từng cấp học. Điều đó không chỉ giúp việc đánh giá một cách khách quan, công bằng mà còn đảm bảo không xảy ra sự tùy tiện trong việc dạy học, để trẻ em chắc chắn sẽ nhận được những gì cần thiết khi cấp sách tới trường.

Bên cạnh cơ chế quản lý, sự ưu tiên dành cho giáo dục là một nỗ lực của Chính phủ cần được ghi nhận. Trong các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc, giáo dục được nhắc tới là quốc sách hàng đầu và đã được hiện thực hóa một cách tuần tự hàng năm. Ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo đã tăng lên cùng với sự tăng trưởng GDP cao và ổn định. Tỉ trọng chi giáo dục và đào tạo trong GDP năm 2001 là 3,2% và tăng lên 4,7% năm 2007. Tỉ trọng ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo tăng từ 13% năm 2001 lên 16% trong năm 2007. Kế hoạch Chiến lược Phát triển Giáo dục giai đoạn 2001-2010 cho thấy chiến lược của Chính phủ là tăng tỉ lệ phần trăm ngân sách nhà nước chi cho giáo dục lên ít nhất là 20% trong năm 2010.

Về những hiện tượng lạ của nền giáo dục nước nhà, khi những học sinh ngồi nhầm lớp, không có cả những kiến thức tối thiểu nhất vẫn hàng năm được lên lớp. Theo ý kiến của tác giả, hiện tượng này còn có mối liên hệ với tình trạng học thêm, dạy thêm tràn lan và hiện tượng trẻ em trước khi vào lớp một đã phải biết đọc, biết viết thường diễn ra ở các thành phố lớn, nơi các bậc phụ huynh dường như quá coi trọng “thành tích” học tập của con em họ. Lý do của nhận định này xuất phát từ cách nhìn nhận từ phía cách thức quản lý ngành giáo dục hiện nay. Có thể lý giải hiện tượng trên do những thiếu sót của người quản lý, thiếu trách nhiệm của giáo viên đứng lớp hoặc do khả năng nhận thức có giới hạn của học sinh. Thế nhưng nếu như đã có hệ thống cơ quan quản lý về giáo dục thì đáng ra hệ thống này phải biết đến các trường hợp kể trên và có cách thức giải quyết, không phải đợi các phương tiện thông tin đại chúng mới đưa ra lời giải thích có thể nói là muộn màng. Nếu như có một thước đo rõ ràng cho việc đánh giá kết quả học tập của mỗi cấp học, có lẽ

sẽ giải quyết được vấn đề này. Và thực tế là ở Việt Nam chúng ta chưa có một thước đo nào, mà hoàn toàn chỉ dựa vào sự đánh giá kết quả của chương trình học qua một bài kiểm tra. Với những trẻ ngồi nhầm trường, nhầm lớp, có lẽ sẽ là quá thiệt thòi cho các em khi các em được ghi nhận về một khả năng không có thật. Và cũng sẽ là không công bằng và không tôn trọng quyền của các trẻ khác có kết quả học tập thực sự - điều mà công ước quốc tế về quyền trẻ em muốn hướng tới. Cách làm không thật sự là quá khó khăn để ghi nhận kết quả học tập có đem lại gì cho trẻ hay không, một thước đo rõ ràng, minh bạch và thống nhất là điều mà ngành giáo dục hoàn toàn có thể làm được. Một ví dụ điển hình cho thước đo này có thể lấy từ một nền giáo dục tiên tiến trên thế giới: Tại Hoa Kỳ, tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập thật đơn giản, mà một trong ba tiêu chí để đánh giá học sinh tốt nghiệp bậc tiểu học là có thể đọc trôi chảy 1000 từ mà không bị vấp vấp. Thiết nghĩ nếu chúng ta có một cách thức đánh giá tương tự như vậy, sẽ không thể để xảy ra tình trạng học sinh học đến lớp 6 mà vẫn không biết đọc, biết viết.

Với những gì đang diễn ra trong nền giáo dục của Việt Nam, không thể phụ nhận những nỗ lực của ngành giáo dục trong việc tạo lập những nền tảng ban đầu cho trẻ em Việt Nam. Tuy nhiên cách làm của chúng ta quá nghiêng về quản lý hành chính, trong khi chất lượng của ngành giáo dục mới là điều quan trọng hàng đầu thì chưa được quan tâm đúng mức. Một khó khăn nữa của Việt Nam là sự hạn chế về điều kiện vật chất cho giáo dục cũng như nguồn lực về tài chính đáp ứng cho hoạt động giáo dục. Đúng là có một thực tế của cuộc sống: Việc và Tiền luôn gắn liền với nhau. Vì vậy vấn đề sắp xếp ưu tiên của các mục tiêu luôn làm đau đầu các nhà quản lý. Khi nguồn lực là có giới hạn, tính hiệu quả sẽ cần được quan tâm nhiều hơn để với nguồn vốn ít ỏi những kết quả đem lại phải thực sự đem lại lợi ích cho cộng đồng, đặc biệt khi nguồn vốn này đi qua khu vực Nhà nước. Tính hiệu quả và tính rõ

ràng là những vấn đề mà theo tác giả hiện nay là khâu yếu nhất trong quản lý giáo dục Việt Nam từ phía cơ quan Nhà nước. Để giải quyết tình trạng này sẽ cần nhiều chuyển biến tích cực, mà bước đi đơn giản đầu tiên có thể là những chỉ tiêu đánh giá minh bạch.

2.3. Thực trạng bảo đảm quyền học tập của trẻ em của gia đình, nhà trường và xã hội

Gia đình, nhà trường và xã hội là môi trường của sự phát triển, học tập của trẻ em. Mỗi một bộ phận của ba yếu tố trên có tác động khác nhau đến quá trình học tập của trẻ, đòi hỏi một sự thống nhất trong định hướng, bắt đầu từ việc tạo những điều kiện đầu tiên cho khả năng tiếp cận quá trình học tập cho tới kết quả của quá trình đó. Sẽ rất khó để có thể tách riêng sự tác động của từng bộ phận đó đã diễn ra ở Việt Nam như thế nào vì mối liên hệ giữa các bộ phận này là tương đối phức tạp. Tuy nhiên để có thể diễn giải một cách cụ thể cho thực trạng của những tác động như thế nào đến việc học tập của trẻ em, vẫn cần thiết phải diễn giải một cách tuần tự từng bộ phận, có đan xen đánh giá đến sự tham gia của các bộ phận khác đến quyền học tập của trẻ em.

2.3.1. Từ phía gia đình

Bên cạnh việc quy định trực tiếp quyền được học tập của trẻ em, các văn bản pháp luật của Việt Nam cũng chú ý đến việc quy định các chính sách để bảo vệ quyền đó, nhất là trách nhiệm, nghĩa vụ của gia đình. Hiến pháp 1992 đã đề cao trách nhiệm của gia đình, mà cụ thể là cha mẹ trong việc giáo dục con cái: *“Cha mẹ có trách nhiệm nuôi dạy con cái thành những người công dân tốt”* (Điều 64). Điều 34 Luật Hôn nhân và Gia đình cũng nêu rõ: *“Cha mẹ có nghĩa vụ chăm lo việc học tập và giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất trí tuệ và đạo đức”*. Điều 18 Luật phổ cập giáo dục tiểu học quy định *Trách nhiệm của cha mẹ, người đỡ đầu là ghi tên cho con hoặc trẻ em được đỡ đầu đi học tại trường, lớp tiểu học tại địa bàn cư trú nơi thuận*

tiện nhất, tạo điều kiện cho con hoặc trẻ em được đỡ đầu hoàn thành giáo dục tiểu học, kết hợp với nhà trường, tổ chức xã hội trong việc giáo dục con cái hoặc trẻ em được đỡ đầu thực hiện giáo dục gia đình theo những truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Và như đã dẫn, tại Điều 16 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có chỉ rõ trách nhiệm của gia đình đối với trẻ em: “Gia đình, Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm cho trẻ em thực hiện quyền học tập, học hết chương trình giáo dục phổ cập, tạo điều kiện cho trẻ em theo học ở trình độ cao hơn”.

Quyền học tập của trẻ em có thể được thực hiện bằng nhiều cách thức khác nhau, nhưng không thể phủ nhận và đã có nhiều nghiên cứu khoa học chứng minh môi trường học tập trường lớp tạo điều kiện cho trẻ em phát triển toàn diện, không chỉ là kiến thức mà còn là ứng xử xã hội. Việc đảm bảo và tạo điều kiện cho con em được học tập trong từ phía gia đình rất khó nhận biết, phụ thuộc vào mức độ quan tâm của gia đình tới vấn đề này. Và sẽ chỉ dễ dàng nhận biết về mức độ này thông qua cách mà gia đình tạo điều kiện cho trẻ em được học tập ở nhà trường.

Hiện nay, trẻ em nghèo, trẻ em vùng sâu, vùng xa không được đến trường chiếm một tỉ lệ lớn, theo những con số tỉ lệ đã dẫn có đến 35% trẻ em Tây Nguyên không được đến trường và thậm chí con số này là 50% ở vùng núi phía Bắc. Có em chỉ học đến bậc tiểu học là phải ngừng học để ở nhà phụ giúp gia đình, dù không ít trong số này các em có mong muốn được đi học với bạn bè cùng trang lứa. Nhà nước ta đã có nhiều nỗ lực trong việc xây trường, xây lớp, hỗ trợ để khuyến khích giáo viên lên các vùng sâu, vùng xa đem cái chữ đến cho đồng bào nghèo, nhưng vẫn chưa thể giải quyết triệt để vấn đề này. Việc cho con đi học cần nhiều nỗ lực của người giáo viên thuyết phục gia đình các em, tuy nhiên do nhận thức không đầy đủ, nhiều gia đình không cho con em đi học, và nhiều gia đình khác không cho đó là việc quan trọng.

Tỉ lệ trẻ em ở các vùng miền này bỏ học rồi sau đó gắn với câu chuyện tái mù chữ không còn là chuyện hiếm gặp. Theo số liệu được Bộ LĐ-TB và XH công bố gần đây thì năm 2008 số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là 1.641.656 em, chiếm 6,55% tổng số trẻ em dưới 16 tuổi. Nếu tính cả bốn nhóm đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác (trẻ em bị buôn bán, bắt cóc; trẻ em bị ngược đãi, bạo lực; trẻ em sống trong gia đình nghèo và trẻ em bị tai nạn thương tích thì tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là 4.697.042 em, chiếm 20,31% tổng số trẻ em dưới 16 tuổi.

Theo báo cáo trình bày tại cuộc họp năm 2008 của Thứ trưởng Phùng Ngọc Hùng thì các hạn chế trên một phần là do Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao trong bối cảnh tình hình trẻ em và công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em có khó khăn, thách thức. Kinh tế – xã hội nước ta tiếp tục biến động nhanh và phức tạp hơn do khủng hoảng tài chính – kinh tế thế giới và những tác động tiêu cực của quá trình hội nhập kinh tế, lạm phát tăng cao, thiên tai nặng nề, ảnh hưởng đến an sinh xã hội, trong đó trẻ em là đối tượng dễ bị tác động và để lại hậu quả lâu dài nhất. Việt Nam vẫn là một nước đang phát triển, mức thu nhập bình quân đầu người thấp, tình trạng đói nghèo vẫn tồn tại ở diện rộng và còn khoảng cách đáng kể giữa các vùng miền đang ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển của trẻ em. Mặt trái của nền kinh tế thị trường cùng với quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế đã làm gia tăng hiện tượng trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt như: trẻ em lang thang, trẻ em sử dụng ma tuý, trẻ em bị lạm dụng và xâm hại, trẻ em bị buôn bán, trẻ em bị nhiễm hoặc bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, trẻ em bị tai nạn thương tích, trẻ em làm trái pháp luật... Nhận định sâu hơn một số chuyên gia cho là: Hệ thống luật pháp, chính sách và khung pháp lý để bảo vệ, chăm sóc trẻ em chưa đầy đủ, đồng bộ. Chế tài xử phạt các hành vi vi phạm quyền trẻ em chưa đủ mạnh. Một số nhóm đối tượng trẻ em đặc biệt

chưa được đưa vào Luật Bảo vệ và chăm sóc trẻ em, như trẻ em bị lạm dụng, bạo lực, trẻ em bị tai nạn thương tích, trẻ em bị ảnh hưởng từ các vụ ly hôn, con nuôi, trẻ em di cư, bị buôn bán, trẻ em sống trong các hộ nghèo... Thiếu các số liệu đáng tin cậy liên quan đến trẻ em cần được bảo vệ đặc biệt. Thiếu các quy trình tư pháp thân thiện với trẻ em. Điều đó nói lên rằng Nhà nước cần có nhiều biện pháp hơn, áp dụng nhiều chính sách hỗ trợ, khuyến khích không chỉ về mặt kinh tế mà còn là tư tưởng của gia đình các em.

Đó là câu chuyện đối với trẻ em ở các khu vực khó khăn, còn với khu vực các thành phố, tương chừng sẽ không thể có vấn đề với quyền học tập của trẻ, thế nhưng cách thức quan tâm lại là vấn đề lớn. Quyền học tập là quyền của trẻ em được dạy những kiến thức và kỹ năng để trẻ có thể tự mình đứng vững trong xã hội. Việc học sẽ chỉ đem lại kết quả tốt khi việc học là hợp lý, phù hợp với lứa tuổi, khả năng và không tách rời, lấn át quyền vui chơi của trẻ em. Với trẻ em, được vui chơi lành mạnh sẽ giúp các em phát triển trí lực và thể lực một cách toàn diện, những khả năng mà trường lớp không thể trang bị cho các em một cách đầy đủ. Thực trạng hiện nay ở các thành phố, đặc biệt là các thành phố lớn là việc được coi là học chiếm một quỹ thời gian quá lớn khiến cho nhiều trẻ không có thời gian vui chơi, tự do phát triển. Có những em số buổi học thêm sánh ngang số buổi học chính của các em ở trường. Vấn đề nằm ở chỗ khi mà chương trình giáo dục là phổ cập, yêu cầu của việc dạy ở trường là trang bị cho các em kiến thức chuẩn theo chương trình được Bộ quy định thì việc học thêm nhằm mục đích gì, đó là một vấn đề không rõ ràng. Đa số các lớp học thêm, nội dung mà các em được học chỉ là nhắc lại kiến thức đã được giảng dạy ở trên lớp, và chỉ có một mục đích tạo ra môi trường học tập tập trung, khuôn các em vào một trật tự của lớp học được tổ chức ra. Và vô tình gia đình các em lại rất cổ súy cho cách học này, hoặc trong trường hợp không thật sự đồng tình thì cũng không làm thay đổi cách

làm của họ. Xét ở khía cạnh thuần túy, có thể thấy quyền học tập của các em ở đây rõ ràng là được đảm bảo và không có gì đáng để phàn nàn. Nhưng xét ở khía cạnh kết quả mà chúng ta muốn đạt được khi đảm bảo quyền học tập của các em thì chắc hẳn là điều không ai dám khẳng định là đúng. Và gia đình đôi khi là một tác nhân khiến cho các em rơi vào tình trạng này. Đã có những trường hợp, do áp lực quá lớn của việc ngồi học trong không gian kín của lớp học (cả trường lớp và lớp học thêm) khiến cho nhiều trẻ bị rối loạn tâm lý, điều đó sẽ ảnh hưởng lâu dài tới tương lai của trẻ. Tất nhiên, thực trạng này sẽ còn có tác nhân từ phía nhà trường sẽ được bàn ở phần tiếp theo, nhưng gia đình cần phải có quyết định đúng đắn và lựa chọn tốt nhất cho con em có được môi trường giáo dục phù hợp để trẻ có thể phát triển toàn diện.

Có thể thấy rằng, gia đình đóng một vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo quyền học tập của trẻ em. Trong đa số các trường hợp, vì tính chất gắn kết và phụ thuộc vào gia đình của trẻ em nên gia đình có vai trò quyết định. Việc đảm bảo quyền học tập của trẻ em phải là cân bằng giữa hai thái cực. Không thể không quan tâm tạo điều kiện cho con em học tập, cũng không thể biến học tập trở thành áp lực đè nặng lên vai các em. Với tính chất quyết định đó, các gia đình, các bậc cha mẹ cần có nhận thức đúng đắn hơn về việc học, cách học, và quan tâm tới yếu tố tâm sinh lý của con cho phương thức quan tâm và tạo điều kiện một cách phù hợp nhất. Và từ phía Nhà nước, vấn đề nhận thức của các bậc cha mẹ cần được nâng cao, điều kiện sống cần được cải thiện là nhưc nhiệm vụ cần đặt ra cho Nhà nước trong thời gian tới.

2.3.2. Từ phía nhà trường

Nhà trường – Nơi các hoạt động giáo dục được diễn ra do Nhà nước tổ tạo lập thành một hệ thống, có sự tham gia từ phía xã hội dưới hình thức xã hội hóa. Tồn tại hiện nay trong vấn đề đảm bảo quyền học tập của trẻ em do cách thức tổ chức của chúng ta, nên có phần giống với tồn tại từ

phía cơ quan Nhà nước. Chương trình và cách thức kiểm tra, đánh giá là vấn đề hiện nay của nhà trường.

Đối với chương trình dạy học, cách thức để đạt được mục tiêu nhận thức cho trẻ em khi quyền học tập được đảm bảo. Có một thực tế rằng, học sinh Việt Nam chưa bao giờ được đánh giá cao về khả năng phát triển toàn diện. Chúng ta có thể có những học sinh đạt giải cao tại các cuộc thi với từng môn văn hóa, nhưng mặt bằng chung của học sinh Việt Nam khó có thể sánh bằng học sinh từ các quốc gia tiên tiến. Học tập tại nhà trường, với chương trình học được cải cách liên tục, tính hoàn thiện của hệ thống giáo dục là điều được mong đợi. Nếu đạt được mục tiêu đó, chương trình học phải trang bị cho trẻ những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho việc tạo dựng cuộc sống và xây dựng tổ quốc. Điều đó không có nghĩa chỉ học ở trường là đủ, nhưng cần thiết phải tạo dựng được một chương trình để trẻ có thể được học những kiến thức cơ bản, đủ khả năng để đáp ứng những yêu cầu của các kỳ thi (học kỳ, tốt nghiệp, chuyển cấp...).

Nhưng thực tế hiện nay phản ánh một sự hỗn loạn của giáo dục, mà ở độ tuổi của bậc học phổ cập, vấn đề nổi cộm nhất là học thêm. Nếu như việc học thêm ở bậc học cấp ba là để chuẩn bị cho kỳ thi đại học, một bậc học để phân hóa học sinh, lựa chọn những học sinh có khả năng ưu tú hơn để đào tạo nghề một cách chuyên nghiệp. Thì ở các bậc học nhỏ hơn, việc học thêm khó có một lý do rõ ràng. Như đã phân tích, việc học thêm chỉ là nhắc lại kiến thức của việc học trên lớp. Vậy chương trình học nên chăng phải xem xét lại, khi cách làm hiện nay có thể hiểu là phải làm bài cùng một dạng nhiều lần, để giúp học sinh có thể nhớ hơn là để học sinh hiểu. Khi đó, quyền học tập của trẻ em có được đảm bảo hay không khi với khung thời gian như thế, trẻ có thể được giới thiệu nhiều hơn từ nhiều nguồn phong phú, và phát huy tư duy của trẻ. Việc phải gò bó trên bàn học để chỉ nhớ lại những gì đã được làm không

chỉ là một, thậm chí là hai hoặc ba lần liệu có thật sự cần thiết. Một thực trạng khác, đáng suy nghĩ hơn đang diễn ra ở khối đầu tiên của bậc học tiểu học – Khối lớp một. Ở độ tuổi lên sáu, trẻ em bước vào ngưỡng cửa lớp một để bắt đầu tiếp xúc với những kiến thức nền tảng ban đầu của cả một chặng đường học tập lâu dài, không chỉ dừng lại khi kết thúc bậc học phổ thông, thậm chí là đại học. Nền tảng quan trọng nhất chính là chữ viết, khi các em học cách phát âm, học cách viết những nét chữ và ghép các con chữ với nhau. Nhiệm vụ là rõ ràng dành cho khối lớp một nói riêng và bậc tiểu học nói chung, nhưng môi trường học tập hiện nay lại tạo áp lực lên gia đình và trẻ em phải biết đọc, biết viết trước khi chính thức vào lớp một. Việc giảm nhẹ vai trò của trường lớp là hành vi đi ngược lại chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước. Các quy định về phổ cập giáo dục nhấn mạnh vai trò của trường lớp chính quy như một mô hình được kiểm soát về tổ chức và nội dung từ phía cơ quan quản lý. Nhưng vô hình chung vai trò đang bị chuyển dịch sang cho các chủ thể khác với mục đích không thật sự rõ ràng chỉ để trang bị cho trẻ em kiến thức không khác với chương trình được đưa ra.

Bên cạnh đó, cũng cần nhìn nhận lại về chương trình dạy học đã đáp ứng được nhu cầu học tập và quyền học tập của trẻ em hay chưa. Luận văn không nằm trong chủ đề về giáo dục và tác giả không có ý định đánh giá về chương trình học vốn đã đang được xây dựng một cách công phu, mà chỉ đưa ra thực trạng hiện nay về kết quả mà chương trình giáo dục đem lại, qua đó đánh giá về khả năng đảm bảo quyền học tập của trẻ em. Liệu rằng chương trình học hiện nay có giúp trẻ em trang bị những hành trang để các em vào đời khi trưởng thành. Các dẫn chứng sau đây có thể phần nào giúp trả lời câu hỏi đó.

Hiện nay, khi các phương tiện thông tin đại chúng, các diễn đàn không còn là điều hiếm gặp, rất dễ dàng để bắt gặp những chia sẻ, lo lắng của các

bậc phụ huynh với những gì mà con em họ được dạy ở trường, tiêu biểu là môn văn. Cảm xúc, sự cảm thụ và sáng tạo không được thể hiện ở trong những câu văn ngô nghê của học sinh lớp một. Có trẻ đã rất băn khoăn hỏi mẹ sau này con sẽ làm gì vì bài văn nào bé cũng có một kết luận sau này ước mơ trở thành nhân vật mà bé tả - theo cách cô giáo dạy. Nhiều hình ảnh được trẻ tả trong bài văn là những đồ vật, con vật mà trẻ chưa bao giờ được nhìn thấy, và còn rất nhiều ví dụ khác. Nếu dạy học chỉ cần khiến trẻ em làm dập khuôn theo những gì được truyền thụ thì rõ ràng không bao giờ đủ cho cuộc sống muôn màu muôn vẻ, không bao giờ đủ cho kiến thức của nhân loại không ngừng phát triển.

Một ví dụ khác là tại các cuộc thi học sinh giỏi quốc tế, học sinh Việt Nam luôn gặp khó khăn với phần thi thực hành và vấn đề ngoại ngữ. Có là đầy đủ và đảm bảo quyền học tập hay không khi quá nghiêng về phần lý thuyết mà không có thực hành. Có là hợp lý hay không khi ngoại ngữ vốn là phương tiện để giao tiếp lại quá nghiêng về truyền đạt kiến thức về ngữ pháp. Hay vấn đề về thể trạng của trẻ em trong quá trình học tập tại trường chưa được chú trọng đúng mức.

Tất cả những vấn đề trên nói lên rằng nhà trường cần có những cách thức phù hợp và chương trình khoa học hơn để tổ chức việc dạy và học. Vấn đề cơ bản là cần xác định rõ nhiệm vụ và mục tiêu cụ thể của dạy học tại trường. Điều đó cũng có mối liên hệ mật thiết với việc đảm bảo quyền học tập của trẻ em. Vì như chúng ta đã biết quyền học tập là không tách rời với mục đích giúp trẻ trở thành công dân tốt. Sẽ là không dễ thực hiện nhưng là cần thiết, đảm bảo cho quyền học tập của trẻ em được trọn vẹn.

2.3.3. Từ phía xã hội

Mặc dù sự xuất hiện và tham gia của các tổ chức xã hội còn khá mới mẻ ở Việt Nam, nhưng có thể thấy vấn đề bảo vệ quyền trẻ em là một trong những

lĩnh vực sớm nhất nhận được sự quan tâm, chia sẻ và hợp tác giữa Nhà nước Việt Nam với cộng đồng xã hội và quốc tế. Điều kiện thuận lợi đó cho phép các tổ chức quốc tế cùng tiềm năng về kinh nghiệm và nguồn lực đem lại những giá trị cho trẻ em Việt Nam. Đồng thời, các tổ chức xã hội trong nước cũng được tạo cơ hội thành lập và hoạt động trong lĩnh vực này. Nhận thức được vấn đề không chỉ là nhiệm vụ của Nhà nước mà còn là nhiệm vụ của cộng đồng, xã hội, gắn với mỗi gia đình, sẽ là không hợp lý nếu vì một lý do nào đó ngăn cản sự tham gia của các tổ chức xã hội. Và thực tế đã cho thấy tính tích cực và hiệu quả của những hoạt động của các tổ chức xã hội. Một sự đóng góp cho dù nhỏ chỉ mang tính khích lệ về mặt tinh thần cho đến những mục tiêu hoạt động đảm bảo quyền được học tập của trẻ em đã được triển khai trong thời gian qua đã nói lên vị trí của các tổ chức xã hội trong vấn đề này.

Trong số những mục tiêu đặt ra của các tổ chức xã hội vì quyền trẻ em, quyền được học tập có thể coi là một trong những nội dung quan trọng nhất. Tiêu biểu cho hoạt động của các tổ chức này, phải nói đến UNICEF - United Nations Children's Fund - Quỹ Nhi Đồng Liên Hiệp Quốc, SDRC – Trung tâm nghiên cứu tư vấn công tác xã hội và phát triển cộng đồng - là một tổ chức phi chính phủ trong nước bắt đầu hoạt động từ tháng 7/1989 và được Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh cấp phép hoạt động như một tập thể hoạt động trong lĩnh vực khoa học công tác xã hội và phát triển cộng đồng từ đầu năm 2001. Bên cạnh đó, tham gia bảo vệ quyền học tập cho trẻ em còn có nhiều tổ chức xã hội khác như một hoạt động không thường xuyên của các tổ chức này, ví dụ như tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Các tổ chức xã hội với các hoạt động đóng góp cho nhóm các trẻ em được chính các tổ chức này lựa chọn dựa trên các tiêu chí khác nhau (trẻ em nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn...) sẽ không phải là nội dung chính được đề cập đến trong phần này. Luận văn sẽ tập trung làm rõ các hoạt

động thực tiễn có tính chất bao quát, thường xuyên và chuyên trách trong lĩnh vực bảo vệ quyền học tập của trẻ em.

Trong nhiều năm qua, hoạt động của UNICEF tại Việt Nam là vô cùng sâu rộng, với những đánh giá khách quan, mang tính khoa học, đem lại một nguồn cơ sở tham khảo cho công tác hoạch định chính sách từ phía các cơ quan Nhà nước, đặc biệt khi nhiều hoạt động của UNICEF luôn có sự hợp tác từ phía cơ quan Nhà nước của Việt Nam. Không chỉ dừng lại ở công tác đánh giá, UNICEF còn chủ động trong việc thực hiện các Dự án tại Việt Nam. Trong các mảng dự án UNICEF thực hiện tại Việt Nam, có thể nói đến mảng Giáo dục và phát triển trẻ thơ với các mục tiêu: *Phổ cập tiểu học vào năm 2000 cho trẻ em độ tuổi 15, số còn lại học hết cấp 1, không có trẻ em thất học; 100% trẻ em thành thị học hết tiểu học và 90% trẻ em nông thôn học hết bậc tiểu học và; đối với khu vực miền núi, cố gắng đạt 50% trẻ em học hết bậc tiểu học.* Đặc biệt hoạt động của UNICEF đã có những kết quả có thể coi là những công trình quy mô, đóng góp vào các kết quả thống kê vĩ mô qua đó tác động đến hoạt động định hướng của Nhà nước. Ví dụ như kết quả Điều tra Quốc gia về vị thành niên và thanh niên Việt Nam được hoàn thành năm 2005; hay Báo cáo phân tích tình hình trẻ em tại Việt Nam năm 2010. Những báo cáo và đánh giá này đem lại một bức tranh tổng thể về cơ sở cũng như kết quả của công tác đảm bảo quyền của trẻ em, trong đó có quyền được học tập.

Lấy ví dụ của bản Báo cáo được thực hiện gần đây nhất của UNICEF năm 2010 về Báo cáo phân tích tình hình trẻ em tại Việt Nam, một bản báo cáo công phu với 300 trang tài liệu đã chỉ ra thực trạng của tình hình trẻ em Việt Nam nói chung và việc đảm bảo quyền đi học của trẻ em nói riêng. Về tỉ lệ hoàn thành Tiểu học đúng độ tuổi, báo cáo đã chỉ ra tỉ lệ này đạt con số cao và đồng đều giữa các vùng miền. Báo cáo ước tính phần lớn em vào học lớp một có đến 98% sẽ học đến hết lớp năm và không có sự khác biệt lớn giữa khu vực

nông thôn và thành thị. Trong đó, tỉ lệ hoàn thành Tiểu học ở vùng Tây Bắc là thấp nhất, chỉ có 50%, sau đó đến Tây Nguyên với chỉ 65%. Sự chênh lệch lên đến tới 40 điểm phần trăm giữa khu vực có tỉ lệ cao nhất là Đồng bằng sông Hồng (90%) với khu vực có tỉ lệ thấp nhất là Tây Bắc (49%)... Các con số kể trên đã nói lên thực trạng bảo đảm quyền được học tập ở các khu vực khác nhau có những kết quả không giống nhau. Đáng lo ngại nhất, có những vùng mà chưa đến một nửa trẻ em được thực hiện quyền cơ bản này, và có những vùng con số có khả quan hơn chút ít nhưng cũng chỉ dừng lại ở 65%. Những đánh giá đó là những cái nhìn khách quan vì một mục tiêu tốt đẹp hơn cho trẻ em Việt Nam, nó sẽ là tài liệu quan trọng, cụ thể là giúp Nhà nước có chính sách hiệu quả hơn cho các vùng được nói tới là Tây Bắc và Tây Nguyên. Đó là một ví dụ rất rõ ràng cho tính hiệu quả và đóng góp của hoạt động của tổ chức xã hội quốc tế tại Việt Nam, khi các tổ chức của Việt Nam mới ở những bước khởi đầu và cần có thời gian để tham gia nhiều hơn cho các công tác xã hội. Không chỉ dừng lại ở việc đưa ra các con số thống kê đơn thuần, UNICEF trong các báo cáo của mình luôn có những phân tích về nguyên nhân của thực trạng và những khuyến nghị về giải pháp. Vì vấn đề liên quan nhiều tới chính sách và hoạt động của các cơ quan Nhà nước trong việc thực thi quyền quản lý, tác giả sẽ giải quyết ở phần sau của Luận văn.

Đối với ngành giáo dục, tác động từ phía xã hội gắn với một chủ trương được thực hiện trong khoảng 10 năm trở lại đây – Chủ trương xã hội hóa giáo dục. Trong số các kết quả mà xã hội hóa giáo dục đạt được, quyền học tập của trẻ em gắn với sự đóng góp giúp đa dạng hóa loại hình trường lớp và giúp tăng thêm các điều kiện phát triển giáo dục.

Đa dạng các loại hình giáo dục, đa dạng các hình thức học tập và loại hình trường lớp đã giúp cho hàng vạn học sinh các cấp có điều kiện tiếp tục học tập ở các trường Mầm non, phổ thông. Các Trung tâm học tập cộng đồng

được củng cố và đi vào hoạt động có hiệu quả. Tại các Trung tâm học tập cộng đồng đã mở các lớp chuyên đề chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt cho bà con, thu hút ngày càng đông đảo nhân dân ở các xã, phường, thị trấn tích cực tham gia học tập. Xã hội hoá giáo dục đã góp phần tích cực thực hiện mục tiêu phát triển số lượng, quy mô, loại hình trường, lớp, học sinh các cấp học. Phong trào toàn dân tham gia học tập, xây dựng một xã hội học tập được nhân dân trong tỉnh hưởng ứng đã góp phần quan trọng vào việc phát triển số lượng. Với xã hội hóa giáo dục, quy mô, loại hình trường, lớp không ngừng được mở rộng, đáp ứng cơ bản nhu cầu học tập của con em nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Lấy con số ở tỉnh Hòa Bình, đến nay (năm học 2012 - 2013), toàn tỉnh có 227 trường Mầm non, trong đó có 02 trường Mầm non tư thục; 220 trường Tiểu học; 200 trường THCS; 19 trường PTCS; 10 trường PTDTNT huyện, liên xã; 02 trường PTDTBT; 37 trường THPT; 11 Trung tâm GDTX huyện, thành phố; 1 Trung tâm GDTX tỉnh; 1 Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp - Hướng nghiệp; 1 Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học; 1 trường CĐSP; 1 trường Trung học Kinh tế - Kỹ Thuật; 210 Trung tâm học tập cộng đồng. Về loại hình giáo dục và các hình thức học tập ngày càng đa dạng, phong phú. Các trường lớp bán công, dân lập, tư thục ở ngành học Giáo dục Mầm non, các hình thức học tại chức, học từ xa đã dần được nhân dân, học sinh hiểu rõ và chấp nhận. Cùng với Nhà nước, xã hội đã ngày càng quan tâm, xen xê lợi ích và đóng góp nhiều hơn cho giáo dục, tạo điều kiện ban đầu cho việc đáp ứng quyền học tập của trẻ em. Không chỉ giải quyết khó khăn ở những địa phương nghèo, các cơ sở giáo dục tư nhân là một cứu cánh cho hệ thống giáo dục ở các thành phố lớn, khi áp lực dân số khiến hệ thống trường công luôn ở trong tình trạng quá tải. Có thể thấy rằng, đóng góp của xã hội là rất tích cực cho dù trực tiếp, chủ động hay chỉ là gián tiếp đảm bảo quyền học tập, quyền được tiếp cận với giáo dục của trẻ em.

Xã hội hoá góp phần quan trọng trong việc xây dựng các điều kiện phát triển giáo dục. Đội ngũ cán bộ giáo viên trong những năm qua không ngừng được xây dựng, củng cố, tăng cường theo hướng đủ về số lượng, cơ cấu hợp lý, ổn định theo vùng, nâng cao chất lượng. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tư tưởng chính trị của giáo viên không ngừng được nâng lên. Cơ cấu đội ngũ giáo viên được khắc phục và có đủ giáo viên, chất lượng đáp ứng yêu cầu đối với các ngành học, cấp học. Trình độ đào tạo và chất lượng của đội ngũ nhà giáo từng bước đã được nâng cao. Cũng tại địa phương tỉnh Hòa Bình, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và vượt chuẩn là: Giáo dục Mầm non có 94,3% đạt trình độ chuẩn trở lên trong đó trên chuẩn đạt 16,8%, chưa đạt chuẩn chiếm 5,7%; Giáo dục Tiểu học có 100% đạt trình độ chuẩn trở lên trong đó trình độ trên chuẩn đạt 53,3%; Cấp THCS có 100% đạt trình độ chuẩn trở lên trong đó trên chuẩn đạt 39,5%; Giáo viên các trường PTDTNT huyện, liên xã: 100% đạt trình độ chuẩn trở lên, trong đó trên chuẩn đạt 54,2%; Giáo dục THPT có 100% đạt trình độ chuẩn trở lên, trong đó trình độ trên chuẩn đạt 4,9%; Giáo dục Thường xuyên có 100% đạt trình độ chuẩn, trong đó trên chuẩn đạt 0,5%; Giảng viên Trường Cao đẳng sư phạm đạt chuẩn 100%, trong đó trên chuẩn đạt 50%; Giáo viên Trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật 100% đạt chuẩn trở lên trong đó trên chuẩn đạt 46,8%. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học trong những năm qua không ngừng được củng cố, tăng cường đầu tư theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá từ nhiều nguồn vốn khác nhau. Quan tâm, chú trọng xây dựng các phòng chức năng, nhà ở giáo viên, phòng thư viện, thí nghiệm, phòng làm việc hội đồng; tiếp tục triển khai thực hiện đề án kiên cố hoá trường lớp học. Tính đến nay toàn tỉnh hiện có 8.518 phòng học trong đó có 6.247 phòng kiên cố chiếm 73,3%; 1.453 phòng bán kiên cố chiếm 17%; 818 phòng tạm, phòng khác chiếm 9,6%, có 1.192 phòng ở của giáo viên; 564 phòng thư viện, 394 phòng thí nghiệm và phòng học bộ môn. Triển khai Đề

án kiên cố hoá trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2008-2012 với tổng số 2.704 phòng học và 1.405 phòng công vụ cho giáo viên; tổng kinh phí đầu tư 565,677 tỷ đồng, huy động xã hội hóa: 64.485 triệu đồng. Tiếp tục đa dạng các nguồn đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học cho các nhà trường. Chăm lo cho đội ngũ giáo viên và học sinh, nhất là học sinh nghèo. học sinh diện chính sách, động viên khuyến khích học sinh giỏi, phát triển tài năng. Tính đến thời điểm này, toàn tỉnh có 145 trường đạt chuẩn Quốc gia đạt tỷ lệ 20%. Toàn tỉnh có 15 thư viện trường học xuất sắc; 30 thư viện trường học tiên tiến và 75 thư viện trường học đạt chuẩn. Ngành đã sử dụng có hiệu quả Website ngành GD&ĐT, triển khai họp và giao ban trực tuyến toàn ngành. Triển khai hệ thống thông tin quản lý giáo dục EMIS; PMIS, phần mềm Quản lý trường học SMAT, phần mềm Kế toán, ứng dụng CNTT hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học. Các địa phương trong tỉnh đã quan tâm công tác quy hoạch đất đai trường học, dành quỹ đất của địa phương để xây dựng trường nên số lớp mầm non học nhờ đã giảm, phần lớn các nhà trường có khuôn viên đảm bảo thực hiện nhiệm vụ dạy và học. Hàng ngàn ngày công lao động tu sửa trường lớp, làm nhà ở cho cán bộ, giáo viên, lớp học từ các nguồn kinh phí xã hội hóa của các địa phương. Hội Khuyến học tỉnh và các huyện, thành phố có nhiều hoạt động thiết thực, phong phú. Đến nay, Quỹ khuyến học từ tỉnh đến các cơ sở có hàng tỷ đồng để phục vụ các hoạt động giáo dục. Trong giai đoạn này, tỉnh Hòa Bình đã huy động được 295.750.000 đồng, làm 1.287m² nhà ở; đã đóng góp được 407.790.000 đồng giúp học sinh, giáo viên có hoàn cảnh khó khăn. Ngoài ra, còn mua sách vở, quần áo cho học sinh nghèo vùng sâu, vùng cao trị giá hàng trăm triệu đồng.

Các con số ấn tượng trên mới chỉ là tổng kết trên địa bàn một tỉnh Hòa Bình đã nói lên tiềm lực và những đóng góp của xã hội đối với sự nghiệp giáo dục trong sự quan tâm đặc biệt dành cho trẻ em. Những con số đó không chỉ

là con số thống kê, sẽ không dừng lại mà nó giúp chúng ta tự tin hơn để thực hiện chính sách sáng suốt trong việc đảm bảo quyền học tập cho trẻ em. Tạo ra những điều kiện cần thiết, hỗ trợ và khuyến khích trẻ học tập và học giỏi là những điều chúng ta mong muốn từ việc xã hội hóa giáo dục. Qua đó, có thể thấy rằng, bên cạnh gia đình, nhà trường, sự quan tâm của xã hội là cần thiết và nó sẽ đảm bảo cho quyền học tập của trẻ em một cách trọn vẹn hơn, khóa lấp sự thiếu hụt và hoàn thiện giáo dục Việt Nam – đồng nghĩa với việc nâng cao năng lực đảm bảo cho một trong những quyền cơ bản và quan trọng nhất dành cho trẻ em.

2.4. Ưu điểm và nhược điểm của việc bảo đảm quyền học tập của trẻ em ở Việt Nam hiện nay

2.4.1. Ưu điểm của việc bảo đảm quyền học tập của trẻ em ở Việt Nam hiện nay

Ngay sau khi Việt Nam phê chuẩn Công ước về quyền trẻ em, Quốc hội Việt Nam đã ban hành Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 1991 (được sửa đổi năm 2004). Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em đã thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về quyền học tập của trẻ em đồng thời chuyển hóa các quy định của Công ước quyền trẻ em vào pháp luật Việt Nam. Có thể nói, Luật Bảo vệ, chăm sóc và Giáo dục trẻ em quy định về quyền gắn với bổn phận của trẻ em là phù hợp với văn hóa Việt Nam, một mặt mang tính giáo dục đối với trẻ em là ngoài quyền học tập của trẻ là quyền được hưởng trẻ em cũng cần có trách nhiệm đối với quyền này, đó là trách nhiệm đối với bản thân, gia đình cũng như xã hội. Mặt khác cách đặt vấn đề quan hệ giữa quyền học tập và bổn phận cho trẻ thấy rằng thực hiện bổn phận cũng chính là thực hiện quyền của mình có hiệu quả.

Các văn bản pháp luật liên quan đến quyền học tập của trẻ em tập trung vào nguyên tắc bảo đảm quyền và phúc lợi của trẻ em với quan điểm ưu tiên,

bình đẳng, không phân biệt đối xử, chú trọng đến giáo dục, học tập. Đề cao vai trò, trách nhiệm của gia đình và bước đầu có chính sách hỗ trợ đối với các gia đình khó khăn để bảo đảm thực hiện quyền học tập của trẻ em. Có thể nói, các văn bản pháp luật Việt Nam liên quan đến quyền học tập của trẻ em đã khái quát được các khía cạnh của quyền trẻ em, đồng thời đánh dấu bước phát triển đáng kể của hệ thống pháp luật về quyền học tập của trẻ em Việt Nam.

Bên cạnh pháp luật, một hệ thống các thiết chế được thành lập để huy động các lực lượng, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, các cá nhân cho các chương trình hành động vì trẻ em. Việc hình thành hệ thống các thiết chế bảo vệ quyền học tập của trẻ em đã tạo cơ hội tăng cường sự phối hợp công tác liên ngành, liên địa phương, thúc đẩy phong trào hành động rộng rãi của xã hội, cộng đồng, gia đình và bản thân trẻ em. Đặc biệt là phối hợp, thúc đẩy công tác tuyên truyền, hướng dẫn theo dõi, giám sát việc thực hiện quyền học tập của trẻ em.

Trên cơ sở quy định của pháp luật, thông qua hoạt động của các thiết chế, đặc biệt là cơ quan chuyên trách làm cho việc tuyên truyền giáo dục và thực hiện Công ước về quyền học tập của trẻ em phát triển rộng khắp từ Trung ương tới cơ sở. Công tác tuyên truyền, vận động xã hội tham gia thực hiện các điều khoản của Luật, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước góp phần quan trọng vào việc nâng cao nhận thức của các cấp lãnh đạo, gia đình, trẻ em và toàn xã hội trong việc thực hiện các quyền học tập.

Có thể nói, pháp luật liên quan đến quyền học tập của trẻ em được đưa vào cuộc sống là cho quyền và nhu cầu được học tập của trẻ em được tôn trọng. Trẻ em được sống khỏe mạnh, tinh thần, tình cảm, trí tuệ, tâm lý xã hội của trẻ em được phát triển lành mạnh, tự tin hơn.

Có thể khẳng định rằng, sau khi phê chuẩn Công ước về quyền trẻ em cùng với việc xây dựng hệ thống pháp luật nói chung và Luật Bảo vệ, Chăm

sóc và Giáo dục trẻ em nói riêng và việc hình thành hệ thống thiết chế đã tạo ra khuôn khổ pháp lý, môi trường thuận lợi đối với việc thực hiện quyền học tập của trẻ em. Hình thành nhận thức của xã hội về trách nhiệm đối với trẻ em. Thông qua các chương trình quốc gia đã đảm bảo cho trẻ em được hưởng quyền được học tập một cách toàn diện. Đây là cơ sở để phát triển mạnh mẽ việc thực quyền học tập của trẻ em ở Việt Nam.

2.4.2. Nhược điểm của việc bảo đảm quyền học tập của trẻ em Việt Nam hiện nay

Bên cạnh những ưu điểm cơ chế pháp lý bảo vệ quyền học tập của trẻ em ở Việt Nam vẫn còn nhiều nhược điểm.

Thứ nhất (về hệ thống pháp luật): Hiện nay trung tâm của hệ thống pháp luật để bảo đảm quyền học tập của trẻ em là Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em, quy định những điều khoản mang tính cương lĩnh nhằm thể chế hóa một số chính sách lớn của Đảng và Nhà nước thể hiện sự ưu việt của chế độ và sự quan tâm của toàn bộ xã hội đối với trẻ em, nhưng thiếu cơ chế bảo đảm thực hiện. Mặt khác Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em chỉ dừng lại ở việc khẳng định các quyền và bổn phận cơ bản của trẻ em, nhiều quy định trong luật còn mang tính nguyên tắc, định hướng chung thiếu tính cụ thể. Các luật liên quan lại chưa quy định đồng bộ và đầy đủ dẫn đến việc trên thực tế giải quyết các vấn đề đó không có cơ sở pháp lý. Vì vậy không đảm bảo được đầy đủ quyền học tập của trẻ em, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Việc ban hành các văn bản dưới luật còn chậm so với yêu cầu tiến độ triển khai áp dụng trên thực tế, nhất là các văn bản mang tính phối hợp nhiều ngành. Trong khi đó quyền học tập của trẻ em lại liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Mặt khác các Luật liên quan như Bộ Luật Hình sự, Bộ Luật Dân sự phần lớn chưa cụ thể hóa các điều của Luật Bảo vệ,

Chăm sóc và Giáo dục trẻ em và chưa quy định đầy đủ vấn đề liên quan đến trẻ em. Do vậy chưa đáp ứng và giải quyết kịp thời các vấn đề về quyền học tập của trẻ em trong thực tế.

Thứ hai (về hệ thống các thiết chế)

- Đối với gia đình: Trên cơ sở quy định của pháp luật, thông qua hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật và xuất phát từ bổn phận của cha mẹ các gia đình đã nhận thức được đầy đủ trách nhiệm của mình trong việc cho con đi học. Các bậc cha mẹ nhận thức được mình là người trước tiên chịu trách nhiệm về con cái và cần dành điều kiện tốt cho sự phát triển của trẻ em. Tuy nhiên trên thực tế chúng ta thấy vai trò của gia đình vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của việc thực hiện quyền học tập của trẻ em. Nhiều gia đình khi con đến tuổi đi học không đưa con đến trường hay vì nhiều lý do khác nhau mà trẻ em phải nghỉ học sớm để lao động phụ giúp gia đình, cũng có trường hợp quyền học tập của trẻ bị ngắt quãng.

- Đối với nhà trường: Nhà trường là môi trường để trẻ em học tập, rèn luyện. Tuy nhiên vai trò của nhà trường vẫn còn nhiều hạn chế: Chưa thu hút được hết trẻ em mầm non đến trường, còn có trẻ em chưa được phổ cập giáo dục tiểu học tỷ lệ trẻ em bỏ học còn lớn, chất lượng giáo dục chưa toàn diện chưa cao.

- Đối với các tổ chức: Các tổ chức như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,... là bộ phận quan trọng trong hệ thống các thiết chế bảo vệ quyền học tập của trẻ em tạo thành thế trận để tuyên truyền góp phần để thực hiện luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em có hiệu quả, tuy nhiên việc tuyên truyền giáo dục về Luật chưa sâu, chưa đến được từng hội viên, từng gia đình, hầu hết chỉ có thể tiến hành ở những nơi thuận lợi, có dự án hoặc được đầu tư kinh phí. Việc kiểm tra, đôn đốc việc thi hành luật còn nhiều hạn chế, chưa kịp thời phát hiện, ngăn chặn, phê phán

những hành vi vi phạm các quyền học tập và bổn phận của trẻ em. Nhiều hành vi vi phạm chưa được xử lý nghiêm.

- Đối với Nhà nước: Việc ban hành văn bản còn nhiều bất cập, nhiều văn bản còn chồng chéo, cản trở việc thực hiện. Thực thi chính sách chậm. Ngân sách đầu tư cho lĩnh vực giáo dục còn dàn trải, chưa tập trung, nhiều địa phương chưa quan tâm bố trí ngân sách cho các chương trình giáo dục vì trẻ em ở cơ sở, các đạo phương khác nhau đầu tư cho giáo dục còn nhiều chênh lệch.

Cơ quan chuyên trách chưa phát huy được vai trò, hoạt động kiểm tra, giám sát chưa được tiến hành thường xuyên và hiệu quả không cao. Chưa tiến hành được các cuộc thanh tra mang tính nghiệp vụ và chuyên môn sâu. Sự phối hợp giữa các cơ quan có trách nhiệm, giữa các bộ, ngành, giữa Trung ương và địa phương chưa chặt chẽ còn nặng về báo cáo.

Như vậy, những hạn chế này tất yếu dẫn đến hệ quả là quyền học tập của trẻ em chưa được đảm bảo trên thực tế. Về phương diện lý luận, để bảo đảm quyền học tập của trẻ em là sự kết hợp của hai yếu tố: Pháp luật và các thiết chế. Sự kết hợp chặt chẽ giữa hai yếu tố này là cơ sở đảm bảo cho việc thực hiện quyền học tập của trẻ em. Ngược lại, những tồn tại của pháp luật và hạn chế của các thiết chế sẽ làm nảy sinh những yếu kém trong việc thực hiện quyền học tập và bổn phận của trẻ em Việt Nam. Hiện nay, mới có khoảng 90% trẻ em mầm non đến trường, còn nhiều xã chưa có giáo dục mầm non. Vẫn còn trên 10% trẻ em chưa biết chữ. Giáo dục trung học cơ sở mới đạt trên 80%, giáo dục cho trẻ em khuyết tật mới triển khai ở 39 tỉnh, 49 huyện. Về bổn phận trẻ em: còn nhiều trẻ em chưa nhận thức được đầy đủ bổn phận của mình dẫn đến tình trạng lơ là học tập, bỏ học gây rối trật tự công cộng hoặc vi phạm pháp luật.

Như vậy, sự yếu kém trong việc thực hiện quyền học tập của trẻ em

xuất phát từ hạn chế của cơ chế pháp lý bảo vệ quyền trẻ em ở Việt Nam. Những tồn tại, hạn chế đó do nhiều nguyên nhân:

- *Thứ nhất*: quyền học tập của trẻ em liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Vì vậy pháp luật về quyền học tập của trẻ em bao gồm tổng thể các văn bản luật và dưới luật điều chỉnh tất cả các lĩnh vực. Sự tản mạn của hệ thống pháp luật về quyền học tập của trẻ em dẫn tới những quy định không thống nhất, không đồng bộ và khó áp dụng vào thực tiễn. Mặt khác, bản thân Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em chỉ mang tính chất định khung mà không có các chế tài hoặc dẫn chiếu đến chế tài ở các luật khác. Vì vậy trên thực tế không hiệu quả. Luật được ban hành nhưng luôn trong chờ vào văn bản hướng dẫn của các bộ liên quan.

- *Thứ hai*: Gia đình là môi trường đầu tiên trẻ em học những điều đơn giản và cơ bản nhất nhưng không phải gia đình nào cũng nhận ra điều đó vì thế việc thực hiện quyền học tập của trẻ em chưa được toàn diện là bắt nguồn từ gia đình. Bởi vì một phần do nhận thức của cha mẹ, gia đình và trách nhiệm đối với trẻ em bị ảnh hưởng bởi phong tục tập quán, buộc trẻ phải nghỉ học sớm để lấy chồng. Một mặt khác do nhiều cha mẹ mải mê với công việc hoặc chỉ lo kiếm tiền mà xem nhẹ việc học hành của con. Ngoài ra yếu tố gia đình đóng vai trò quan trọng đối với việc thực hiện quyền học tập của trẻ em. Nhiều trẻ không được đến trường đi học mà phải lang thang kiếm sống nuôi bản thân và phụ giúp gia đình về kinh tế.

Cuối cùng hạnh phúc của cha mẹ cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện quyền học tập trẻ em. Hiện nay tình trạng ly hôn của Việt Nam ngày một gia tăng, tình trạng đó làm trẻ mất đi một nửa môi trường gia đình. Lúc này tâm lý trẻ không tốt rất dễ dẫn đến việc nghỉ học, bỏ học.

- *Thứ ba*: Hiện nay nhiều nơi chưa có trường mầm non. Cơ sở vật chất nhà trường còn thiếu, vẫn còn các lớp học tranh, tre, nứa, lá; trang thiết bị lạc

hậu; chương trình học tập, sách giáo khoa không đồng bộ; phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ em chậm đổi mới; đội ngũ giáo viên miền núi còn thiếu chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục cũng như nhu cầu học tập của trẻ.

- *Thứ tư:* Trong số các tổ chức, chỉ có Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh mà cụ thể là Đội thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh là tổ chức riêng biệt của trẻ em nói chung mà thiếu nhi nói riêng. Các tổ chức khác nhau tham gia tuyên truyền thực hiện quyền học tập của trẻ em mới mang tính chất lồng ghép. Hoạt động mang tính phong trào mà chưa chú ý đến bề sâu, nặng về hình thức. Việc tổ chức hoạt động còn phụ thuộc nặng nề vào nguồn ngân sách nhà nước hoặc sự trợ giúp ngoài nhà nước.

- *Thứ năm:* Ngân sách nhà nước đầu tư cho việc bảo vệ và chăm sóc giáo dục cho trẻ còn dàn trải, thiếu tập trung. Chính sách thực thi chậm, nhiều khi có chính sách nhưng không có nguồn kinh phí hoặc phải chờ nguồn kinh phí để triển khai thực hiện.

- *Thứ sáu:* Nhận thức của lãnh đạo và chính quyền địa phương không đồng bộ. Nơi nào mà lãnh đạo quan tâm đến giáo dục thì quyền học tập của trẻ em có nhiều điều kiện phát triển. Vì vậy thực hiện quyền học tập của trẻ em ở các địa phương, các vùng chưa đồng đều.

Như vậy, những nguyên nhân trên đây ảnh hưởng không nhỏ đến việc bảo đảm quyền học tập của trẻ em ở Việt Nam đòi hỏi phải được khắc phục. Mặt khác, theo Công ước về quyền trẻ em những nghĩa vụ chúng ta đã cam kết phải được thực hiện từng bước trong thực tiễn quốc gia. Vì vậy để hoàn thiện việc bảo đảm quyền học tập của trẻ em là yêu cầu tất yếu và khách

2.5. Giải pháp bảo đảm quyền học tập của trẻ em

Xuất phát từ quan điểm chỉ đạo để đảm bảo đúng định hướng, quá trình hoàn thiện việc bảo đảm quyền học tập của trẻ em ở Việt Nam cần thực hiện theo những giải pháp sau:

2.5.1. Hoàn thiện pháp luật

Trên cơ sở những ưu điểm và hạn chế của việc bảo đảm quyền học tập của trẻ em ở Việt Nam, xuất phát từ quan điểm chỉ đạo nên việc bảo đảm quyền học tập của trẻ cần phải theo những phương hướng sau:

- Hình thành một hệ thống pháp luật bao gồm các quy định toàn diện đồng bộ, cụ thể và có tính khả thi. Hệ thống pháp luật đó phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Thứ nhất: quyền học tập của trẻ em liên quan đến hầu hết các lĩnh vực trong đời sống xã hội và đang được xã hội hóa. Vì vậy phải xác định hệ thống pháp luật là nền tảng pháp lý cho việc bảo đảm quyền học tập của trẻ em. Tính ràng buộc của pháp luật là cơ sở để toàn xã hội hành động vì quyền học tập của trẻ em.

Thứ hai: Các quy định của pháp luật phải hướng đến thể hiện được đầy đủ quyền học tập của trẻ em, tránh tình trạng coi trẻ em là các chủ thể thụ động và chỉ chú ý đến các quyền mà người lớn dành cho trẻ em, xem nhẹ các quyền do chính trẻ em thực hiện. Mặt khác, các qui định của pháp luật cần phải được cụ thể, tránh tình trạng quy định của pháp luật mang tính định hướng, chung chung dẫn tới khó áp dụng trên thực tế làm giảm hiệu quả của hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật. Đồng thời, cần phải có các chế tài đảm bảo thực hiện các qui định của pháp luật về quyền học tập của trẻ em.

Thứ ba: Các qui định của pháp luật liên quan đến quyền học tập của trẻ em phải thể hiện sự thống nhất, không mâu thuẫn, chòng chẹo giữa Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em với các luật khác hoặc giữa Luật với các văn bản dưới luật. Yêu cầu này nhằm tạo ra một hệ thống các quy định thống nhất tạo tiền đề cho việc thực hiện và áp dụng một cách có hiệu quả.

Thứ tư: Các quy định của pháp luật liên quan đến quyền trẻ em cần phải phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, phản ánh đúng trình độ phát triển

kinh tế - xã hội của Việt Nam. Đồng thời các quy định của pháp luật Quốc gia phải tương thích với pháp luật Quốc tế nói chung và Công ước về quyền trẻ em nói riêng.

- Kiện toàn các thiết chế đã có, đồng thời có thể hình thành và phát triển các thiết chế mới cần phải có, đẩy mạnh xã hội hóa việc bảo vệ quyền học tập của trẻ em. Công việc này phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Thứ nhất: Việc kiện toàn và hình thành các thiết chế phải xuất phát từ thực tiễn nhằm mục đích đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của việc thực hiện quyền học tập của trẻ em. Tránh tình trạng các thiết chế hoạt động không hiệu quả hoặc chỉ trông chờ vào sự trợ giúp của Nhà nước.

Thứ hai: Các thiết chế phải hướng đến việc tuyên truyền, giáo dục, tham gia giám sát quá trình thực hiện quyền học tập của trẻ em. Mục đích hoạt động của các thiết chế là nhằm huy động được sức mạnh của toàn xã hội cho sự nghiệp trẻ em nói chung và quyền được học tập nói riêng.

Thứ ba: Trẻ em được pháp luật trao cho các Quyền, trong đó, quyền học tập đặc biệt được chú trọng. Tuy nhiên quyền đặc biệt này chủ yếu được thực hiện thông qua việc tạo môi trường và điều kiện của người lớn. Vì vậy, trong trường hợp này chính người lớn đặt nền móng cho việc thực hiện và đáp ứng Quyền. Do đó, người lớn phải ý thức được và phải chịu trách nhiệm nếu trẻ em không được hưởng quyền học tập một cách trọn vẹn, theo cách hiểu của Công ước Quốc tế về quyền trẻ em. Điều đó nhấn mạnh rằng vai trò, trách nhiệm của gia đình đối với quyền học tập của trẻ em phải được xác định là nơi đầu tiên và cũng là nơi cuối cùng.

- Tiến hành đồng bộ việc hoàn thiện cơ chế và quá trình này phải đặt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Yêu cầu đặt ra là:

Thứ nhất: Cùng với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật thì đồng thời phải tiến hành củng cố các thiết chế. Sở dĩ như vậy là vì hệ thống pháp luật

hình thành nên khung pháp lý xác định các quyền trẻ em được hưởng, bao gồm cả quyền học tập. Để sau đó, quá trình thực hiện luật, đưa luật vào thực tiễn cần phải có các thiết chế tương ứng để đảm bảo quyền cho trẻ em.

Thứ hai: Phát triển kinh tế - xã hội là tiền đề để đảm bảo cho việc thực hiện quyền trẻ em. Vì vậy, việc hoàn thiện cơ chế phải được đặt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và được cụ thể hóa ở từng địa phương cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục tập quán ở địa phương, đảm bảo tính khả thi khi thực hiện trên thực tế.

Thứ ba: Hoàn thiện cơ chế gắn liền với việc xã hội hóa công tác bảo vệ quyền học tập của trẻ em gắn liền với ngành giáo dục. Yêu cầu này nhằm tránh tình trạng chỉ trông chờ vào nguồn lực từ ngân sách Nhà nước. Cần nhận thức được rằng công tác bảo đảm quyền học tập của trẻ em là quyền của một đối tượng rất đặc biệt cần sự quan tâm của toàn xã hội và là trách nhiệm của toàn xã hội, không phải là việc riêng của một cơ quan, một tổ chức hay một ngành nào.

Thứ tư: Việc hoàn thiện cơ chế phải phù hợp và đáp ứng những yêu cầu của các chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là các nghĩa vụ đã được xác lập trong Công ước về quyền trẻ em.

Thứ năm: Phải nhận thức rằng trẻ em không chỉ là chủ thể tiếp nhận quyền một cách bị động mà phải nhìn nhận trẻ em là những chủ thể chủ động trong việc tiếp nhận Quyền. Vì vậy hoàn thiện việc bảo đảm quyền học tập của trẻ em không có nghĩa là xem nhẹ vai trò của chính trẻ em.

2.5.2. Bảo đảm quyền học tập cho trẻ em bằng pháp luật

- Tiến hành rà soát, hệ thống hóa phát hiện những khiếm khuyết để sửa đổi, bổ sung những quy định hiện hành.

Quyền học tập của trẻ em là nội dung không chỉ được quy định trong Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em mà còn được quy định ở nhiều văn

bản pháp luật khác nhau. Hiện nay, quyền học tập của trẻ em được quy định tản mạn tại nhiều văn bản khác nhau là một trong những nguyên nhân làm cho quá trình thực hiện quyền trên thực tế còn nhiều khó khăn và chưa phát huy được hiệu quả. Xuất phát từ thực tế đó, vấn đề cần phải hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền trẻ em nói chung và quyền học tập của trẻ em nói riêng là một nhiệm vụ quan trọng mà các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải tiến hành trong thời gian tới. Để hoàn thiện hệ thống pháp luật, cần thực hiện rất nhiều biện pháp khác nhau.

Trước hết, các cơ quan chức năng phải rà soát và hệ thống hóa các văn bản pháp luật có quy định về quyền trẻ em. Đây là hoạt động có ý nghĩa tiên đề nhằm sớm phát hiện những nội dung văn bản pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo không còn phù hợp với thực tế. Trên cơ sở đó, các cơ quan có thẩm quyền cần phải xây dựng kế hoạch sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới nhằm hoàn thiện chúng.

Giải pháp trước mắt cần tập trung sửa đổi các luật trên cơ sở đối chiếu với Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em – Đạo luật cơ bản và trực tiếp nhất quy định các vấn đề liên quan đến quyền trẻ em. Đặc biệt là vấn đề hiện nay Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em mới chỉ dừng lại ở những quy định chung chung, không có chế tài đảm bảo thực hiện mà vẫn phải viện dẫn đến các quy định tại các văn bản pháp luật khác. Từ đó, việc sửa đổi, bổ sung một văn bản sẽ kéo theo hàng loạt các văn bản khác.

- Tiến hành ban hành văn bản mới. Bên cạnh việc sửa đổi, bổ sung pháp luật có liên quan, Chính phủ cần sớm ban hành Nghị định quy định chi tiết vấn đề bảo vệ quyền trẻ em nói chung và quyền học tập của trẻ em nói riêng. Trong đó, vấn đề xác định trách nhiệm của gia đình, chính quyền, Bộ, ngành là cần thiết.

Tóm lại, riêng về vấn đề pháp luật, việc triển khai xây dựng hệ thống

văn bản pháp luật về quyền trẻ em là cần thiết, trong đó trọng tâm là Luật bảo vệ, chăm sóc trẻ em (sau khi đã có những bổ sung cần thiết về mặt nội dung). Qua đó, sẽ giải quyết triệt để vấn đề cơ sở pháp lý cho việc thực hiện quyền học tập của trẻ em và chắc chắn sẽ đảm bảo tốt hơn trên thực tế.

2.5.3. Bảo đảm quyền học tập cho trẻ em ở gia đình, nhà trường và xã hội

Như phần hạn chế đã trình bày, việc thực hiện quyền học tập của trẻ em hiện nay chưa hiệu quả là do nhiều nguyên nhân, trong đó về phía các cơ quan Nhà nước, các tổ chức, nhà trường và cả gia đình chưa phát huy đủ vai trò, trách nhiệm của mình.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của gia đình

Đối với gia đình, nhà nước cần có chính sách hỗ trợ cho các gia đình cũng như tạo điều kiện để các gia đình phát triển kinh tế, đặc biệt là ở các khu vực còn nhiều khó khăn. Thực tế ở Việt Nam cho thấy quyền học tập của trẻ em chưa được đảm bảo theo hai hướng. Thứ nhất, trẻ em chưa được hưởng đầy đủ quyền học tập do gia đình quá khó khăn; thứ hai trẻ em chưa làm tròn nghĩa vụ học tập do sự buông lỏng quản lý, xem nhẹ trách nhiệm của cha mẹ. Vì vậy, trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương cần phải chú ý đến việc tạo điều kiện cho sự ổn định và phát triển của gia đình. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ các gia đình ở những khu vực khó khăn khi cho con đi học, kết hợp nâng cao dân trí và ý thức trách nhiệm của các bậc cha mẹ với quyền học tập của con em. Cuối cùng chính cha mẹ là người phải tự ý thức về trách nhiệm đối với con cái. Đây là yếu tố quyết định đảm bảo cho quyền học tập của trẻ em bởi lẽ trong bất cứ hoàn cảnh nào mái ấm gia đình, trách nhiệm của cha mẹ sẽ là những điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ em. Giải quyết vấn đề này trên thực tế ở Việt Nam không đơn giản, đặc biệt là ở miền núi nơi trình độ kinh tế, văn hóa, xã hội còn thấp kém, số trẻ em sinh ra thậm chí chưa được khai sinh còn rất nhiều [12].

- Đầu tư cho hệ thống nhà trường

Bên cạnh gia đình, hệ thống nhà trường cần phải được củng cố vì đây chính là môi trường đáp ứng cho quyền học tập của trẻ em. Việc củng cố cần được thực hiện bằng cách huy động mạnh hơn nữa các nguồn lực để đảm bảo tất cả các xã đều có trường, lớp mầm non, giải quyết điều kiện thiếu thốn của các phòng học. Mặt khác, chương trình học tập cần được giữ sự ổn định cần thiết, tránh tình trạng luôn có sự xáo trộn, thay đổi. Hệ thống sách giáo khoa, trang thiết bị phục vụ học tập phải được đưa đến trường kịp thời điểm của năm học, tránh tình trạng học chay, để cho đến khi chuẩn bị kết thúc năm học mới có sách. Tăng cường đào tạo đội ngũ giáo viên, đặc biệt là giáo viên miền núi. Đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng giáo viên thông qua các chương trình đào tạo và các hình thức khác.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức:

Nhằm nâng cao nhận thức và huy động nguồn lực xã hội cho việc đảm bảo quyền học tập của trẻ em phải sắp xếp lại tổ chức và hướng hoạt động của các tổ chức. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, và Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh không chỉ hướng vào các đối tượng là học sinh ở trường học mà phải mở rộng đối với trẻ em toàn xã hội. Quỹ bảo trợ trẻ em các cấp cần được củng cố và đa dạng hóa nguồn thu và kêu gọi xã hội hóa sự đóng góp của quỹ.

- Đối với Nhà nước

Nhà nước đóng vai trò to lớn trong việc thực hiện quyền trẻ em ở Việt Nam. Bên cạnh việc đẩy mạnh xã hội hóa với công tác giáo dục, đảm bảo quyền học tập. Nhà nước với tư cách là người quản lý hệ thống giáo dục, cần có những hoạt động tác động cơ bản và có diện phủ rộng nhất trong việc tạo điều kiện cho khả năng thực hiện quyền học tập của trẻ em:

+ Thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là các vùng khó khăn,

nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm, nâng cao trình độ dân trí của người dân. Đây là tiền đề vật chất cho quá trình thực hiện quyền học tập của trẻ em.

+ Sớm ban hành văn bản hướng dẫn Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, sau khi đã có những sửa đổi, bổ sung cần thiết cho đạo luật này.

+ Đầu tư thích đáng nguồn ngân sách Nhà nước vào các mục tiêu được ưu tiên nhằm cải thiện và duy trì sự ổn định của hệ thống giáo dục, chương trình giáo dục. Đảm bảo tính hiệu quả và thiết thực của chương trình.

+ Phân định rõ nhiệm vụ của từng cấp chính quyền địa phương, đề ra các biện pháp bảo đảm thực hiện pháp luật như cơ sở vật chất, điều kiện để các chủ thể có khả năng thực hiện. Có chính sách đảm bảo cơ chế quản lý hành chính không tách rời và vì quyền được học tập, học tập trong môi trường giáo dục có chất lượng.

+ Giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện quyền trẻ em của các Bộ, ngành, địa phương và các chủ thể có liên quan. Xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm quyền được học tập của trẻ em. Đồng thời có biện pháp đối với các trường hợp không làm tròn trách nhiệm trong việc đảm bảo thực thi quyền học tập của trẻ em.

- Chính quyền địa phương:

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp cần chỉ đạo các cơ quan chức năng xây dựng và đưa chương trình hành động vì trẻ em nói chung và trong lĩnh vực giáo dục nói riêng vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm sự phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Chính quyền địa phương cần phối hợp chặt chẽ với Bộ Giáo dục – Cơ quan quản lý chuyên ngành – trong hoạt động từ khâu lập chính sách cho tới hành động. Chính sách ở địa phương phải rõ ràng, công tác quản lý theo phân cấp với từng bậc học cần có sự phối hợp chặt chẽ đảm bảo tính liên hoàn

của hệ thống giáo dục. Tổ chức các kỳ thi nghiêm túc, đảm bảo tính công bằng trong giáo dục. Ở các địa phương khó khăn, cần có chính sách hỗ trợ và đảm bảo nguồn kinh phí cho hoạt động hỗ trợ, khuyến khích các gia đình tạo điều kiện cho trẻ em tới trường.

2.5.4. Các giải pháp khác

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về quyền học tập của trẻ em

Trước hết, phải đẩy mạnh hơn nữa việc tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật của Nhà nước, qua đó chỉ ra tính cần thiết và yêu cầu bắt buộc của chính sách với quyền học tập của trẻ em. Để nâng cao ý thức cần bắt đầu từ nâng cao về mặt nhận thức, để bản thân từng cá nhân thấy được trách nhiệm của mình trong công tác này. Một trong các biện pháp để nhân rộng việc phổ biến là xã hội hóa để nhà nước và nhân dân cùng làm. Tuyên truyền phổ biến phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, có hiệu quả, chú ý đến chiều sâu và chất lượng công việc. Tránh tình trạng công việc này chỉ là của cơ quan chức năng.

Tuyên truyền, phổ biến phải hướng đến mọi đối tượng, đặc biệt là các gia đình và nỗ lực hơn ở các địa bàn mà tỉ lệ trẻ em không được phổ cập giáo dục đúng độ tuổi. Đối tượng gia đình được coi là yếu tố quyết định hành đầu đến thành công của công tác tuyên truyền và sau đó là đảm bảo quyền học tập của trẻ em. Không chỉ dừng lại ở việc đưa con em tới trường, tạo điều kiện học tập mà còn là giúp họ nhận thức được giá trị và mục tiêu của việc học và học tại trường để họ có những quyết định lựa chọn đúng đắn, hướng con em học tập vì chính các em chứ không phải câu chuyện thành tích.

- Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục

Mục tiêu của xã hội hóa giáo dục là thực hiện quyền trẻ em bằng cách huy động sức mạnh của xã hội. Và sức mạnh ở đây là sự tham gia xây dựng,

đóng góp và thực hiện của bất cứ đối tượng nào trong cộng đồng, không đơn thuần chỉ là góp nguồn lực tiền bạc. Nhà nước xác định mục tiêu trẻ em và đảm bảo quyền học tập của trẻ em luôn được đặt trọng chiến lược của cả nước và từng địa phương. Xã hội hóa cần đảm bảo tính đồng bộ, tức là Nhà nước bên cạnh việc tạo điều kiện, khuyến khích các cá nhân, tổ chức thành lập các trường tư thục ở các bậc học như đã diễn ra trong thời gian qua cần chú trọng hơn tới vấn đề chất lượng. Nhà trường cần hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục, đặc biệt là chất lượng giáo dục toàn diện. Các quỹ khuyến học ở địa phương cần được quan tâm tới yếu tố khuyến khích nguồn thu và công tác chi hiệu quả, đến đúng đối tượng và đạt được yêu cầu của sự khuyến khích. Xã hội hóa là làm cho mọi người đều quan tâm đến trẻ em và quyền học tập của trẻ em. Và bảo vệ quyền học tập của trẻ em là nghĩa vụ của Việt Nam và từng bước chúng ta tiên tới để mọi người dân và chính trẻ em thực hiện quyền của mình.

- Nâng cao chất lượng và tiến hành phổ biến Báo cáo Quốc gia về quyền trẻ em.

Toàn bộ hệ thống pháp luật, vai trò của các thiết chế cũng như những kết quả và hạn chế của việc thực hiện quyền trẻ em trong đó có quyền học tập của trẻ em ở Việt Nam được phản ánh khái quát trong Báo cáo Quốc gia về quyền trẻ em. Hiện nay, chủ trì công việc soạn thảo Báo cáo là trách nhiệm của Ủy ban Dân số, Gia đình và trẻ em. Công việc không được tiến hành thường xuyên mà được thực hiện theo kế hoạch, tính chuyên môn của người tham gia soạn thảo là không cao khi họ không trực tiếp làm việc trong lĩnh vực về trẻ em và có thể bị thay đổi. Với thực tế đó, đòi hỏi việc tạo lập một thiết chế cùng cơ chế lập Báo cáo thường xuyên và rõ ràng hơn, gắn với yếu tố trách nhiệm cá nhân. Mặt khác, theo quy định của Công ước về quyền trẻ em, Báo cáo Quốc gia phải được phổ biến rộng rãi cho dân chúng. Vì vậy,

trong công tác quản lý, chúng ta cần đưa Báo cáo này vào chương trình tuyên truyền, giáo dục về quyền trẻ em để mọi người dân quan tâm có thể tiếp cận với các thông tin, số liệu, và đó cũng chính là một cách thức để họ thực hiện quyền của một công dân có trách nhiệm với cộng đồng. Bên cạnh đó, về mặt luật pháp, cần quy định trách nhiệm công bố thông tin của báo cáo dành cho cơ quan chủ trì soạn thảo, sau khi đã nghiên cứu kỹ và xác định lại một cách rõ ràng hơn cơ quan chịu trách nhiệm chính đối với Báo cáo Quốc gia về quyền trẻ em.

KẾT LUẬN

Trẻ em – Tương lai của một đất nước, đó là một chân lý không có gì đáng bàn cãi, cho dù ở bất cứ quốc gia nào, trong hoàn cảnh và giai đoạn lịch sử nào đi nữa. Trong thế giới hiện đại ngày nay, tương lai của mỗi trẻ em phụ thuộc rất lớn vào kết quả của quá trình học tập của các em. Bảo đảm quyền học tập cho trẻ em nhìn một cách sâu xa là đảm bảo cho tương lai của đất nước và trực tiếp hơn là đảm bảo một trong những quyền cơ bản không thể tách rời với đối tượng là trẻ em. Trong lịch sử, chưa bao giờ vấn đề bảo vệ quyền trẻ em và đặc biệt là quyền học tập lại được đặt ra nghiêm túc và cấp bách như vậy. Quyền trẻ em là một bộ phận của quyền con người, tuy nhiên trẻ em là đối tượng đặc biệt nên cần phải có một cơ chế riêng biệt.

Đảm bảo quyền học tập của trẻ em có sự tham gia của nhiều bộ phận mà trong đó pháp luật phải là yếu tố đi đầu và luôn song hành để đảm bảo cho quyền của trẻ được thực hiện trên thực tế. Về cơ bản, cơ chế pháp lý quốc gia để bảo vệ quyền học tập của trẻ em ở Việt Nam đã được hình thành. Và trên cơ sở đó, quyền học tập của trẻ em đã được đảm bảo thông qua các hoạt động thực tiễn của Nhà nước cũng như toàn xã hội. Những kết quả đạt được, không phải không đáng kể, được thể hiện bằng các con số ấn tượng về tỷ lệ rất cao học sinh ở các lứa tuổi được tiếp cận và hoàn thành chương trình học phổ cập. Tuy nhiên như chúng ta đã thấy, chỉ những con số đó là chưa đủ, quyền học tập của trẻ em tại nhiều vùng miền trong cả nước vẫn còn nhiều điều phải làm, phải thay đổi một cách toàn diện.

Việt Nam là một quốc gia đang phát triển và đang tiến hành công cuộc đổi mới, với một mục tiêu quan trọng: Trẻ em là tiền đề cho sự phát triển đất nước, Với ý nghĩa đó, việc hoàn thiện cơ chế pháp lý bảo đảm một trong những quyền cơ bản và quan trọng nhất dành cho trẻ em – quyền được học tập là một nhiệm vụ ưu tiên. Nó thể hiện trách nhiệm của toàn xã hội đối với thế hệ tương lai để trẻ em Việt Nam sánh vai cùng trẻ em trên thế giới, góp phần xây dựng một thế giới phù hợp với trẻ em.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Vũ Ngọc Bình (2002), *Giới thiệu Công ước của Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em*, tr.181, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục – Đào tạo, Trung tâm ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam (1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, tr.1571, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Công ước về quyền trẻ em 1989 (1999), *Các văn bản pháp luật về Công pháp quốc tế và văn bản pháp luật Việt Nam có liên quan*, tr.179, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội và Trung tâm nghiên cứu quyền con người và quyền công dân (CRIGHTS), 2011, *Luật quốc tế về quyền của các nhóm người dễ bị tổn thương*, tr.51, Nxb Lao động – Xã hội.
6. Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội và Trung tâm nghiên cứu quyền con người và quyền công dân (CRIGHTS), 2012, *Bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trong khu vực ASEAN*, tr.159, Nxb Lao động – Xã hội.
7. Mai Quỳnh Nam (2004), *Trẻ em – gia đình – xã hội*, Nxb Chính trị Quốc gia, tr.8, Hà Nội.
8. Trần Thất (2000), *Bảo vệ quyền trẻ em trong pháp luật về quốc tịch và đăng ký hộ tịch ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Trung tâm nghiên cứu quyền con người – Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2003), *Quy nghị đồng Liên Hợp Quốc, quyền trẻ em*, tr. 112, Hà Nội.
10. Trung tâm nghiên cứu quyền con người – Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2000), *quyền trẻ em*, tr.37, Hà Nội.

11. Trung tâm nghiên cứu quyền con người – Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc (2003), *quyền trẻ em*, tr.67, Hà Nội.
12. Ủy ban Dân số, gia đình và trẻ em – Quỹ nhi đồng Liên Hợp Quốc (2002), *Những điều cần biết về quyền trẻ em*, tr.67, Hà Nội.
13. Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em – Vụ Hợp tác Quốc tế, *Công ước của Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em*, tr.12.
14. Viện nghiên cứu quyền con người (VIHR) thuộc Học viện chính trị - hành chính quốc gia Hồ Chí Minh và Quỹ nhi đồng Liên Hợp Quốc (2010), *quyền trẻ em – Tài liệu tập huấn cho giảng viên trường chính trị tỉnh, thành phố*, tr.21, Nxb Tư pháp.

Tài liệu tiếng Anh

15. Clara Sommarin (1999), *Advocating children's Rights in the Human Rights system of the United Nations*, Save the children Sweden, pp.25.
16. Geradine Van Bueren, *The International Law on the Rights of the Child*, Swedish save the Children, pp.32.
17. Geradine Van Bueren, *The International Law on the Rights of the Child*, Swedish save the Children, pp.34.
18. Sandy Ruxton, *Implementing children's Rights*, save the children, pp.12.
19. Thomas Hammarberg, *Making Reality of the Rights of the child* Swedish save the children, pp.6.